

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) TRỰC TIẾP TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP NĂM 2013

TRỊNH VĂN THANH*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Trong những năm qua, công tác xây dựng, ban hành các luật, pháp lệnh trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 đã được Chính phủ, Quốc hội thực hiện nghiêm túc. Trong đó, việc ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bảo đảm phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013 và đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu làm rõ những nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015 trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, đồng thời góp phần tìm hiểu một cách có hệ thống về những điểm mới sửa đổi, bổ sung của Bộ luật này.

Từ khóa: Bộ luật hình sự; Hiến pháp; nội dung cơ bản.

SUMMARY

In recent years, the Vietnam Government and National Assembly have strictly focused on enacting and promulgating laws and ordinances to enforce the Consitution 2013. The enactment of the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) was suitable to the spirit of the Consitution 2013 and met the demand of concretization of the Consitution. In this article, the author presented his study to clarify the basic contents of the Criminal Code 2015 that enforce the Consitution 2013 and study the new points and amendments of this Code.

Key words: Criminal Code; Constitution; content.

1. Những quy định của Hiến pháp năm 2013 có liên quan trực tiếp đến nội dung Bộ luật Hình sự năm 2015

Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII, đã chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014. Hiến pháp

năm 2013 được đánh giá là “một bản Hiến pháp mới phản ánh được ý chí và nguyện vọng của nhân dân, là kết tinh của ý Đảng lòng Dân, tạo cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc để đất nước ta thực

* Hiệu trưởng Trường Đại học CSND

hiện thẳng lợi các mục tiêu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong thời kỳ mới¹. Với tính cách là Luật cơ bản của Nhà nước, Hiến pháp năm 2013 là nền tảng pháp lý, căn cứ chủ đạo đối với việc ban hành toàn bộ các văn bản pháp lý khác của Nhà nước. Theo quy định của Hiến pháp 2013, có rất nhiều nội dung cần phải được cụ thể hóa trong Bộ luật Hình sự.

Nghiên cứu nội dung của BLHS năm 2015 có thể nhận thấy, Bộ luật này đã cụ thể hóa tương đối đầy đủ tinh thần và nội dung ba nhóm quy định của Hiến pháp năm 2013: *Một là*, các quy định về bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ Tổ quốc; *hai là*, các quy định về bảo đảm các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; *ba là*, các quy định về xây dựng và thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể như:

- Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân (Điều 1); Tổ quốc Việt Nam

là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị (Điều 11).

- Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật (Điều 14), gồm: Quyền sống (Điều 19); quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật (Điều 20), quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác (Điều 21); quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước (Điều 23); quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 24); quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25); quyền bầu cử, ứng cử (Điều 27); quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 29); quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 30); quyền sở hữu, quyền thừa kế (Điều 32); quyền tự do kinh doanh (Điều 33); quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp,

¹ Đào Trọng Thi, *Triển khai thi hành tốt, giá trị của Hiến pháp mới lan tỏa và tạo thành động lực phát triển mới cho đất nước*, <http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=303583>, cập nhật ngày 09/01/2014.

việc làm và nơi làm việc (Điều 35); quyền kết hôn, ly hôn (Điều 36); quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe (Điều 38); quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43). Điều 37 Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định: Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.

- Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh theo pháp luật; tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ (Điều 51).

2. Những nội dung của Bộ luật Hình sự năm 2015 thể hiện tinh thần và lời văn Hiến pháp năm 2013

BLHS năm 2015 đã bám sát và thể hiện tương đối đầy đủ tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ Tổ quốc

BLHS năm 2015 quy định bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc,

bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của BLHS (Điều 1). Kế thừa những quy định của BLHS năm 1999 về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và an ninh quốc gia, BLHS năm 2015 đã quy định, các hành vi cấu thành tội phản bội Tổ quốc (Điều 108), tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 111); tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113); tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114); tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 115); tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 116)... phải bị nghiêm trị².

BLHS năm 2015 cơ bản đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp 2013 về bảo vệ quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì “*quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của Luật trong trường hợp cần thiết...*” Theo tinh thần này, BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa những quy

²Người phạm tội phản bội Tổ quốc, tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tội gián điệp, tội bạo loạn, tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị phạt tử hình.

định mang tính định tính thay vì phải ban hành một loạt các văn bản dưới luật (chủ yếu là các thông tư liên tịch) nhằm đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch trong các quy định của BLHS, tạo thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng trong thực tế.

Xét tổng thể, BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa đến mức tối đa những quy định mang tính định tính, định lượng, vốn là một trong những bấp cập của BLHS hiện hành. Nhiều nội dung đã được thể hiện trong BLHS năm 2015. Điển hình như Điều 168 BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa tình tiết định khung “*gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ*”, “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”; bỏ các tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” ở khoản 3, khoản 4 của điều luật. Hoặc Điều 172 BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa và làm rõ các tình tiết định tội “*gây hậu quả nghiêm trọng*” ở khoản 1 Điều 137 của BLHS năm 1999 bằng “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, cụ thể hóa tình tiết “*đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản*” bằng “*Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này*” và bổ sung trong cấu thành

cơ bản đối tượng “*tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ*” mặc dù có giá trị dưới 2.000.000 đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự theo khoản 1 nếu đáp ứng các điều kiện khác trong cấu thành tội phạm.

- BLHS năm 2015 bổ sung 03 trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự là: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm pháp (Điều 24); Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25); Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26). Đồng thời, BLHS năm 2015 quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng tôn trọng lợi ích của người phòng vệ (khoản 1 Điều 22). Những bổ sung trên đây tạo cơ sở pháp lý để mọi người chủ động chống trả các hành vi nguy hiểm xâm phạm đến bản thân mình và tích cực tham gia phòng chống tội phạm, động viên mọi người sáng tạo, thử nghiệm nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

- BLHS năm 2015 bổ sung một số chế định quan trọng theo hướng tăng cường bảo vệ quyền con người như mở rộng phạm vi và đối tượng miễn trách nhiệm hình sự (Điều 29), bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện (Điều 63), nhằm tạo cơ hội cho những phạm nhân tích cực cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án ở các cơ sở giam giữ được sớm

trở về với gia đình và tiếp tục chúng tỏ sự cải tạo của mình trong môi trường xã hội bình thường có sự giám sát của chính quyền địa phương và xã hội. Nếu trong thời gian thử thách mà người được tha tù trước thời hạn cố ý vi phạm nghĩa vụ hoặc phạm tội mới thì phải trở lại cơ sở giam giữ để chấp hành tiếp phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. Quy định này cũng góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về việc giáo dục, cải tạo người phạm tội trong môi trường xã hội.

- BLHS năm 2015 thể chế hóa chủ trương của Đảng về hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt không mang tính giam giữ, cụ thể: Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng. Riêng đối với nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường thì phạt tiền là hình phạt chính có thể áp dụng đối với cả tội rất nghiêm trọng. Bộ luật cũng đã mở rộng nội hàm của hình phạt cải tạo không giam giữ, theo đó, trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ với thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Biện pháp này không áp dụng đối với người già yếu, phụ nữ

có thai (Điều 36); không áp dụng hình phạt tù đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng (khoản 2 Điều 38)³.

- BLHS năm 2015 đã quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Theo đó, Điều 40 của BLHS năm 2015 đã xác định rõ tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định. Không chỉ quy định rất chặt chẽ các điều kiện áp dụng hình phạt tử hình, BLHS năm 2015 còn bổ sung thêm các trường hợp không áp dụng hình phạt tử hình, không thi hành án tử hình. Theo đó, không áp dụng hình phạt tử hình đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử. Đối với người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì không thi hành án tử hình đối với họ. Quy định này nhằm góp phần hạn chế việc thi hành hình phạt tử

³ Theo đó, tại Phần các tội phạm, số lượng các khoản không quy định hình phạt tù tăng từ 06 khoản (theo BLHS năm 1999) lên hơn 30 khoản.

hình trên thực tế và là thúc đẩy việc thu hồi tài sản bị tham nhũng trong các vụ án tham nhũng.

BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh gồm: tội cướp tài sản (Điều 168); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249); tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252); tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303); tội chống mệnh lệnh (Điều 394); tội đầu hàng địch (Điều 399); và tội hoạt động phi (do BLHS năm 2015 đã bỏ tội danh này). Theo đó, BLHS năm 2015 còn duy trì hình phạt tử hình đối với 18 tội danh, trong tổng số 314 tội danh.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người (Chương XIV) và nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân (Chương XV) theo hướng tiếp tục tăng cường bảo vệ các quyền con người, quyền công dân trên tinh thần Hiến pháp năm 2013 với những chế tài nghiêm khắc; bổ sung một số quy định mới để xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đồng thời, có chính sách xử lý nghiêm khắc hơn đối với các tội xâm phạm quyền tự

do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân.

BLHS năm 2015 đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em trên tinh thần bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên

Theo quy định của BLHS năm 1999, các tội phạm mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng hơn là quy định này không rõ ràng, minh bạch, nên bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác khi nào thì hành vi do mình thực hiện bị coi là tội phạm. Thực tế cho thấy, những trường hợp người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa... Bản thân họ không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện. Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít

có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân⁴.

Kế thừa đồng thời khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 quy định rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, theo đó, người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ở 28 tội danh trong số 314 tội danh thuộc 04 nhóm tội phạm: Nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; Nhóm các tội xâm phạm sở hữu; Nhóm các tội phạm về ma túy; Nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng.

Bên cạnh đó, để tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự đối với người chưa thành niên, đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các văn kiện quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, phù hợp với xu hướng chung của thế giới, BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa các điều kiện miễn trách nhiệm hình sự áp dụng riêng cho từng đối tượng người chưa thành niên (người

từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi), đồng thời, bổ sung 03 biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp các em được miễn trách nhiệm hình sự, gồm: Khiển trách; Hòa giải tại cộng đồng; Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nhóm tội phạm cụ thể theo hướng tăng cường bảo vệ các quyền con người

Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người, BLHS năm 2015 đã tội phạm hóa các hành vi mua bán, chiếm đoạt mô, bộ phận cơ thể người (Điều 154); cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 160), ngăn cản hoặc ép buộc người khác lập hội, hội họp hợp pháp (Điều 163); xâm phạm quyền trẻ em như: Cưỡng bức lao động (Điều 297), lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức (Điều 147). Đồng thời tăng nặng hình phạt đối với 06 tội thuộc nhóm này (các điều 154, 155, 158, 159, 160 và Điều 162) nhằm nghiêm trị các hành vi xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nội dung cấu thành tội mua bán người, tội mua bán trẻ em quy định tại Điều 119 và Điều 120 BLHS năm 1999 theo tinh

⁴ Nguyễn Hòa Bình, *Chuyên đề những nội dung sửa đổi lớn và những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Phần chung của Bộ luật Hình sự năm 2015*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

thần Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người mà nước ta là thành viên, đặc biệt là mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); sửa đổi theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với một số tội xâm phạm hoạt động tư pháp như tội dùng nhục hình (Điều 373), bức cung (Điều 374) và hoàn thiện nội dung cấu thành của hai tội này theo tinh thần Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984.

BLHS năm 2015 thể hiện tinh thần Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển

Để góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển, BLHS năm 2013 đã phi tội phạm hóa đối với đối với 04 tội danh được quy định trong BLHS năm 1999, gồm: Tội kinh doanh trái phép (Điều 159); tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167); tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178). Việc loại bỏ 04 tội phạm này khỏi BLHS nhằm bảo đảm quyền tự do và tự chủ của các chủ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời phù hợp với tình hình tội phạm thời gian qua. Đặc biệt, việc phi hình sự hóa tội kinh doanh trái phép

xuất phát từ thực tế hiện nay, những lĩnh vực cấm kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư năm 2014 thu hẹp lại, theo đó Nhà nước chỉ cấm kinh doanh một số lĩnh vực cụ thể và những lĩnh vực này đã được quy định tại một số điều luật cụ thể của BLHS các tội phạm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; ma túy; vũ khí; buôn bán người... Bên cạnh đó, với những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện mà vi phạm đã bị xử phạt hành chính là đủ sức răn đe. Riêng một số lĩnh vực khác thì BLHS đã có quy định cụ thể như tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, hoặc một số tội phạm trong lĩnh vực đất đai, bảo hiểm, buôn bán vũ khí, phóng xạ... Do đó, việc duy trì tội kinh doanh trái phép trong BLHS là không còn phù hợp và cần thiết trong thực tế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay⁵.

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 đã thay thế tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS năm 1999) bằng những tội phạm cụ thể trong các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội với dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế như: quản lý

⁵ Nguyễn Sơn, *Chuyên đề những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong chương các tội xâm phạm sở hữu và chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

đất đai, thuế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... Việc không quy định thành một tội riêng hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng mà thay vào đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung một số tội danh mới (mang đặc trưng của tội cố ý làm trái) vào từng lĩnh vực cụ thể⁶ xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn áp dụng BLHS. Thực tiễn áp dụng BLHS năm 1999 đã cho thấy, tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng được coi như là một cái túi để xử lý tất cả những trường hợp mà cơ quan tố tụng không thể hoặc không muốn xử lý người phạm tội về những tội phạm khác. Điều này vô hình chung đã làm cho mọi cá nhân, tổ chức không dám đi đầu, phát huy sáng kiến thúc đẩy sản xuất kinh doanh vì sợ vướng vào tội này. Điều này lại càng nghiêm trọng hơn khi hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế của ta đang trong quá trình hoàn thiện, tính ổn định không cao, nên việc tiếp tục duy trì tội này trong BLHS thực sự là một rào cản rất lớn cho quá trình phát triển kinh tế, là cơ sở để các cơ quan tố tụng áp dụng nguyên tắc tương tự - vốn là điều cấm kỵ trong một nền tư pháp hiện đại - để xử lý các hành vi mà BLHS chưa dự liệu trước.

⁶ BLHS năm 2015 đã quy định 41 tội danh xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thuộc 3 nhóm lĩnh vực: 1) sản xuất, kinh doanh, thương mại; 2) thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; 3) lĩnh vực kinh tế khác.

Để nền kinh tế thị trường của một quốc gia phát triển lành mạnh, năng động thì cần phải khai thác mọi tiềm năng sẵn có và phát huy hết nguồn lực của mỗi cá nhân, tổ chức qua đó thúc đẩy mọi chủ thể trong xã hội phát huy, tìm tòi, sáng tạo, làm giàu cho bản thân và cho đất nước. Muốn làm được điều này, Nhà nước cần xây dựng hành lang pháp lý để người dân được quyền làm những điều pháp luật không cấm. Với tinh thần đó, thì việc duy trì tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng không đáp ứng được yêu cầu trên.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhiều tội danh mang tính cố ý làm trái để thay thế cho tội danh cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng trong từng lĩnh vực cụ thể, như lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm..., đồng thời làm rõ cấu thành tội phạm của những tội phạm đã có sẵn như: Trốn thuế, các tội trong lĩnh vực quản lý đất đai, bảo vệ tài nguyên rừng... BLHS năm 2015 cũng có một số điều khoản mang tính chất “cố ý làm trái” trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Quy định một số tội danh liên quan đến hành vi “cố ý làm trái” của người có chức vụ, quyền hạn như: tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Ngoài ra, BLHS năm 2015 còn bổ sung các tội danh mới (gồm tội vi phạm

quy định về cạnh tranh (Điều 217), tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218), tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219), tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220), tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221), tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222), tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223), tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224), tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 230)) để thay thế tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng. Đây là những cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi phạm tội cố ý làm trái trong từng lĩnh vực cụ thể.

BLHS năm 2015 cũng đã sửa đổi, bổ sung các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; hình sự hóa một số hành vi phạm tội trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán. Cụ thể: Bổ sung thêm 04 tội danh liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm; sửa đổi, bổ sung các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán.

BLHS năm 2015 đã thể hiện tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình

đẳng, hợp tác, cạnh tranh theo pháp luật, tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo hộ, theo đó, BLHS năm 2015 không phân biệt tài sản nhà nước hay tài sản của công dân từ góc độ quy định về tội phạm cũng như chế tài xử lý, tội phạm hoá các hành vi tham nhũng trong khu vực tư (ngoài nhà nước).

BLHS năm 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại

BLHS năm 2015 đã quy định tương đối toàn diện và đầy đủ những vấn đề liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại ở Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể như: Cơ sở của trách nhiệm hình sự, các nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại, số lượng các tội phạm cụ thể mà pháp nhân thương mại có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và các hình phạt đối với các tội phạm đó để: i) phòng chống có hiệu quả hơn đối với hành vi vi phạm pháp luật đang gia tăng từ phía pháp nhân thương mại; (ii) khắc phục bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành trong việc xử lý đối với pháp nhân thương mại vi phạm pháp luật; (iii) chuẩn bị cơ sở pháp lý cần thiết cho quá trình hội nhập quốc tế, tránh tình trạng bị động khi xử lý các doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư ở Việt Nam mà lại vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam.

BLHS năm 2015 phi tội phạm hóa tội kinh doanh trái phép

Hiến pháp năm 2013 quy định mọi

người có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Luật doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2014) với mục tiêu giải phóng các năng lực sản xuất, thu hút mạnh các nguồn lực và nguồn vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh đã quy định doanh nghiệp khi xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không bắt buộc ghi ngành nghề kinh doanh, tách bạch giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bãi bỏ quy định về yêu cầu và điều kiện kinh doanh không hợp lý tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp... Theo tinh thần đó, việc duy trì chế tài hình sự là không còn cần thiết và đã loại bỏ tội phạm này khỏi nội dung BLHS năm 2015. ■

T.V.T

Tài liệu tham khảo

1. Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), *Bản thuyết minh chi tiết về Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội, tháng 4/2015.

2. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

3. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Nguyễn Hòa Bình, *Chuyên đề*

(*Nhận bài: 26/12/2017; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018*)

những nội dung sửa đổi lớn và những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Phần chung của Bộ luật Hình sự năm 2015, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

5. Đại hội đồng Liên hợp quốc, Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, thông qua ngày 10/12/1984 theo Nghị quyết 39/46, có hiệu lực từ ngày 26/6/1987.

6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10.

7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

8. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.

9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

10. Nguyễn Sơn, *Chuyên đề những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong chương các tội xâm phạm sở hữu và chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

TRẦN THÀNH HÙNG*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội chính là hậu quả pháp lý bất lợi (hình phạt, miễn hình phạt, biện pháp tư pháp, án tích) mà người dưới 18 tuổi phải gánh chịu vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự và bị coi là tội phạm. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đã được phân tích, luận giải, đánh giá dưới nhiều góc độ khác nhau. Bài viết này tập trung phân tích, luận giải những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự; người dưới 18 tuổi phạm tội; Bộ luật hình sự.

SUMMARY

Juvenile criminal responsibility is the disadvantageous legal consequence (sentences, sentence exemption, judicial measures, conviction) that juvenile offender has to bear for committing dangerous act for society regulated in the Criminal Code and being considered as criminal. Juvenile criminal responsibility is a significant theoretical and practical issue that has been analysed, explained and evaluated from many aspects. In this article, the author analysed new points of the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) on the juvenile criminal responsibility.

Key words: Criminal responsibility; juvenile offender; Criminal Code.

Có thể khẳng định, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, con người và vấn đề bảo đảm quyền con người là trung tâm của mọi hoạt động xã hội. Quan điểm xuyên suốt thể hiện trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam là luôn coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự

phát triển đất nước, trong đó trẻ em, người dưới 18 tuổi được ví như măng non, là nguồn hạnh phúc của gia đình, tương lai của dân tộc, chủ nhân kế tục sự nghiệp phát triển đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ

* Phó Hiệu Trường Đại học CSND

lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nhấn mạnh: “...*Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em...*”¹. Đối với người dưới 18 tuổi nói chung, trẻ em nói riêng, quan điểm của Nhà nước ta là bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nhằm giúp họ phát triển về thể chất lẫn tinh thần một cách tốt nhất. Điều 37 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 xác định: “*Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em*”. Điều 5 Luật trẻ em năm 2016 quy định: “...*Không phân biệt đối xử với trẻ em. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em...*”. Trên bình diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, thì Hiến pháp và pháp luật luôn coi trẻ em, người dưới 18 tuổi là đối tượng cần bảo vệ, chăm sóc và quan tâm đặc biệt đối với cả hai trường hợp, khi họ là chủ thể của tội phạm cũng như khi họ là nạn nhân của tội phạm. Nhận thức này đã được thể chế hóa trong các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án hình sự cũng như pháp luật về phòng ngừa tội phạm. Đây chính là

cơ sở pháp lý cho việc tiến hành các hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội và giáo dục cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tội phạm và trách nhiệm hình sự (hình phạt, các biện pháp tư pháp, miễn hình phạt, án tích) là những chế định cơ bản, trung tâm của Luật hình sự. Theo nguyên tắc chung, tội phạm thì phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hình sự chính là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước. Với ý nghĩa đó, trách nhiệm hình sự được đặt ra nhằm bảo đảm cho hoạt động xử lý người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội một cách kịp thời, nhanh chóng và công minh. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi tập trung phân tích, luận giải, đánh giá những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội. Thiết nghĩ việc làm này là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay, khi mà vấn đề quyền của người dưới 18 tuổi đang được dư luận xã hội quan tâm, đặc biệt là trong trường hợp người dưới 18 tuổi trở thành đối tượng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Hà Nội.

tác động của các hoạt động tố tụng hình sự. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội được đề cập trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nội dung pháp lý sâu sắc, phạm vi điều chỉnh rất rộng nhưng tập trung vào một số vấn đề cơ bản, cốt lõi dưới đây:

Thứ nhất, về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội xuất hiện và tồn tại gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam. Với sự cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội có những khác biệt đáng kể so với người đã thành niên phạm tội. Sự khác biệt này trước hết được thể hiện trong các quy định về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó quan trọng nhất là quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, các cơ quan có thẩm

quyền tiến hành tố tụng phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Phù hợp với sự thiếu hụt và non nớt về kiến thức, kinh nghiệm sống của người dưới 18 tuổi cũng như gắn liền với trách nhiệm của toàn xã hội trong việc giáo dục người dưới 18 tuổi, nguyên tắc này hướng đến trọng tâm của việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là giáo dục, giúp đỡ để họ trở thành người có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc chung, bao trùm và chi phối nội dung các nguyên tắc còn lại trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, thể hiện tính nhân đạo của hệ thống pháp luật hình sự nước ta và nó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của các công ước quốc tế về tư pháp người dưới 18 tuổi. Nguyên tắc này nhằm mục đích bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi và vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi. Đây được coi là nguyên tắc cốt lõi của tất cả các hoạt động liên quan đến người dưới 18 tuổi. Điều này đã được ghi nhận tại Điều 3 của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

Các cơ quan có thẩm quyền ưu tiên xem xét áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm khiển trách, hòa giải tại cộng đồng, giám sát, giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Như chúng ta đã biết, một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc xử lý người dưới

18 tuổi phạm tội đó là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của các em. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, tạo môi trường phát triển bình thường cho người dưới 18 tuổi phạm tội là vô cùng quan trọng. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các biện pháp xử lý nằm ngoài hệ thống tư pháp chính thức, mang tính răn đe, giáo dục xã hội (xử lý chuyển hướng) để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi mang lại hiệu quả mong muốn và đó là một biện pháp tiến bộ mà hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên đang khuyến khích áp dụng (tại Điều 40 (3)(b) Công ước quốc tế về Quyền trẻ em đã thể hiện điều này).

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Nguyên tắc này bổ sung cho nguyên tắc thứ nhất nhằm hạn chế tình trạng trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ cần áp dụng biện pháp xử lý khác nhưng lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đặc biệt là bị áp dụng hình phạt. Quy định này đòi hỏi sự cân nhắc kỹ của người áp dụng pháp luật khi quyết định hình thức và biện pháp xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hạn chế tác động tiêu cực của chế tài hình sự, đặc biệt là hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Những trường hợp mà

tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cũng như nhân thân người phạm tội thể hiện cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt hay biện pháp tư pháp thì Tòa án vẫn phải lựa chọn biện pháp này.

Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc việc áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm mục đích giáo dục, phòng ngừa.

Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong hệ thống hình phạt ở nước ta, đây là hai hình phạt thể hiện tính trừng trị cao nhất: Một hình phạt mang tính chất là tước tự do suốt đời và một hình phạt tước quyền sống của người bị kết án. Với tính chất đó, các hình phạt này chỉ được áp dụng trong những trường hợp hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội cho thấy người đó khó hoặc không còn khả năng cải tạo, giáo dục. Những hình phạt này trái với đường lối xử lý chung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi

phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và trong thời gian thích hợp ngắn nhất. Quy định này phù hợp với đánh giá về sự thiếu hoàn thiện trong nhận thức và kinh nghiệm sống của người dưới 18 tuổi và cũng là biểu hiện của đường lối xử lý khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hạn chế tác động tiêu cực của môi trường trại giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đồng thời, quy định này cũng là sự thể chế hóa các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự người dưới 18 tuổi được ghi nhận trong Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, theo đó, không có trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tư pháp người dưới 18 tuổi.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Người trong độ tuổi này thường chưa tham gia lao động để có tài sản nên việc hiểu đúng giá trị tài sản đối với cuộc sống còn hạn chế. Việc áp dụng hình phạt tiền đối với họ có thể không phát huy được hiệu quả giáo dục, cải tạo của loại hình phạt này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ là các hình phạt chính. Quy định này phù hợp với nguyên tắc tiết chế hình phạt áp dụng

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Quy định này thể hiện tính khoan hồng cao hơn trong xử lý hình sự người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội so với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Thứ hai, về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi

Tinh thần xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải thể hiện sâu sắc tính nhân đạo, vì vậy, tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này”.

Trong tương quan so sánh với Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự: *“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc*

tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” thì Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thu hẹp phạm vi các tội phạm mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, theo đó người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại 28 điều luật. Việc quy định này thể hiện rõ chính sách hình sự khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Thứ ba, về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội

Điều 14 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.

2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299,

300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Như vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thu hẹp phạm vi các tội phạm mà người dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Thay vì người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng, một tội đặc biệt nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự, thì hiện nay người 18 tuổi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị phạm tội đối với các tội phạm quy định tại 25 điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội giết người hoặc tội cướp tài sản thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định theo hướng mở rộng phạm vi loại tội phạm mà người dưới 18 tuổi có thể phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, điều đó có nghĩa người dưới 18 tuổi không chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng mà có thể còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng. Quy định

này nhằm thể chế hóa nguyên tắc mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật, đồng thời, đáp ứng thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong những năm sắp tới.

Thứ tư, về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự

Như chúng ta đã biết, một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đó là phải bảo đảm các lợi ích tốt nhất của các em. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, tạo môi trường phát triển bình thường cho người dưới 18 tuổi phạm tội là vô cùng quan trọng. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các biện pháp xử lý nằm ngoài hệ thống tư pháp chính thức, mang tính răn đe, giáo dục xã hội (xử lý chuyển hướng) để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi mang lại hiệu quả mong muốn và đó là một đòi hỏi của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên. Cách thức xử lý không viển vông dẫn đến các thủ tục tố tụng chính thức đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đang được sử dụng phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới, đã và đang đem lại nhiều hiệu quả trong việc giáo dục và phòng ngừa tội phạm vị thành niên cũng như đảm bảo lợi ích cộng đồng².

Có thể khẳng định, Khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) được xem là định hướng ban đầu cho việc xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tạo cơ sở cho các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét miễn trách nhiệm hình sự và giao người dưới 18 tuổi cho gia đình, cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục. Tuy nhiên, việc thiếu các quy định rõ ràng, cụ thể đã cản trở việc áp dụng xử lý chuyển hướng trong thực tiễn. Ngoài ra, thực tiễn xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng như các chế tài không giam giữ thiếu bài bản, không hiệu quả do thiếu các dịch vụ hỗ trợ và các nguồn nhân lực tại cộng đồng hạn chế. Đồng thời, việc đa dạng hóa các biện pháp xử lý chuyển hướng là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền được lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng phù hợp nhất đối với từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, cũng cần phải lưu ý rằng, biện pháp xử lý chuyển hướng được xem xét áp dụng với từng trường hợp cụ thể phải phù hợp với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, nhu cầu của người dưới 18 tuổi phạm tội và điều kiện cũng như

² TS. Hoàng Minh Đức (2016), *Tìm hiểu về biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Nghề luật, Học viện Tư pháp, Hà Nội.

các loại dịch vụ hỗ trợ tại địa phương nơi người dưới 18 tuổi phạm tội cư trú như tham vấn, kèm cặp, tập huấn kỹ năng sống, hướng nghiệp, dạy nghề³.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, tỷ lệ tái phạm tương đối cao, thực tiễn áp dụng những quy định về tư pháp hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển và thay đổi nhanh chóng về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, đối ngoại hiện nay và trước những yêu cầu hội nhập quốc tế theo hướng bảo vệ tốt hơn nữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội, hệ thống tư pháp hình sự của Việt Nam đã bộc lộ một số hạn chế nhất định như các biện pháp thay thế xử lý chính thức chưa được quan tâm, các quy định chưa thực sự bảo đảm vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và tính thân thiện trong quy trình tố tụng cũng như yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em... Những bất cập này đặt ra yêu cầu phải xem xét, nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung, pháp luật liên quan đến hệ thống xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng mà trong đó việc xây dựng một hệ

thống các biện pháp chuyển hướng và quy trình xử lý chuyển hướng cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hết sức cần thiết nhằm bảo vệ tốt hơn lợi ích của người dưới 18 tuổi, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cũng như đảm bảo thực thi các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

Trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nguyên tắc áp dụng xử lý chuyển hướng được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 91, theo đó:

“2. Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này.

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ tội phạm quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 150, 151, 168, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này.

c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án”.

Đồng thời, các biện pháp xử lý chuyển hướng được quy định từ Điều 92 đến

³ Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (2015), *Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội, Tr.35-45.

Điều 95, Mục 2, Chương XII với tên gọi: “*Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự*”. Điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là đã thể chế hóa bằng các quy định cụ thể về nguyên tắc, điều kiện, căn cứ, phạm vi, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bước đầu tạo ra nền tảng pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp xử lý nằm ngoài thủ tục tố tụng hình sự chính thức đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, huy động được đông đảo các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, công dân tham gia vào công tác cảm hóa, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, thực hiện có hiệu quả phương châm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng và thực thi pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Thứ năm, về biện pháp tư pháp và hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng tại Điều 96 đảm bảo nguyên tắc chỉ áp

dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Theo đó, Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ. Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường. Đồng thời, để khuyến khích người dưới 18 tuổi tích cực chấp hành biện pháp này và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Trường giáo dưỡng được giao trách nhiệm quản lý giáo dục, Tòa án có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng nếu người dưới 18 tuổi đã chấp hành được một phần hai thời hạn.

Với tư cách là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do Tòa án quyết định áp dụng đối với người dưới 18 tuổi nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi. Hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm

tội chỉ có thể là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn với căn cứ, phạm vi, điều kiện áp dụng có sự thay đổi đáng kể trong sự so sánh với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999. Cụ thể:

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định. Đồng thời, hình phạt tiền không chỉ được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng mà còn được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng rất nghiêm trọng.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định cụ thể việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Trước đây, trong Bộ luật Hình sự năm 1999, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thì nay quy định cả đối với cả trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng (Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015): *“Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người*

từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng”.

Việc quy định như trên nhằm thể chế hóa tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo hướng giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm và chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam hiện nay.

Thứ sáu, về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích

Bộ luật Hình sự năm 1999 chưa có quy định đặc thù về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi, do đó dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng. Một số nơi vận dụng quy định tại các Điều 17, 18, 52 Bộ luật Hình sự 1999 để áp dụng, một số nơi cho rằng không có cơ sở pháp lý để quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi. Để giải quyết vướng mắc, bắt cập trong thực tiễn, cùng với việc sửa đổi Điều 17 về chuẩn bị phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung 01 điều (Điều 102) về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm

tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi. Theo đó: Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại Điều 100, Điều 101 và mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015⁴.

Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự 1999 chỉ mới quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 75) mà chưa có quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án áp dụng đối với người dưới 18 tuổi. Tại Điều 103 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017) quy định việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, Điều 104 quy định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đã cụ thể hơn quy định trước đây, thay cụm từ “*tội nặng nhất*” theo quy định cũ thành quy định “*mức hình phạt Tòa án tuyên nặng hơn...*”.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện là biện pháp trả tự do sớm có điều kiện áp dụng đối với người đang chấp hành hình phạt tù để họ được cải tạo, sửa chữa lỗi lầm với sự giúp đỡ và giám sát của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội. Điều 106 quy định: “*Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 của Bộ luật này có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Phạm tội lần đầu; b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù; d) Có nơi cư trú rõ ràng*”.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã hoàn thiện chế định xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi. Tại Điều 107 quy định:

“*1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

- a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;*
- b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất*

⁴ Bùi Thành Chung – Nguyễn Hoàng Thao (2016), *Quy định về trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.30 - 37.

ng nghiêm trọng do vô ý;

c) Người bị áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Mục 3 Chương này.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm”.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định rõ việc không coi một người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do vô ý hay người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là có án tích. Trong Bộ luật Hình sự năm 1999, tất cả người dưới 18 tuổi đều xem là có án tích và chỉ được xóa đương nhiên sau một thời gian nhất định. Đây là chế định mang tính

nhân đạo, nhân văn sâu sắc, hạn chế tối đa những trường hợp người dưới 18 tuổi sau khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án vẫn mang án tích, tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Với những phân tích, luận giải, đánh giá một cách khoa học bằng những căn cứ luận sắc bén nêu trên, chúng tôi cho rằng, trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thể hiện rõ tư tưởng nhân đạo xuyên suốt là giúp đỡ các em sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội. Đây là những nguyên tắc quan trọng, thể hiện sự nhân đạo của hệ thống pháp luật hình sự nước ta và nó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của các công ước quốc tế về tư pháp người dưới 18 tuổi. Tất cả các nguyên tắc đều nhằm mục đích bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi và vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi. Trên cơ sở những phân tích về tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã dành hẳn một chương quy định cụ thể về đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm từ nguyên tắc xử lý đến hệ thống các chế tài, biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và việc tổng hợp hình phạt trong trường

hợp phạm nhiều tội, giảm mức hình phạt đã tuyên, xóa án tích. Về cơ bản, các quy định này đã nội luật hóa các Điều ước quốc tế về quyền con người mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phù hợp với đối tượng áp dụng là người dưới 18 tuổi - những người chưa phát triển đầy đủ và toàn diện về thể chất, trí tuệ, họ bị hạn chế về trình độ nhận thức, kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiểm chế chưa cao nên dễ bị kích động, lôi kéo vào những hoạt động phạm tội. Thiết nghĩ vấn đề quan trọng trong bối cảnh hiện tại đối với các cơ quan tư pháp hình sự là cần

tiếp tục thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giải thích quy phạm pháp luật hình sự liên quan đến trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội đảm bảo việc nhận thức và áp dụng pháp luật một cách đồng bộ, thống nhất đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trên đây là một vài luận điểm về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xin trao đổi cùng các chuyên gia pháp lý, các nhà khoa học và đồng nghiệp. ■

T.T.H

(Nhận bài: 05/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

TÌM HIỂU QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

VŨ ĐỨC TRUNG*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Luật số 100/2015/QH 13) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20/6/2017, cả hai Luật trên có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Trong Bộ luật Hình sự này có quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Sau đây xin trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu và giới thiệu cùng bạn đọc về các tội phạm trên.

Từ khóa: Bộ luật hình sự; tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

SUMMARY

Criminal Code 2015 (Law No. 100/2015/QH 13) was passed by the 13th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 6th session on 27/11/2015; Law on Amendments to the Criminal Code No. 100/2015/QH 13 was passed by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its third session on 20/6/2017. Both of these codes came into forces from 01/01/2018. In this Criminal Code, there are chapter of Offences against the person and reputation. In this article, the author presented his research of offences against the person and reputation.

Key words: Criminal Code; Offences against the person and reputation.

Nghiên cứu nội dung Chương XIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chúng tôi thấy có những vấn đề nổi bật sau đây.

1. Bộ luật Hình sự đã cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

nghĩa Việt Nam năm 2013 đặc biệt quan tâm đến vấn đề quyền con người, quyền công dân, chính vì vậy trong quá trình lập hiến, bản Hiến pháp đã quy định vấn đề này tại chương thứ 2, ngay sau chương quy định về Chế độ chính trị. Một trong những nhóm quyền con người, quyền cơ bản của công dân là quyền sống, quyền được Nhà nước bảo hộ về sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Tại Điều 19 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.*”; Khoản 1, Điều 20 Hiến pháp 2013 cũng quy định: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm*”¹.

Với nhiệm vụ cụ thể hóa Hiến pháp, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 đã quy định tội phạm và hình phạt tại Chương XIV (từ Điều 123 đến Điều 156) đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người để bảo vệ một cách có hiệu quả các quyền trên. Đây là cơ sở pháp lý quan

trọng để Nhà nước bảo vệ có hiệu quả các quyền con người trong lĩnh vực nói trên, vì: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”².

Cụ thể hóa nhiệm vụ bảo vệ của Bộ luật Hình sự, Chương XIV đã quy định về tội phạm và hình phạt, có thể chia thành các nhóm tội như sau:

Nhóm thứ nhất: Các tội xâm phạm tính mạng con người được quy định từ Điều 123 đến Điều 133, gồm: Tội giết người, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, tội làm chết người trong khi thi hành công vụ, tội vô ý làm chết người, tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, tội bức tử, tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát, tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tội đe dọa giết người.

Nhóm thứ hai: Các tội xâm phạm sức khỏe của con người được quy định từ Điều 134 đến Điều 140, gồm các tội: cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

¹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, năm 2013.

² Khoản 1, Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015.

hoặc quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ, vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, hành hạ người khác.

Nhóm thứ ba: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự đồng thời xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của con người được quy định từ Điều 141 đến Điều 156, gồm tội: Hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, sử dụng người dưới 16 tuổi với mục đích khiêu dâm, lây truyền HIV cho người khác, cố ý lây truyền HIV cho người khác, mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, đánh tráo người dưới 01 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi, mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người, làm nhục người khác, vu khống.

2. Bộ luật Hình sự đã quy định một số tội mới

Tại Chương XIV Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định một số tội mới. Tội mới là tội chưa được quy định trong các đạo luật hình sự trước khi ban hành Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và nay được quy định trong Bộ luật Hình sự để tạo cơ sở pháp lý cho việc trừng trị những hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị trừng trị bằng Luật hình sự. Qua nghiên cứu cho thấy có 2 dạng tội mới đó là hành vi phạm tội mới được ghép với tội cũ trước đây và tội hoàn toàn mới được quy định tại Chương VIV Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể như sau:

Thứ nhất: Hành vi phạm tội mới được ghép với tội cũ hoặc thay thế cho tội cũ trước đây: Điều 126 - Tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Đây là hành vi sử dụng các biện pháp trấn áp để bắt giữ người phạm tội nhưng vượt quá mức cần thiết, tức là vượt quá mức độ của hành vi cho phép khống chế, ngăn chặn ngay và có hiệu quả đối với hành vi phạm tội của nạn nhân làm cho người bị bắt giữ chết³. So với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi và bổ sung năm 2009) thì đây là hành vi phạm tội mới được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vì tại điều 96 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chỉ quy định tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Tương tự như vậy, tại Điều

³ Nguyễn Ngọc Điệp, *Bình luận khoa học phân các tội phạm Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Thế giới, Tr.33.

136 cũng quy định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội.

Một số tội được quy định rõ ràng hơn so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Điều 142 - Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi tương ứng với Điều 112 - Tội hiếp dâm trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 144 - Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tương ứng với Điều 114 - Tội cưỡng dâm trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 145 - Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tương ứng với Điều 115 - Tội giao cấu với trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), trong tội này có quy định hành vi phạm tội mới đó là: *“thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”*. Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 16 tuổi là hành vi của người đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác (ngoài hành vi giao cấu) với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi mà việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục đó có sự thỏa thuận, đồng ý của họ và không phải vì bất kỳ mục đích có tính

vật chất nào⁴). Sự thỏa thuận tức là giữa người phạm tội với người cho quan hệ tình dục đều có ý chí mong muốn được quan hệ tình dục nhưng không vì mục đích có tính vật chất nào khác. Điều 146 - Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi tương ứng với Điều 116 - Tội dâm ô đối với trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 151 - Tội mua bán người dưới 16 tuổi tương ứng với Điều 120 - Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 152 - Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi tương ứng với Điều 120 - Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Thứ hai: Hành vi phạm tội hoàn toàn mới và được quy định là tội mới: Điều 147 - Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Hành vi phạm tội được thể hiện người đủ 18 tuổi trở lên lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức; Điều 154 - Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Điều luật quy định 2 tội gồm: Tội mua bán mô hoặc bộ phận cơ thể người được thể hiện ở hành vi dùng tiền, tài sản để trao đổi lấy mô hoặc bộ phận cơ thể người nếu ở hành vi mua; dùng mô hoặc bộ phận cơ thể người để trao đổi lấy tiền, tài sản nếu ở hành vi bán. Tội chiếm đoạt

⁴ Nguyễn Ngọc Diệp, *Bình luận khoa học phân các tội phạm Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Thế giới, Tr.66.

mô hoặc bộ phận cơ thể người là hành vi chuyển dịch trái pháp luật mô hoặc bộ phận cơ thể người của người khác thành của mình.

3. Bộ luật Hình sự quy định cụ thể, rõ ràng một số tình tiết định tội, định khung mới

Tình tiết định tội, định khung mới là những tình tiết định tội, tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội trong cấu thành cơ bản hay cấu thành tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tội đó. Trong chương XIV - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều tình tiết như vậy được bổ sung. Qua nghiên cứu cho thấy có những quy định như sau:

Thứ nhất, lượng hóa sự thiệt hại về người do hành vi phạm tội gây ra: Trong một số tội phạm, tại khung cấu thành tăng nặng đã quy định rõ số lượng người “*bị giết hoặc bị chết là từ 02 người trở lên*”. Cụ thể điểm a, khoản 1 của Điều 123 - Tội giết người; khoản 2, Điều 125 - Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; khoản 2, Điều 126 - Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; khoản 2, Điều 127 - Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ; khoản 2, Điều 128 - Tội vô ý làm chết người; khoản 2, Điều 129 - Tội vô ý làm chết

người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

Thứ hai, lượng hóa đối tượng tác động của tội phạm là con người: Cũng trong một số tội phạm tại khung cấu thành tăng nặng đã quy định rõ số lượng “*đối với 02 trở lên*” bị tác động bởi hành vi phạm tội, cụ thể là: khoản 2, Điều 130 - Tội bức tử; khoản 2, Điều 131 - Tội xúi giục hoặc giúp người khác tạt sạt; khoản 3, Điều 132 - Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng; khoản 2, Điều 133 - Tội đe dọa giết người; khoản 2, Điều 140 - Tội hành hạ người khác; điểm đ, khoản 1, Điều 141 - Tội hiếp dâm; điểm e, khoản 2, Điều 142 - Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; điểm c, khoản 2, Điều 143 - Tội cưỡng dâm; điểm đ, khoản 2, Điều 144 - Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; điểm b, khoản 2, Điều 145 - Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; điểm c, khoản 2, Điều 146 - Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi; điểm c, khoản 2, Điều 147 - Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm...

Thứ ba, lượng hóa tỷ lệ thương tích hoặc tỷ lệ tổn hại sức khỏe của người bị hại do hành vi phạm tội gây ra. Nhằm cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội, Bộ luật Hình sự đã quy định “*tổn thương cơ thể*” thay cho cụm từ “*tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại sức khỏe*” của người bị hại

do hành vi phạm tội gây ra. Tại nhóm tội gây thương tích (bao gồm cả 2 hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý) và được quy định trong 2 trường hợp:

Trường hợp thứ nhất, quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại trong khung cấu thành tội phạm. Trong trường hợp này Bộ luật Hình sự đã quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại từ 11% đến 30% đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác hay từ 31% đến 60% đối với các tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn lại.

Trường hợp thứ hai, quy định tổn thương cơ thể của người bị hại trong khung cấu thành tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Trong trường hợp này Bộ luật Hình sự đã quy định tổn thương cơ thể của người bị hại từ 31% đến 60% đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và từ 61% trở

lên đối với các tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn lại. ■

V.Đ.T

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

2. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009.

3. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

4. Nguyễn Ngọc Điệp, *Bình luận khoa học phần các tội phạm Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Thế giới.

(Nhận bài: 06/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

NHỮNG ĐIỂM MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

TRẦN NGỌC ĐỨC*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Từ trước đến nay, hoạt động tư pháp được Nhà nước bảo vệ chặt chẽ bằng nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp pháp luật hình sự. BLHS năm 2015 tiếp tục quy định một chương riêng về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, với những sửa đổi, bổ sung cần thiết phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu làm rõ những điểm mới, sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giúp tìm hiểu một cách có hệ thống về các tội này và một số điểm cần lưu ý khi áp dụng các quy định mới sửa đổi, bổ sung để đấu tranh phòng, chống tội phạm này có hiệu quả hơn.

Từ khóa: Điểm mới; hoạt động tư pháp; Bộ luật hình sự.

SUMMARY

Up to now, public justice activities was firmly protected by the State with many methods including Criminal law. The Criminal Code 2015 had one specific chapter to regulate public justice offences with necessary amendments and supplementations to meet the demand of crime prevention and judicial reform policy of our State. In this article, the author presented his study of new points of the amendments and supplementations in Chapter of public justice offences in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017). This article helps study the system of public justice offences and some noticeable points to apply amended regulations in crime prevention.

Key words: New point; public justice offences; Criminal Code.

Trong Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định tại Chương

XXIV. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật này, các cơ quan hữu quan đã phát

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

hiện và phản ánh yếu tố cấu thành của các tội phạm quy định tại các điều 378, 386, 387, 388 chưa phù hợp với thực tiễn, nên chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; quy định về viện dẫn, các từ ngữ dùng trong điều luật tại các điều 369, 370, 377, 389 chưa bảo đảm tính chính xác, logic, rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc giải thích và áp dụng các quy định này.

Ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, trong đó có sửa đổi, bổ sung các điều nêu trên. Theo đó, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) đã sửa đổi, bổ sung tất cả 23 điều trong Chương XXII của BLHS năm 1999 và bổ sung mới 02 điều, tạo thành Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, gồm 25 điều (từ Điều 367 đến Điều 391).

Đối chiếu với những yêu cầu đặt ra đối với việc sửa đổi, bổ sung các tội xâm phạm hoạt động tư pháp¹, có thể nhận thấy: Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp đã thể chế hóa đúng đắn,

¹ Xem Nguyễn Hòa Bình, *Chuyên đề những nội dung mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

đầy đủ chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp nêu tại Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; cụ thể hóa quy định tại Điều 20 của Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”; nội luật hóa các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. So với Chương XXII của Bộ luật Hình sự năm 1999, Chương XXIV của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 03 nội dung lớn². Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khái niệm, phạm vi các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

BLHS năm 2015 đã sửa đổi khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp nhằm

đảm bảo tính khái quát cao, như sau: “*Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án*”³. Trong đó, hoạt động tố tụng là quá trình (trình tự) giải quyết vụ án, vụ việc ở các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính - lao động - kinh doanh thương mại... bao gồm toàn bộ hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mọi công dân góp phần vào việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật⁴.

Việc sử dụng khái niệm “*hoạt động tố tụng*” thay cho cách liệt kê các cơ quan một cách không đầy đủ của BLHS năm 1999, không những giúp bao quát hết phạm vi các chủ thể tham gia vào hoạt

động tư pháp, mà còn giúp khắc phục tình trạng chưa thật rõ nội hàm của một số khái niệm liên quan đến hoạt động tư pháp như “quyền tư pháp”, “cơ quan tư pháp”, “hoạt động tư pháp”. Thực tế đã cho thấy, theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW, quy định trong Hiến pháp năm 2013 và các quy định của pháp luật hiện hành về các hoạt động tố tụng thì hiện nay vẫn chưa thật rõ nội hàm của các khái niệm này.

Việc sửa đổi, bổ sung cả 23 điều trong Chương XXII của BLHS năm 1999 và bổ sung mới 02 điều, tạo thành Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp gồm 25 điều để mở rộng phạm vi của nhóm tội phạm này (các tội danh trong nhóm) là hợp lý, vì hoạt động của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan góp phần vào việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật có quan hệ mật thiết với nhau, có chung mục tiêu bảo vệ và bảo đảm nền tư pháp đúng đắn, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân góp phần thực thi công lý mang lại công bằng và ổn định xã hội. Theo đó, hoạt động tư pháp với phương diện là đối tượng bảo vệ của BLHS năm 2015 rộng hơn khái niệm hoạt động “tư pháp” được hiểu theo nghĩa chỉ là hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; đồng thời cũng không trùng với khái niệm “hoạt

² Về tổng thể, việc sửa đổi, bổ sung tập trung vào 06 điểm: (1) Sửa đổi khái niệm, phạm vi các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; (2) Sửa đổi, bổ sung phạm vi chủ thể thực hiện tội phạm, đối tượng tác động của tội phạm trong một số tội; (3) Tăng nặng hình phạt đối với một số tội; (4) Bổ sung khung tăng nặng, các tình tiết định khung tăng nặng TNHS và cụ thể hóa các tình tiết có tính “định tính”; (5) Sửa đổi bổ sung tội dùng nhục hình và tội bức cung; (6) Tội phạm hóa đối với hành vi vi phạm quy định về giam, giữ; hành vi gây rối trật tự phiên tòa.

³ Điều 292 BLHS năm 1999 chỉ quy định: Các hoạt động tư pháp bao gồm hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án.

⁴ Theo Nguyễn Hòa Bình, *Chuyên đề những nội dung mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

động của các cơ quan tiến hành tố tụng” trong Luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tố tụng dân sự...

Việc BLHS năm 2015 đã sửa đổi khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp không chỉ xuất phát từ ý nghĩa tố tụng của hoạt động này, mà vấn đề là ở chỗ cần thiết phải bảo vệ bằng các biện pháp pháp luật hình sự đối với hoạt động tư pháp với tính cách là hoạt động xét xử và các hoạt động khác liên quan hoặc hỗ trợ cho hoạt động xét xử. Theo đó, trong một số trường hợp, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp có thể xâm phạm đến 02 khách thể là: Hoạt động đúng đắn của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; và quyền tự do dân chủ của công dân⁵ (bức cung, dùng nhục hình, truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội...). Đây chính là đặc điểm giúp phân biệt các tội xâm phạm hoạt động tư pháp với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, trật tự công cộng, các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

2. Sửa đổi, bổ sung phạm vi chủ thể thực hiện tội phạm, đối tượng tác động của tội phạm trong cấu thành tội phạm của 15 tội

Trên thực tế, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác, giải quyết các

tranh chấp trên cơ sở pháp luật và các nguyên tắc của tố tụng, bảo đảm thi hành các bản án và quyết định của cơ quan xét xử... nhưng khi bị các hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến thì chính hoạt động đúng đắn đó lại trở thành đối tượng xâm hại của tội phạm. Chính đặc điểm này giúp nhà làm luật xác định được tính chất nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp, từ đó mà xây dựng một cách đầy đủ và hoàn chỉnh các cấu thành tội phạm cụ thể trong nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp, tránh được việc quy định các hành vi chưa cần thiết xử lý hình sự vào Chương các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, đồng thời cũng tránh những chỗ hổng, bỏ lọt một số hành vi nguy hiểm xâm phạm đến hoạt động tư pháp trong BLHS.

Cùng với việc sửa đổi khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp theo hướng mở rộng nêu trên, tại một số tội phạm cụ thể thì phạm vi chủ thể thực hiện tội phạm hoặc đối tượng tác động của tội phạm cũng được điều chỉnh theo hướng mở rộng nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan khác, bảo đảm việc áp dụng điều luật được chính xác, thống nhất. Cụ thể như sau:

+ Sửa đổi cơ bản về cấu thành tội phạm của tội dùng nhục hình (khoản 1 Điều 373), theo đó, mở rộng chủ thể thực

⁵ Xem Nguyễn Tất Viễn, *Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb, Tư pháp, Hà Nội, năm 2016, tr. 42.

hiện hành vi không chỉ ở các giai đoạn tố tụng, thi hành án mà cả ở giai đoạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính. Chủ thể của tội dùng nhục hình được bổ sung thêm loại chủ thể có liên quan trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính. Cùng với đó, ngoài hành vi dùng vũ lực, nếu có hành vi đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm (bạo lực tinh thần) đối với người khác dưới bất kỳ hình thức nào cũng cấu thành tội phạm này, cụ thể: “*Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào*”.

+ Chủ thể của tội bức cung (Điều 374) được bổ sung thêm loại chủ thể có liên quan trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính, theo đó chủ thể của tội phạm này là người nào trong hoạt động tố tụng; đồng thời mở rộng phạm vi xử lý hình sự, theo đó, chỉ cần có hành vi trái pháp luật ép buộc người khai báo phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc là cấu thành tội phạm này, kể cả thông tin đúng cũng như thông tin sai sự thật⁶ để nội luật hóa Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình

⁶ BLHS năm 1999 quy định, hành vi cấu thành tội phạm này phải là hành vi trái pháp luật buộc người bị thẩm vấn phải khai sai sự thật và gây hậu quả nghiêm trọng.

thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984⁷ mà Việt Nam là thành viên. Khoản 1 Điều 374 quy định cụ thể: “*Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

+ Sửa đổi cấu thành tội phạm của tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 371), theo đó mở rộng chủ thể là người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án đảm bảo thống nhất với khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp quy định tại Điều 367; quy định rõ hậu quả do hành vi phạm tội này gây ra và cụ thể hành vi phạm tội như sau: Người nào có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án ra quyết định mà mình biết rõ là trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nếu không thuộc trường

⁷ Khoản 1 Điều 4 Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984 quy định: Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình.

⁸ Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội; Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội; Tội ra bản án trái pháp luật; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật; Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù.

hợp quy định tại các điều 368, 369, 370, 377 và 378⁸ của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

+ Sửa đổi tên điều luật “*Tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật*” (Điều 297 BLHS năm 1999) thành “*Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật*” (Điều 372 BLHS năm 2015). Đồng thời, sửa đổi cấu thành tội phạm của tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật, theo đó thay thuật ngữ “*nhân viên tư pháp*” bằng thuật ngữ “*người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án*” đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành; quy định rõ hậu quả do hành vi phạm tội này gây ra và cụ thể hóa hành vi phạm tội, cụ thể như sau: “*Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Theo đó, đối tượng tác động của tội phạm này được mở rộng so với tội phạm ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật quy định tại Điều 297 BLHS năm 1999, không chỉ là nhân viên tư pháp mà là tất cả những người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp.

+ Hình sự hóa đối với hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ việc và bổ sung vào cấu

thành tội phạm của tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (Điều 375) cho thống nhất với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự hiện hành; mở rộng phạm vi chủ thể của tội này, theo đó ngoài Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp (chẳng hạn như người phiên dịch, người giám định), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng có thể trở thành chủ thể của tội này vì họ có cơ hội tiếp xúc với hồ sơ vụ án, vụ việc.

+ Sửa đổi cấu thành tội phạm của tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn (Điều 376), theo đó thay cụm từ “*người bị giam, tạm giữ*” bằng cụm từ “*người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù*”. So với quy định tại Điều 301 BLHS năm 1999, Điều 376 BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể thiếu trách nhiệm là hành vi “*không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về quản lý, canh gác, áp giải*”. Cụ thể như sau:

“1. Người nào được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác, áp giải người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về quản lý, canh gác, áp giải để người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc

tội phạm nghiêm trọng trốn thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Làm vụ án bị tạm đình chỉ;

b) Người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;

c) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”.

+ Sửa đổi cấu thành tội phạm của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377), theo đó ngoài hành vi không ra quyết định trả tự do và không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật như trong Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định các hành vi cấu thành tội phạm như sau: Ra lệnh, quyết định bắt, giữ, giam người không có căn cứ theo quy định của luật; Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành; Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn.

+ Sửa đổi cấu thành tội phạm của tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù (Điều 378), theo

đó thay cụm từ “*người bị giam, tạm giữ*” bằng cụm từ “*người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù*” cho thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.

+ Sửa đổi, bổ sung cấu thành tội phạm của tội không chấp hành án (Điều 380), theo đó bổ sung trường hợp “*đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*” và bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời giảm mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm xuống còn từ 03 tháng đến 02 năm trong khoản 1 của Điều luật, cụ thể như sau: “*Người nào có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm*”.

+ Mở rộng chủ thể của tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối (Điều 382), gồm người định giá tài sản, người dịch thuật, người bào chữa.

+ Sửa đổi cấu thành tội phạm của tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu (Điều 383), theo đó thay vì quy định chung chung như trước đây, Điều luật quy định cụ thể chủ thể của tội phạm gồm người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật; không quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi từ chối khai báo mà

không có lý do chính đáng của người bị hại vì họ đã bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản nên nếu họ từ chối khai báo, từ chối việc được bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra mà xử lý hình sự đối với họ là không thỏa đáng.

Đồng thời, BLHS năm 2015 loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người làm chứng là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội. Trước đây, theo quy định tại Điều 308 BLHS năm 1999, chủ thể của tội từ chối khai báo, kết luận giám định hoặc từ chối cung cấp tài liệu có thể là người tham gia tố tụng như giám định viên, phiên dịch viên,... và còn có thể là người làm chứng, người chứng kiến, người biết rõ về tội phạm mà từ chối khai báo,... Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đã cho thấy, do chúng ta chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo vệ nhân chứng nên người dân ít khi chủ động khai báo, thậm chí là buộc phải từ chối khai báo để tự bảo vệ mình và gia đình khỏi sự đe dọa của bọn phạm tội. Do đó, một khi Nhà nước chưa có cơ chế bảo vệ người làm chứng thì không nên buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu từ chối khai báo.

Khoản 1 Điều 383 BLHS năm 2015 quy định cụ thể như sau: “*Người làm chứng nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này⁹, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản*

hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm”.

+ Quy định cụ thể hành vi phạm tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384) và bổ sung đối tượng có thể bị mua chuộc, cưỡng ép gồm đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự; người định giá tài sản, người dịch thuật. Cụ thể như sau: “*Người nào mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm”.*

+ Hình sự hóa hành vi giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền trong cấu thành tội phạm của tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 385). Cụ thể như sau:

⁹ Khoản 2 Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

“Người nào được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Phá huỷ niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền;

b) Tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc huỷ hoại tài sản bị kê biên”.

+ Thay cụm từ “Người nào đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải” bằng cụm từ “Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải”; bổ sung chủ thể là người đang chấp hành án phạt tù trong cấu thành tội phạm của tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (Điều 386). Cụ thể như sau: “Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

+ Thay cụm từ “Người nào đánh tháo người đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải” bằng cụm từ “Người nào đánh tháo người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải” trong cấu thành tội phạm của tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù (Điều 387) cho thống nhất với các luật khác; bổ sung đối tượng tác động là người đang bị chấp hành án phạt tù và bỏ quy định “gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc

đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 2 của Điều luật.

+ Bổ sung các trường hợp che giấu tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự trong cấu thành tội phạm của tội che giấu tội phạm (Điều 389) ở 11 điều luật như: Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219); Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220); Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221)...

- Điều 390 (Tội không tố giác tội phạm) bổ sung quy định loại trừ nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này¹⁰. Cụ thể như sau: Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ

¹⁰ Khoản 2 Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Khoản 3 Điều 19 quy định người không tố giác tội phạm là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm được quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Bổ sung 02 tội mới

- *Tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388)*

Thực tiễn cho thấy việc hình sự hoá một số hành vi phạm của phạm nhân cũng như của cán bộ thực thi nhiệm vụ tại các cơ sở giam giữ là cần thiết nhằm bảo đảm an ninh, an toàn cho các cơ sở giam giữ, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm, tạo môi trường lành mạnh cho các đối tượng cải tạo, trong sạch hoá đội ngũ cán bộ, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với cơ quan thực thi pháp luật. Hoạt động quản lý các cơ sở giam giữ trong những năm gần đây cho thấy, tình trạng vi phạm pháp luật tại các cơ sở này của người chấp hành án ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn tính chất phức tạp và mức độ nghiêm trọng. Một số vi phạm chủ yếu như nổi loạn, gây rối, chống phá các cơ sở giam giữ; chế tạo vận chuyển, mua bán, tàng trữ, sử dụng máy móc, thiết bị thông tin liên lạc tại cơ sở giam giữ;... nhiều trường hợp, phạm nhân móc nối với cán bộ quản giáo, các cơ sở bên

ngoài để thực hiện các hành vi vi phạm¹¹. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 đã hình sự hóa hành vi vi phạm quy định về giam giữ và quy định tại điều 388, để bảo đảm an ninh, an toàn cho các cơ sở giam giữ, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm, tạo môi trường lành mạnh cho các đối tượng cải tạo, trong sạch hoá đội ngũ cán bộ, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với cơ quan thực thi pháp luật.

Cấu thành cơ bản tội vi phạm quy định về giam giữ có hai dạng hành vi khách quan:

- Gây rối hoặc chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong quản lý giam giữ (điểm a Khoản 1 Điều 388);

- Hành vi của người không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam giữ (điểm b Khoản 1 Điều 388).

Người thực hiện hành vi nêu trên chỉ cấu thành tội phạm khi thuộc một trong các trường hợp: Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm; hoặc là đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm; hoặc là đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- *Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp (Điều 391)*

¹¹ Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), Bản thuyết minh chi tiết về Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), Hà Nội, tháng 4/2015, tr. 121 - 122.

Thực tiễn trong những năm gần đây cho thấy, nhiều phiên tòa đã bị tạm ngừng hoặc bị gây rối nghiêm trọng do người tham dự phiên tòa, đặc biệt là người phạm tội, người thân của người bị hại mắng chửi, thóa mạ, hành hung Hội đồng xét xử, đập phá tài sản ngay tại phòng xét xử... gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội, làm giảm uy nghiêm của cơ quan công quyền¹². Để góp phần khắc phục tình trạng này, BLHS năm 2015 đã hình sự hóa hành vi thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác (như Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án) và những người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài sản, bảo đảm sự tôn nghiêm của pháp luật, trật tự tại phiên tòa, phiên họp, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của những người thực thi pháp luật tại phiên tòa, phiên họp.

Về cấu thành tội phạm:

+ Khoản 1 điều luật là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người nào tại phiên tòa, phiên họp mà thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài sản, nếu không thuộc trường hợp quy

định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

+ Khoản 2 quy định về các tình tiết định khung tăng nặng với các tình tiết: “*Dẫn đến phải dừng phiên tòa, phiên họp*”, “*Hành hung Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này*”.

4. Về một số vấn đề cần lưu ý khi áp dụng

- Đối với quy định tại Điều 370 (Tội ra bản án trái pháp luật) và quy định tại Điều 371 (Tội ra quyết định trái pháp luật).

So với quy định của BLHS năm 1999, quy định tại khoản 1 Điều 370 và khoản 1 Điều 371 BLHS năm 2015 vẫn giữ nguyên cấu thành cơ bản quy định người ra bản án, quyết định mà mình biết rõ là trái pháp luật thì phải chịu trách nhiệm pháp lý. Vì vậy, để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thẩm phán, Hội thẩm hay người có thẩm quyền khác về tội này thì bắt buộc cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh được lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý¹³. Theo đó, họ phải biết và biết rõ là bản án, quyết định đó là trái pháp luật thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp ra bản án, quyết

¹² Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), Bản thuyết minh chi tiết về Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), Hà Nội, tháng 4/2015, tr. 122 - 123.

¹³ Xem Nguyễn Hòa Bình, Chuyên đề những nội dung mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

định trái pháp luật, bị hủy nhưng không phải do lỗi cố ý của người có thẩm quyền thì họ không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm này.

- Đối với quy định tại Điều 377 (Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật)

Điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 377 BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

d) Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành;

đ) Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn.”

Theo đó, trong mọi trường hợp người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện việc không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn đều phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự các đồng chí Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân phải hết sức lưu

(*Nhận bài: 07/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018*)

ý, không để xảy ra tình trạng do sơ suất dẫn đến việc giữ người không có lệnh. ■

T.N.Đ

Tài liệu tham khảo

1. Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), *Bản thuyết minh chi tiết về Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội, tháng 4/2015.

2. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

3. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Nguyễn Hòa Bình, *Chuyên đề những nội dung mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/ttsktand/43713043?pers_id=1751942&folder_id=&item_id=225618731&p_details=1, cập nhật ngày 08/12/2017.

5. Đại hội đồng Liên hợp quốc, *Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người*, thông qua ngày 10/12/1984 theo Nghị quyết 39/46, có hiệu lực từ ngày 26/6/1987.

6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10.

TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO SÂU SẮC - GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

PHAN THỊ BÍCH HIỀN*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trên cơ sở kế thừa những nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), ngoài ra đã cập nhật những vấn đề phản ánh thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của Đảng và Nhà nước ta trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng. Mặc dù đây là văn bản pháp luật chứa đựng quy phạm quy định những điều cấm và những điều bắt buộc phải thực hiện với các chế tài nghiêm khắc nhất so với các biện pháp cưỡng chế Nhà nước khác, nhưng ẩn chứa đằng sau đó là tư tưởng mang tính nhân văn, khoan dung, độ lượng của Nhà nước ta đối với người phạm tội.

Từ khóa: Nhân đạo; bộ luật hình sự.

SUMMARY

The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) inherited fundamental contents of the Criminal Code 1999 (Amended in 2009) and updated practical issues in the practice of crime prevention in the trend of international integration. Although this legal document contains prohibited and obligatory regulations with the most severe sanctions compared to other state coercive methods, the Criminal Code 2015 holds humanitarian and tolerant thoughts of our State to offenders.

Key words: Humanitarian; Criminal Code.

Nói tới truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, không thể không nhắc đến những tư tưởng, quan điểm đạo đức mang giá trị nhân văn, thể hiện đạo lý về tình thương con người bao trùm trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong việc xây dựng nền tảng của hệ thống

pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, tư tưởng nhân đạo càng được thể hiện sâu sắc hơn bao giờ hết.

Trong Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có thể thấy tư tưởng nhân đạo được phản ánh

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

rõ nét, là tư tưởng bao trùm, xuyên suốt trong quan điểm, đường lối đấu tranh phòng chống tội phạm. Tư tưởng này cũng được xác định là kim chỉ nam trong suốt lịch sử lập pháp qua các thời kỳ khác nhau và trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tư tưởng nhân đạo một lần nữa được thể hiện rõ nét và sâu sắc, thể hiện được bản chất giai cấp của nhà nước ta trong từng chế định pháp luật cụ thể.

1. Tư tưởng nhân đạo thể hiện trong chính sách hình sự

Chính sách hình sự là một bộ phận của chính sách pháp luật thể hiện tư tưởng, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong từng thời kỳ nhất định. Tư tưởng nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta thể hiện đường lối xử lý đối với các tội phạm được xác định trên cơ sở coi trọng cả mục đích trừng trị và giáo dục, phòng ngừa tội phạm, trong đó mục đích giáo dục người phạm tội, để cao tính “hướng thiện” luôn được đặt lên hàng đầu.

Trước hết, tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (*Nghị quyết số 49/NQ-TW*), trong đó Đảng ta đã chỉ rõ, cần phải “*Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt*

tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hạn chế áp dụng hình phạt tử hình...”. BLHS số 100/2015/QH13 (gọi là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực toàn phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đã kịp thời thể chế hoá chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, trong đó nhấn mạnh phải “*tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và tăng cường hội nhập quốc tế*”¹. Đây là những định hướng quan trọng, là cơ sở nền tảng cho việc xây dựng các chế định khác nhau của BLHS. Tội phạm và hình phạt được quy định phải xuất phát từ tính đặc thù của từng loại tội phạm cũng như các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội chi phối. Có như vậy, tính chất giáo dục cũng như phòng ngừa của hình phạt mới đạt được hiệu quả và đảm bảo được sự đồng thuận trong dư luận xã hội.

Có thể nhận thấy, tinh thần đổi mới trong nhận thức về chính sách hình sự mang đầy tính nhân văn mà trọng tâm là đổi mới quan niệm về tội phạm và hình

¹ PGS.TS Hà Hùng Cường - *Quan điểm chỉ đạo, xây dựng BLHS năm 2015.*

phạt, về cơ sở của trách nhiệm hình sự, về chính sách xử lý đối với một số loại tội phạm và loại chủ thể phạm tội, đảm bảo các quy định của BLHS không chỉ là công cụ pháp lý để các cơ quan chức năng đấu tranh, trấn áp tội phạm mà còn là cơ sở pháp lý để mọi người dân tự bảo vệ mình, bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội; khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức chủ động tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong đó, chính sách hình sự tập trung vào việc phân hóa trách nhiệm hình sự được thể hiện khá rõ nét như phân hóa độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phân hóa loại tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự, mức độ trách nhiệm hình sự cũng như phân hóa đối tượng áp dụng của chính sách hình sự...

Một trong những nội dung trọng tâm được đề cập đó chính là việc xác định các đối tượng ưu tiên được hưởng chính sách nhân đạo của nhà nước khi phạm tội hoặc khi xét xử được quan tâm đặc biệt bao gồm: Phụ nữ có thai, người dưới 18 tuổi, người già²... Đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi, xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý và những giới hạn trong nhận thức, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự. So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 (sửa đổi,

² Người già là người có độ tuổi đủ 75 tuổi trở lên không áp dụng hình phạt tử hình, không thi hành án tử hình khi phạm tội hoặc khi xét xử (khoản 2,3 điều 40 BLHS 2015).

bổ sung năm 2017) đã điều chỉnh theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ, trên tinh thần bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, cụ thể là: Đối với người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thu hẹp đáng kể phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, theo đó chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện 29 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong BLHS³. Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu hành vi trong giai đoạn chuẩn bị, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 21 tội danh trong số 314 tội danh⁴. Bên cạnh việc cụ thể hóa các điều kiện miễn trách nhiệm hình sự áp dụng riêng cho từng đối tượng người chưa thành niên (*người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi*), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung

³ Thuộc 4 nhóm tội phạm: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng. Ngoài ra, đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi cũng chỉ đặt ra đối với 04 tội danh trong tổng số 314 tội danh được quy định trong BLHS năm 2015.

⁴ Thuộc 4 nhóm tội phạm: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm an toàn công cộng.

03 biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp họ được miễn trách nhiệm hình sự. Đó là: Khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Một điểm mới đáng lưu ý trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên là BLHS năm 2015 quy định rõ trong 3 trường hợp người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích⁵. Với những quy định nêu trên cho thấy đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi luôn được cân nhắc, ưu tiên, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người chưa thành niên có cơ hội sửa chữa sai lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội...

Có thể khẳng định, chính sách hình sự chứa đựng rất nhiều nội dung mang tính nhân đạo bao trùm hầu hết các chế định khác nhau của BLHS năm 2015.

2. Tư tưởng nhân đạo thể hiện trong chế định tội phạm

Tội phạm là hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội so với các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc xác định và ghi nhận một hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi

là tội phạm và đưa nó vào BLHS là kết quả của sự đánh giá tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và sự cần thiết phải xử lý hành vi đó trước pháp luật. Biểu hiện của tính nhân đạo trong việc quy định một hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm không phải là sự áp đặt ý chí của Nhà nước mà về bản chất hành vi đó vốn dĩ đã hội đủ những yếu tố tiêu cực tồn tại một cách khách quan, người làm luật quy định tội phạm nhằm mục đích để bảo vệ các giá trị xã hội quan trọng khác.

Xuyên suốt chế định tội phạm được quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với 314 tội danh quy định từ chương XIII đến chương XXVI là sự ghi nhận và phản ánh đúng những hành vi nguy hiểm cho xã hội đã và đang tác động tiêu cực đến các phương diện của đời sống chính trị-xã hội. Tuy nhiên việc cân nhắc, tính đến khả năng phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của nhà nước đối với từng hành vi nguy hiểm, từng tội phạm cụ thể được dựa trên nhiều yếu tố khác nhau với phương châm: cụ thể hóa các trường hợp bị coi là tội phạm và không bị coi là tội phạm (được loại trừ trách nhiệm hình sự).

Cơ sở của trách nhiệm hình sự tại điều 2 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã khẳng định “*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều*

⁵ Người bị kết án là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; (2) người bị kết án là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý; (3) người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp tư pháp (giáo dục tại trường giáo dưỡng).

⁶ Tội tảo hôn; kinh doanh trái phép; báo cáo sai trong quản lý kinh tế; vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Điều đó có nghĩa là xác định tội phạm phải theo nguyên tắc có luật mới có tội, không có luật thì không có tội. Luật hình sự không cho phép quy tội khách quan, đồng thời không cho phép áp dụng nguyên tắc tương tự về luật. Các tội phạm cụ thể cũng được sắp xếp theo thứ tự từng chương, từng điều luật căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của khách thể của tội phạm. Điều đó khẳng định một lần nữa tính ưu việt của nhà nước trong việc luôn luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu vấn đề bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, tự do, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, pháp nhân.

Trong các quy định về tội phạm của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thể hiện khá rõ nét. Các hành vi nguy hiểm xâm phạm các quyền cơ bản của con người trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội đều được ghi nhận. Quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người (Chương XIV), nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân (Chương XV) theo hướng tiếp tục tăng cường với những chế tài nghiêm khắc⁶ nhằm đảm bảo quyền con người,

quyền công dân được bảo vệ một cách trọn vẹn nhất. Điều đó khẳng định tư tưởng nhân đạo của nhà nước trong việc phân định rạch ròi giữa công và tư, giữa thiện và ác, điều cốt lõi là quyền lợi của người yếu thế hơn (người bị hành vi phạm tội xâm phạm đến các lợi ích hợp pháp) sẽ được pháp luật tôn trọng và bảo vệ một cách tuyệt đối. Điều đó không chỉ đáp ứng yêu cầu của việc thể chế hóa nội dung của Hiến pháp 2013 mà còn đảm bảo được yêu cầu nội luật hóa các văn bản pháp lý quốc tế mà Việt Nam đã ký kết trong những năm qua.

Việc phi tội hóa một số hành vi nguy hiểm cho xã hội ra khỏi BLHS năm 2015⁷ (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục khẳng định đường lối xử lý đối với những hành vi chưa thực sự cần thiết áp dụng các chế tài hình sự nghiêm khắc, có thể sử dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính, kinh tế... vừa góp phần giảm tải chi phí của nhà nước trong việc thi hành các biện pháp cưỡng chế hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn đảm

⁶ Bổ sung một số quy định mới để xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đồng thời, có chính sách xử lý nghiêm khắc hơn đối với các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân.

⁷ Tảo hôn, kinh doanh trái phép; báo cáo sai trong quản lý kinh tế; vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

bảo sự hợp lý, nhân văn, công bằng, phù hợp trong sự tương quan với những tội phạm khác được quy định trong BLHS.

Về những trường hợp không phải là tội phạm, ngoài việc tiếp tục duy trì và cụ thể hóa các trường hợp như trong Bộ luật hiện hành⁸, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm 3 trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự là: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm pháp; rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (các điều 24, 25, 26 BLHS năm 2015). Đây là những trường hợp cần thiết quy định nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để khuyến khích người dân an tâm, tích cực tham gia phòng chống tội phạm; tham gia các hoạt động sản xuất, nghiên cứu khoa học có tính chất “đột phá” vì lợi ích chung của toàn xã hội đồng thời nhằm để bảo vệ chính quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Như vậy, có thể thấy tính nhân đạo không chỉ được truyền tải trong chính sách hình sự nói chung mà nó còn được cụ thể hóa trong từng chế định tội phạm cụ thể.

3. Tư tưởng nhân đạo thể hiện trong chế định hình phạt

⁸ Sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng tính chất mức độ không đáng kể...

Nhìn nhận một cách tổng thể, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013.

Thứ nhất, hệ thống hình phạt, trong đó các hình phạt chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định từ hình phạt nhẹ đến hình phạt nặng, từ hình phạt ít nghiêm khắc đến hình phạt nghiêm khắc nhất⁹, mặt khác trong các hình phạt khác nhau có nhiều hình phạt không tước tự do, điều đó thể hiện được tinh thần trong đường lối xử lý của nhà nước ta là đi từ cải tạo, giáo dục sau đó mới tới trừng trị đối với người phạm tội. Hình phạt, về bản chất không phải là sự trả thù của Nhà nước đối với người phạm tội mà mục đích chính là giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Từng hình phạt khác nhau cũng có sự thay đổi về nhận thức và áp dụng theo xu hướng chung là mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt ít nghiêm khắc đồng thời hạn chế phạm vi áp dụng các hình phạt nghiêm khắc. Cụ thể, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục thể chế hóa chủ trương hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt không tước tự do đối với người phạm tội. Theo đó, hình phạt tiền được

⁹ Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

mở rộng khả năng áp dụng là hình phạt chính không chỉ đối với người phạm tội ít nghiêm trọng (như quy định của BLHS năm 1999) mà còn được áp dụng ngay cả đối với người phạm các tội nghiêm trọng. Riêng đối với nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường thì hình phạt tiền còn có thể áp dụng đối với một số tội rất nghiêm trọng. Bên cạnh đó, Bộ luật còn sửa đổi hình phạt cải tạo không giam giữ theo hướng tăng cường tính cưỡng chế nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục của loại hình phạt này. Ngoài ra, đối với hình phạt tù, Bộ luật khẳng định nguyên tắc không áp dụng hình phạt tù đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý (khoản 2 Điều 37), theo đó, tại Phần các tội phạm, số lượng các khoản không quy định hình phạt tù tăng từ 6 khoản lên 31 khoản so với quy định của BLHS năm 1999¹⁰.

Đối với hình phạt tử hình, BLHS tiếp tục thể chế hóa chủ trương thu hẹp phạm vi áp dụng (giảm số tội áp dụng và đối tượng áp dụng) hình phạt tử hình được khẳng định tại các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp. Theo đó, Điều 40 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã khoanh phạm vi áp dụng loại hình phạt này chỉ đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia,

¹⁰ Chủ yếu tập trung ở chương các tội phạm về môi trường, các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân...

xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định. Đồng thời, Bộ luật đã bổ sung thêm các trường hợp không áp dụng hình phạt tử hình và không thi hành án tử hình¹¹. Một điểm đáng chú ý đối với quy định liên quan đến hình phạt tử hình là Bộ luật đã bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh¹². Như vậy, cho đến thời điểm này trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn giữ lại hình phạt tử hình đối với 16 tội danh trong số 314 tội danh.

Thứ hai, ngoài các biện pháp cưỡng chế hình sự, các biện pháp tha, miễn hình sự cũng được chú trọng đề cập với mục đích nhân đạo, là những quy định có lợi tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng một cách tốt nhất. Ngoài việc xác định các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, xóa án tích... BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

¹¹ Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử; hình phạt tử hình không thi hành đối với người bị kết án tử hình nhưng đến thời điểm thi hành án người bị kết án đủ 75 tuổi trở lên hoặc người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ nhưng đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ.

¹² Cướp tài sản; sản xuất, buôn bán hàng cấm là lương thực, thực phẩm; tàng trữ trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; chống mệnh lệnh; đầu hàng địch; tội hoạt động phi.

đã bổ sung chế định tha tù trước hạn có điều kiện (Điều 66) với những quy định hết sức chặt chẽ nhưng đầy tính nhân văn, nhằm tạo cơ hội cho những phạm nhân tích cực cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án ở các cơ sở giam giữ được sớm trở về với gia đình và xã hội, đồng thời tiếp tục chứng tỏ sự cải tạo của mình trong môi trường xã hội bình thường, có sự giám sát của chính quyền địa phương và của gia đình. Quy định này góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, xóa bỏ dần những định kiến của xã hội đối với người đã từng vi phạm pháp luật trong quá khứ nhưng có sự cải tạo tốt, thể hiện quyết tâm “*hướng thiện*”.

Có thể khẳng định, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thực sự là một sản phẩm của trí tuệ, của tính nhân văn, trong đó thông điệp của người làm luật muốn nhấn mạnh bản chất nhà nước, bản chất giai cấp của chế độ ta là luôn luôn bảo vệ quyền con người, quyền công dân đến mức có thể. Chính vì vậy, các chủ thể áp dụng pháp luật cần nhận thức đúng đắn vấn đề này để triển khai trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm với phương châm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp

pháp của mọi cá nhân, tổ chức không bị xâm phạm. ■

P.T.B.H

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Quốc hội, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).
3. Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (2015), *Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
4. PGS. TS. Hà Hùng Cường, *Sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng và nội dung cơ bản của bộ luật hình sự năm 2015*; Tài liệu tuyên truyền Bộ luật hình sự 2015.
5. PGS, TS Trần Văn Độ, *Những điểm mới cơ bản trong BLHS năm 2015*; *Tài liệu tuyên truyền Bộ luật hình sự 2015*.
6. TS. Trần Văn Biên - TS. Đinh Thế Hùng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. TS. Nguyễn Văn Hoàn, *Những điểm mới cơ bản về hình phạt tử hình trong bộ luật hình sự năm 2015*; Tài liệu tuyên truyền Bộ luật hình sự 2015.

(Nhận bài: 08/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

LÊ QUANG THÀNH*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Các quy định về các tội xâm phạm sở hữu có một số thay đổi cơ bản về vị trí của chương (trước đây quy định tại chương XIV của BLHS năm 1999, hiện nay quy định tại chương XVI của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)), kỹ thuật lập pháp, tội phạm hóa một số trường hợp phạm tội xâm phạm sở hữu bằng cách bổ sung thêm dấu hiệu định tội của các tội phạm hiện hành, phi tội phạm hóa một số trường hợp phạm tội cụ thể, bổ sung và thay đổi một số dấu hiệu định khung, sửa đổi quy định về hình phạt đối với các tội xâm phạm sở hữu.

Từ khóa: Các tội xâm phạm sở hữu; chiếm đoạt tài sản; định tính; định lượng.

SUMMARY

There is a change of the position of Chapter of offences against rights of property which is 14th chapter in the Criminal Code 1999 and 16th chapter in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017). There are new points in legislative technique, criminalization in some cases of offences against rights of property by adding some signs to determine current crime, non-criminalization, adding and changing some signs of crime determination, amending regulation of sentences to offences against rights of property.

Key words: Offences against rights of property; appropriating property; qualitative; qualitative.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện bối cảnh mới và yêu cầu tiếp tục sửa đổi cơ bản, toàn diện BLHS năm 1999, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, nhằm thể chế hóa quan điểm mới về chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay,

thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đặc biệt, với sự phát triển, bổ sung và đề cao quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013 đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS hiện hành để làm cho các quyền này của người dân được thực hiện trên thực tế. Đồng thời, xu thế chủ động hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu nội tại của Việt Nam. Trên thực tế, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực và đã trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế đa phương, song phương. Một trong những định hướng quan trọng khi sửa đổi BLHS chính là hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đây là định hướng cơ bản thể hiện rõ chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý người phạm tội¹. Trên tinh thần quan điểm đó, sau một thời gian chuẩn bị dự thảo BLHS, thẩm tra dự án BLHS, lấy ý kiến nhân dân, các

ban ngành, đoàn thể, các Đại biểu Quốc hội về dự thảo BLHS năm 2015 (sửa đổi), ngày 20/6/2017 tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã chính thông qua Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung của BLHS số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đặc biệt, liên quan đến các quy định về các tội xâm phạm sở hữu có một số thay đổi cơ bản về vị trí của chương (trước đây quy định tại chương XIV của BLHS năm 1999, hiện nay quy định tại chương XVI của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với 13 tội danh (từ điều 168 đến 180), kỹ thuật lập pháp, tội phạm hóa một số trường hợp phạm tội xâm phạm sở hữu bằng cách bổ sung thêm dấu hiệu định tội của các tội phạm theo pháp luật hiện hành, phi tội phạm hóa một số hành vi phạm tội cụ thể, bổ sung và thay đổi một số dấu hiệu định khung, sửa đổi quy định về hình phạt đối với các tội xâm phạm sở hữu². Cụ thể như sau:

Thứ nhất, thu hẹp phạm vi xử lý về hình sự đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi

Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải thể hiện tính khoan hồng

¹ TS. Hoàng Minh Đức (2016), *Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay và phương hướng hoàn thiện đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

và nhân đạo sâu sắc, với ý nghĩa đó, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Xuất phát từ quan điểm, mục tiêu nêu trên tại Điều 12 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc

biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này”.

Như vậy, trong tương quan so sánh với BLHS năm 1999 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thu hẹp đáng kể phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Theo đó, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều thuộc Chương XVI³.

Thứ hai, thu hẹp phạm vi xử lý về hình sự đối với hầu hết các tội xâm phạm sở hữu trong trường hợp chuẩn bị phạm tội

Điều 14 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.

2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này

² PGS. TS Nguyễn Thị Phương Hoa – TS. Phan Anh Tuấn (2017), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.179-185.

TS. Trần Văn Biên - TS. Đinh Thế Hùng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.310-347.

thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Từ những quy định trên ta thấy, thay vì người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện, bất kể tội phạm đó là tội phạm gì thuộc chương các tội xâm phạm sở hữu, thì BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định theo hướng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội xâm phạm sở hữu, người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản (Điều 168) hoặc chuẩn bị phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169). Đặc biệt, đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản (Điều 168) mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cướp tài sản (Điều 168) và chuẩn bị phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169) trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức độ giảm nhẹ hơn so với trường hợp chuẩn bị phạm các tội này trong BLHS năm 1999. Cụ thể: Người chuẩn bị phạm

tội cướp tài sản (khoản 5 Điều 168) và tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (khoản 5 Điều 169) thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, nếu so sánh với quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 1999 thì mức hình phạt áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cướp tài sản là từ 1 năm 6 tháng đến 20 năm và chuẩn bị phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là từ 1 năm đến 20 năm. Như vậy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định theo hướng xử lý khoan hồng hơn đối với các trường hợp chuẩn bị phạm tội xâm phạm sở hữu.

Thứ ba, bổ sung thêm một số dấu hiệu định tội, mở rộng phạm vi xác định tài sản là đối tượng tác động của tội phạm xâm phạm sở hữu

Bổ sung thêm dấu hiệu định tội “*Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ*”, trong trường hợp tài sản bị xâm phạm dưới mức định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm có cấu thành vật chất gồm: Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172); Tội trộm cắp tài sản (Điều 173); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178) và dấu hiệu định tội “*Tài sản là di vật, cổ vật*”, trong trường hợp tài sản bị xâm phạm dưới mức định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm có cấu thành vật chất gồm: Tội trộm cắp tài

³ Xem thêm: Điều 168. Tội cướp tài sản, Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản, Điều 171. Tội cướp giật tài sản, Điều 173. Tội trộm cắp tài sản, Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

sản (Điều 173); Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176); Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177); Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178). Có thể khẳng định, việc bổ sung các dấu hiệu định tội nêu trên hoàn toàn phù hợp với bản chất của hành vi phạm tội, nhất là khi đối tượng tác động của tội phạm là các loại tài sản có giá trị đặc biệt về mặt vật chất, là phương tiện kiếm sống chính của bản thân người bị hại và gia đình họ hoặc là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học hay là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên⁴.

Mở rộng đối tượng tác động của tội phạm là tài sản của “Nhà nước” thành tài sản của “Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” tại Điều 179, điều này đồng nghĩa với việc nhà làm luật đã mở rộng phạm vi xử lý hình sự gắn với mọi thành phần kinh tế chứ không phải chỉ kinh tế Nhà nước. Quy định này nhằm cụ thể hóa tinh thần bảo hộ quyền bình đẳng giữa các thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước cũng như quy định tại Điều 51 của Hiến pháp năm 2013⁵. Việc quy định mở rộng phạm vi xử lý hình sự của Điều 179 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tất yếu dẫn đến chủ thể của tội phạm này cũng thay đổi, cụ thể: chủ thể của tội phạm này ngoài hai dấu hiệu có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự,

người phạm tội còn phải thêm dấu hiệu có trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Ngoài ra, bổ sung thêm dấu hiệu định tội “*Hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả*” trong cấu thành tội phạm lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175). Thực tế quy định này chính là việc mở rộng phạm vi xử lý hình sự (tội phạm hóa) đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Việc bổ sung dấu hiệu định tội nêu trên trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xuất phát từ thực tế có nhiều trường hợp trên thực tế người vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng nhưng đến thời hạn trả lại tài sản thì cam kết nhận nợ, cố tình không trả lại tài sản. Đối với trường hợp này theo quy định của BLHS năm 1999 thì không bị coi là tội phạm mà chỉ là quan hệ pháp luật dân sự. Tuy nhiên, khi quy định như vậy, vấn đề đặt ra cần phải làm rõ ranh giới giữa tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật dân sự.

Thứ tư, nâng mức định lượng về giá trị tài sản làm cơ sở để xử lý hình sự trong một số trường hợp phạm tội xâm phạm sở hữu

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

⁴ Luật di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

⁵ Xem thêm Điều 51 Hiến pháp 2013.

2017) đã nâng mức định lượng tài sản bị xâm phạm tối thiểu là dấu hiệu định tội của một số tội gồm: Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177); Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179); Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180) từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng. Bằng cách nâng mức định lượng về giá trị tài sản bị xâm phạm tối thiểu là dấu hiệu định tội đối với một số tội nêu trên, nhà làm luật đã phi tội phạm hóa một số trường hợp xâm phạm sở hữu của các tội đó. Chúng tôi cho rằng, việc nâng giá trị tài sản tối thiểu là dấu hiệu định tội của các tội nêu trên là hợp lý, phù hợp với sự biến động của giá cả và tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi trong tình hình hiện nay.

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung một số dấu hiệu định khung tăng nặng

Quán triệt quan điểm sửa đổi BLHS 1999 theo hướng hạn chế tối đa các dấu hiệu, yếu tố mang tính định tính có thể dẫn đến những khó khăn nhất định cho việc nhận thức và áp dụng thống nhất pháp luật hình sự trong thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thay dấu hiệu định khung: “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”, ở tất cả các tội thành các dấu hiệu định lượng cụ thể.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017) đã bổ sung dấu hiệu định khung: “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ” tại Khoản 2 Điều 168 (Tội cướp tài sản), Điều 170 (Tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (Tội cướp giết tài sản); “Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”, “Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp” tại Khoản 3 và 4 các Điều 168 (Tội cướp tài sản), Điều 170 (Tội cưỡng đoạt tài sản), Điều 171 (Tội cướp giết tài sản), Điều 172 (Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản), Điều 173 (Tội trộm cắp tài sản), Điều 174 (Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản); “Tài sản là bảo vật quốc gia” tại Khoản 2 Điều 173 (Tội trộm cắp tài sản), Điều 177 (Tội sử dụng trái phép tài sản), Điều 178 (Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản); “Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ...” tại Điều 169 (Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản); “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội” tại Điều Điều 175, Điều 178.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi tình tiết định khung tăng nặng “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ...” thành “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ...” tại Điều 168 (Tội cướp tài sản), Điều 169 (Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản),

Điều 171 (Tội cướp giật tài sản). Việc sửa đổi này nhằm đảm bảo tính đồng bộ giữa quy định của BLHS và các văn bản pháp luật chuyên ngành⁶.

Thứ sáu, mở rộng việc áp dụng hình phạt không tước tự do, giảm mức hình phạt cao nhất của một số tội bằng cách bỏ hình phạt tử hình, tù chung thân

Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội phạm nhằm thể chế hóa tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo hướng: “Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh

tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm...”. Việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với một số tội phạm xâm phạm sở hữu vừa đáp ứng mục tiêu cải cách tư pháp về giảm việc áp dụng hình phạt tù, nhưng vẫn đảm bảo được tính răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật. Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính trong các tội xâm phạm sở hữu tạo điều kiện để Tòa án có thể dễ dàng lựa chọn các hình phạt khác nhau trong đó có hình phạt tiền để cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội xâm phạm sở hữu nhưng vẫn đảm bảo mục đích của hình phạt. Bởi lẽ, trong thực tế nhiều trường hợp người phạm tội xâm phạm sở hữu như trộm cắp tài sản, công nhân chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... họ hoàn toàn có khả năng thực hiện hình phạt tiền là hình phạt chính. Bên cạnh đó, mục tiêu của những người phạm tội xâm phạm sở hữu chủ yếu là chiếm đoạt tài sản thì việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với họ sẽ đảm bảo tính răn đe, giáo dục của hình phạt, hơn nữa mục đích của hình phạt vẫn đạt được.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có một số khung hình phạt chỉ quy định các hình phạt không tước tự do của người phạm tội. Chẳng hạn, các Khoản 1 Điều 179 (Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp), Khoản 1 Điều 180 (Tội vô ý gây thiệt hại

⁶ Thông tư liên tịch 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTĐTBXH ngày 27/9/2013 của Bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định về tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp. Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp lý, giám định pháp y tâm thần.

ng nghiêm trọng đến tài sản) - BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đều không quy định hình phạt tù có thời hạn mà chỉ quy định chế tài lựa chọn với các hình phạt chính không tước quyền tự do. Với quy định nêu trên, chúng tôi cho rằng nhà làm luật mong muốn hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng hình phạt tù trên thực tế.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã giảm mức hình phạt cao nhất của một số tội bằng cách bỏ hình phạt tử hình, tù chung thân, giảm hình phạt. Cụ thể, bỏ hình phạt tử hình ở tội cướp tài sản (Điều 168); Bỏ hình phạt chung thân ở tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), tội trộm cắp tài sản (Điều 173); tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Giảm mức hình phạt cao nhất của tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản là tù có thời hạn từ 3 năm xuống còn 2 năm. Các quy định nêu trên thể hiện xu hướng xử lý khoan hồng của nhà nước đối với các tội xâm phạm sở hữu, qua quy định về giảm mức hình phạt cũng như các quy định khác đã nêu.

Tóm lại, với việc tập trung rà soát, nghiên cứu sửa đổi, tiếp thu góp ý, chỉnh lý một cách toàn diện và đồng bộ với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc và cầu thị, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã được ban hành với những điểm mới hết sức tiến bộ, văn minh, thể hiện trình độ lập pháp cao, đảm bảo được

các giá trị cơ bản của hệ thống pháp luật hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như tính nhân đạo, công bằng, dân chủ, pháp chế. Đặc biệt, liên quan đến chương các tội xâm phạm sở hữu, thể chế hóa quan điểm, tinh thần sửa đổi BLHS, nhà làm luật đã hiện thực hóa hàm lượng tri thức có được từ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước, kết quả nghiên cứu dưới góc độ khoa học pháp lý, thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm bằng việc xây dựng hệ thống quy phạm tương đối hoàn chỉnh vừa thể hiện sự kế thừa các giá trị pháp lý sẵn có, vừa bổ sung, cập nhật các giá trị pháp lý trong bối cảnh mới, có tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia trên thế giới, phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Thiết nghĩ điều cốt lõi quan trọng trong thời điểm hiện nay là các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn và giải thích để từng bước hiện thực hóa các quy định của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về các tội xâm phạm sở hữu vào thực tiễn góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân

theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. ■

L.Q.T

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.
2. Bộ luật Hình sự 2015.
3. Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).
4. Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).
5. Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung 2009).
6. TS. Trần Văn Biên, TS. Đinh Thế Hưng (2017) và tập thể tác giả, Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.310 - 347.
7. TS. Hoàng Minh Đức (2016), Chính

(Nhận bài: 07/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay và phương hướng hoàn thiện đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

8. PGS. TS Nguyễn Thị Phương Hoa & TS. Phan Anh Tuấn (2017), Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.179 - 185.

9. Thông tư liên tịch 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTĐ ngày 27/9/2013 của Bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định về tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.

10. Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp lý, giám định pháp y tâm thần.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI PHẠM TỘI

HỒ THANH GIANG*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Ngay từ thời phong kiến, trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội ở nước ta đã được ghi nhận¹. Trải qua các giai đoạn lịch sử lập pháp hình sự, quy định này đã có nhiều thay đổi và đến nay trở thành chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta. Vấn đề này càng hoàn thiện hơn trong quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với sự kế thừa, sửa đổi và bổ sung thể hiện sự tiến bộ trong tư duy lập pháp, phù hợp với thực tiễn cũng như luật pháp quốc tế.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự; người nước ngoài; ngoài lãnh thổ.

SUMMARY

From the feudal society, the criminal responsibility of foreign offender was admitted. Over historic periods of penal legislation, these regulations have many changes and become the consistent penal policy of our country. This matter is going complete in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) with the succession, changes and amendments that show the progress in legislative spirit, suitable to the practice and international laws.

Key words: Criminal responsibility; foreigner; outside the territory.

1. Đối với trường hợp người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

¹ Điều 33 Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) thời nhà Nguyễn có quy định: “*Hết thầy người ngoại quốc phạm tội thì cũng y luật xử trị. Người ngoại quốc khi đến (nước nào) là lệ thuộc vào dân bản xứ, như vua, dân nước nấy có tội, cũng theo luật mà xử, chỉ cho họ biết rằng mọi hành vi không nằm ngoài pháp luật*” (Xem: Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long), Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, năm 1994, Tập II, trang 181).

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán trong việc xử lý đối với trường hợp người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo tinh thần quy định tại khoản 1 Điều 5 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

người nước ngoài thực hiện hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam cũng sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự như là công dân Việt Nam, việc xác định những vấn đề liên quan đến tội phạm và hình phạt được áp dụng trong trường hợp xử lý trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội đều dựa trên các quy định của BLHS.

Khi quyết định hình phạt đối với họ, ngoài những quy định chung, người nước ngoài phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt trực xuất như là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Việc BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục kế thừa quy định này thể hiện sự đa dạng hóa các hình thức xử lý và phù hợp với đặc điểm của đối tượng bị áp dụng trong chính sách hình sự đối với người nước ngoài phạm tội ở nước ta.

Tuy nhiên, không phải trường hợp nào người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam đều bị xử lý về hình sự, chính sách pháp luật của Nhà nước ta có những ưu đãi đặc biệt đối với các đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế. Nội dung này được BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục ghi nhận và quy định phù hợp hơn², đồng thời xác định cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc giải quyết các vấn đề mang tính quốc tế, đặc

biệt liên quan đến lĩnh vực ngoại giao, thể hiện sự tôn trọng các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nếu như trong BLHS năm 1999, trường hợp người nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự phạm tội đều được giải quyết bằng con đường ngoại giao, thì theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), vấn đề này trước tiên phải được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì mới giải quyết bằng con đường ngoại giao³.

Ngoài vấn đề sửa đổi, bổ sung nêu trên, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn chính thức ghi nhận hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra ở những khu vực có quy chế pháp lý

² BLHS năm 2015 đã sửa đổi nội dung khoản 2 Điều 5 BLHS năm 1999 phù hợp hơn: Bỏ cụm từ “quyền ưu đãi” trong nội dung quy định, vấn đề sửa đổi này phù hợp với nội dung quy định các quyền ưu đãi, miễn trừ trong Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam (chỉ có quyền miễn trừ về hình sự, không có quyền ưu đãi về hình sự). Thay cụm từ “ký kết hoặc tham gia” bằng cụm từ “là thành viên” để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong các điều ước quốc tế (trong nội dung hầu hết các điều ước quốc tế đều xác định là các quốc gia thành viên chứ không phải là các quốc gia ký kết hoặc tham gia).

³ Xem khoản 2 Điều 5 BLHS năm 2015.

đặc biệt như: Tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam⁴. Quy định này dựa trên nguyên tắc lãnh thổ và nguyên tắc mang cờ đã được khoa học luật quốc tế thừa nhận, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên⁵, cũng như yêu cầu của thực tiễn đang đặt ra hiện nay. Bên cạnh đó, nội dung bổ sung này còn là cơ sở (cơ sở của trách nhiệm hình sự) để áp dụng quy định về thẩm quyền xét xử tội phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Bộ luật Tố tụng hình sự (trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 vấn đề này đã được quy định nhưng

trong BLHS năm 1999 không quy định về trách nhiệm hình sự đối với tội phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam, do đó chưa đảm bảo tính thống nhất giữa quy định của BLHS và Bộ luật Tố tụng hình sự). Với nội dung quy định này, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho phép xử lý trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam như trường hợp họ phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, theo tinh thần của Công ước của Liên Hợp Quốc về luật biển (điểm b khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 77), Việt Nam chỉ được xác lập quyền tài phán về hình sự đối với hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi phạm tội do người nước ngoài thực hiện có liên quan đến việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình; nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển tại vùng đặc quyền kinh tế hoặc liên quan đến việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình tại khu vực thềm lục địa của Việt Nam (không có quyền tài phán tuyệt đối ở những khu vực này).

2. Đối với trường hợp người nước ngoài phạm tội ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Khoản 2 Điều 6 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau: *Người nước ngoài, pháp nhân*

⁴ BLHS năm 2015 bổ sung đoạn 2 tại khoản 1 Điều 5 như sau: *“Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam”*.

⁵ Điểm b khoản 1 Điều 56 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển quy định: Trong vùng đặc quyền về kinh tế, quốc gia ven biển có quyền tài phán theo đúng những quy định thích hợp của Công ước về việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình; nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển.

Khoản 1 Điều 77 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển quy định: Quốc gia ven biển thực hiện các quyền thuộc chủ quyền đối với thềm lục địa về mặt thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình.

Khoản 1 Điều 3 Công ước về các hành vi phạm tội và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay quy định: Quốc gia đăng ký tàu bay có thẩm quyền thực hiện quyền tài phán đối với các hành vi phạm tội và các hành vi khác thực hiện trên tàu bay.

thương mại nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Với nội dung quy định này, về mặt nhận thức, chúng ta có thể hiểu rằng, người nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ của Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS Việt Nam trong các trường hợp sau đây: Thứ nhất, trong trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định; thứ hai, hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cho dù Việt Nam không phải là thành viên của các điều ước quốc tế điều chỉnh về hành vi phạm tội đó, hay không được các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định. Nhận thức này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc quốc tịch thụ động và nguyên tắc bảo vệ trong khoa học luật quốc tế⁶, cũng như đảm bảo được yêu

cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, khi chúng ta chưa có đủ điều kiện tham gia đầy đủ các điều ước quốc tế nhưng vẫn đòi hỏi phải có cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam và lợi ích quốc gia.

Như vậy, so với quy định của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã mở rộng hơn các trường hợp có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội ngoài lãnh thổ của Việt Nam. Đây là một điểm mới trong chính sách hình sự của nhà nước ta, khẳng định vai trò quan trọng của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và lợi ích của Nhà nước ta.

Liên quan đến hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ của Việt Nam, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung quy định mới tại khoản 3 Điều 6, qua đó chính thức ghi nhận hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam đang ở tại biển cả hoặc tại giới hạn vùng trời nằm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với trường hợp này thì người phạm tội (kể cả người nước ngoài) cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội

⁶ Xem thêm: Vũ Thị Thúy (2017), *Hiệu lực của Luật hình sự Việt Nam về không gian*, Nhà xuất bản Hồng Đức, trang 31 - 42.

chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi chưa đặt vấn đề về tính hợp lý của quy định mới này, song, xét dưới góc độ pháp lý, trong một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng đã đề cập đến vấn đề này, chẳng hạn, tại Điều 4 Công ước về các hành vi phạm tội và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay có quy định: *Một Quốc gia ký kết không phải là Quốc gia đăng ký tàu bay không được can thiệp vào tàu bay đang bay để thực hiện quyền tài phán hình sự của mình đối với các hành vi phạm tội thực hiện trên tàu bay trừ các trường hợp sau đây: a) Hành vi phạm tội gây ảnh hưởng tới lãnh thổ của Quốc gia đó; b) Hành vi phạm tội do công dân hoặc người thường trú của Quốc gia đó được thực hiện hoặc chống lại họ; c) Hành vi phạm tội chống lại an ninh của Quốc gia đó; d) Hành vi phạm tội bao gồm việc vi phạm bất kỳ quy tắc hoặc quy định hiện hành nào liên quan tới chuyến bay hoặc hoạt động của tàu bay tại Quốc gia đó; e) Việc thực hiện quyền tài phán là cần thiết để bảo đảm việc tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào của Quốc gia đó theo hiệp định quốc tế đa phương.* Do đó, quy định mới này đã tạo được cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng là sự thể hiện rõ nét quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng các quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3. Một số vấn đề cần chú ý để đảm bảo việc thực thi các quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội có hiệu quả

Thứ nhất, qua nghiên cứu các quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội, chúng tôi thấy, việc xử lý đối với người nước ngoài phạm tội chủ yếu dựa trên các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, theo tập quán quốc tế hoặc bằng con đường ngoại giao. Như vậy, trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự nước ta mang tính quốc tế hóa rất cao, phù hợp với xu thế hiện nay nhưng thực tế lại đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết: Có những trường hợp người nước ngoài phạm tội ở Việt Nam nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án, các cơ quan chức năng của Việt Nam đã không nhận được sự hỗ trợ tích cực, thiện chí từ quốc gia mà người phạm tội đó mang quốc tịch hoặc có sự tranh chấp về thẩm quyền xử lý hình sự đối với những trường hợp phạm tội ngoài lãnh thổ Việt Nam giữa Việt Nam và một số quốc gia... vì giữa Việt Nam và các quốc gia đó chưa có các điều ước quốc tế để điều chỉnh chung. Cho nên, việc tăng cường ký kết các điều ước quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế song phương giữa Việt Nam và các quốc gia có nhiều

công dân phạm tội ở Việt Nam để làm cơ sở thực thi các quy định này có hiệu quả trong thực tế là một vấn đề cần thiết.

Thứ hai, mặc dù hình phạt trực xuất được quy định trong BLHS thể hiện sự đa dạng hóa hình thức xử lý đối với người nước ngoài phạm tội, phù hợp với tình hình thực tế nhưng cũng chỉ là quy định một cách chung chung, mang nặng tính ngoại giao, chưa được quy định cụ thể về điều kiện áp dụng cũng như các vấn đề khác có liên quan như: Loại tội phạm nào sẽ bị áp dụng hình phạt này; thời hạn, điều kiện để xóa án tích... Theo chúng tôi, trước mắt các cơ quan chức năng cần có những hướng dẫn cụ thể, tránh trường hợp tùy nghi áp dụng như hiện nay.

Thứ ba, ngoài việc tăng cường ký kết các điều ước quốc tế, việc hoàn thiện những quy định có liên quan đến người nước ngoài phạm tội trong lĩnh vực tố tụng hình sự, tổ chức hoạt động điều tra, thi hành án hình sự, thi hành tạm giữ, tạm giam... cũng là vấn đề cần thiết được đặt ra hiện nay. Chẳng hạn, về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do người nước ngoài thực hiện hiện nay vẫn chưa được quy định thống nhất; chưa có các quy định cụ thể liên quan đến cơ quan có chức năng phiên dịch, người phiên dịch, dịch thuật trong hoạt động tố tụng hình sự như: tiêu chuẩn, điều kiện tham gia, trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp...; chưa có quy định riêng về tiêu chuẩn chế

độ tạm giữ, tạm giam cho người nước ngoài; trường hợp người phạm tội có hai quốc tịch, trong đó có quốc tịch Việt Nam thì áp dụng chính sách hình sự đối với họ như thế nào? (ở một số lĩnh vực liên quan đến quản lý hành chính nhà nước có hướng dẫn cụ thể nhưng lĩnh vực hình sự thì chưa)... Khi đảm bảo được những điều kiện về mặt pháp lý này, việc áp dụng các quy định về trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội sẽ thực sự hiệu quả hơn.

Thứ tư, một trong những yếu tố cũng góp phần quan trọng để quy định về trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn đó là tinh thần, ý thức trách nhiệm và trình độ của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật. Thực tiễn cho thấy, đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật thường có tâm lý e ngại khi thụ lý những vụ án do người nước ngoài phạm tội, một phần là do những yếu tố liên quan đến các quy định của pháp luật quốc tế, yếu tố ngoại giao, một phần cũng do họ chưa thực sự được trang bị đầy đủ kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự do người nước ngoài thực hiện, dẫn đến nhiều trường hợp vụ án bị kéo dài, thậm chí bị đình chỉ, từ đó không đảm bảo được tính pháp chế. Cho nên, vấn đề được đặt ra là cần phải nêu cao được tinh thần, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật, phải xác định cho họ việc thực thi tốt chính sách hình sự đối với người nước

ngoài phạm tội là một vấn đề quan trọng, thể hiện được trình độ, uy tín và vị thế của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế; bên cạnh đó, việc tổ chức các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật cần được chú trọng thường xuyên, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra nhằm trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết về pháp luật, nghiệp vụ, ngoại ngữ, giao tiếp, ngoại giao... để giải quyết tốt các vụ án do người nước ngoài thực hiện.

Tóm lại: Quy định về trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng, phù hợp, thể hiện rõ nét quan điểm chỉ đạo trong quá trình soạn thảo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đó là: *Tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt*

Nam là thành viên. Nhưng để các quy định này thực sự phát huy có hiệu quả trong thực tiễn, đòi hỏi cần có sự hỗ trợ từ nhiều yếu tố, trong đó việc hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật là những yếu tố then chốt. ■

H.T.G

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự (Luật số 100/2015/QH13)*.
2. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1982), *Công ước của Liên Hợp Quốc về luật biển*.
3. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1963), *Công ước về các hành vi phạm tội và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay*.
4. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
5. Vũ Thị Thúy (2017), *Hiệu lực của Luật hình sự Việt Nam về không gian*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

(Nhận bài: 06/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

TÌM HIỂU CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

NGUYỄN TIẾN NAM*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Miễn trách nhiệm hình sự là chế định nhân đạo trong Bộ luật Hình sự Việt Nam, áp dụng đúng chế định này có ý nghĩa quan trọng, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đáp ứng mục tiêu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy việc nghiên cứu làm rõ các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Từ khóa: Miễn trách nhiệm hình sự; Bộ luật Hình sự.

SUMMARY

The exemption from criminal responsibility is a humanitarian regulation in the Criminal Law. Appropriate application of this regulation has important meaning in the protection of legitimate rights and duties of people, and meeting the aim of crime prevention, securing the demand of rehabilitating the offenders. Therefore, it is very important to study the cases of exemption from criminal responsibility in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) for crime prevention.

Key words: Exemption from criminal responsibility; Criminal Code.

Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV ngày 20 tháng 6 năm 2017 gồm có 26 chương với 426 điều, được thiết kế thành 03 phần, phần thứ nhất: Những quy định chung (gồm 12

chương, từ Điều 01 đến Điều 107); phần thứ hai: Các tội phạm (gồm 14 chương, từ Điều 108 đến Điều 425); và phần thứ ba: Điều khoản thi hành (gồm 01 điều - Điều 426).

So với BLHS năm 1999 có thể khẳng

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

định BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi một cách cơ bản và toàn diện các quy định của BLHS năm 1999 về tội phạm và hình phạt để đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời kỳ mới, một trong những nội dung được nghiên cứu sửa đổi trong BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đó là vấn đề miễn trách nhiệm hình sự.

1. Khái niệm và đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự

Miễn trách nhiệm hình sự là một trong những chế định quan trọng trong luật hình sự nước ta, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời qua đó nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng và giúp họ trở thành người có ích cho xã hội. Mặc dù có ý nghĩa quan trọng như vậy nhưng khái niệm miễn trách nhiệm hình sự vẫn chưa được nhà làm luật nước ta ghi nhận chính thức trong pháp luật hình sự thực định, tuy nhiên qua nghiên cứu các căn cứ miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại điều 29 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có thể hiểu một cách khái quát miễn trách nhiệm hình sự như sau:

Miễn trách nhiệm hình sự là việc không bắt buộc một người phải chịu trách nhiệm

hình sự về tội mà họ đã thực hiện¹.

Nghiên cứu về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự có thể xác định miễn trách nhiệm hình sự hoàn toàn khác với trường hợp không có trách nhiệm hình sự. Người được miễn trách nhiệm hình sự tức là người đã phạm một tội được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng được miễn trách nhiệm hình sự. Còn người không có trách nhiệm hình sự là người mà hành vi của họ không có sự sai trái hoặc hành vi của họ tuy có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhưng mức độ nguy hiểm không lớn nên không coi là tội phạm mà chỉ đáng xử lý về hành chính. Miễn trách nhiệm hình sự có một số đặc điểm sau:

- Thứ nhất, miễn trách nhiệm hình sự là sự phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và luật hình sự nói riêng trong một Nhà nước.

- Thứ hai, miễn trách nhiệm hình sự là sự xóa bỏ hoàn toàn hậu quả pháp lý của việc thực hiện một tội phạm chỉ được đặt ra đối với người nào là chủ thể của chính tội phạm ấy, lẽ ra nếu không đủ căn cứ để được miễn trách nhiệm hình sự thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Thứ ba, phụ thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể, miễn

¹ *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Tổng cục XDLL CAND, năm 2011, tr.203.

trách nhiệm hình sự chỉ được thực hiện bởi một cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý hồ sơ vụ án. Cụ thể, đó là Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án (các điều 230, 285 và 282 BLTTHS năm 2015), khi đảm bảo các căn cứ pháp lý và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định.

2. Quy định của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự

Nghiên cứu BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), vấn đề miễn trách nhiệm hình sự được ghi nhận trong nhiều điều luật ở phần những quy định chung và phần tội phạm cụ thể:

- Một là, trong phần những quy định chung, những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự được ghi nhận tại đoạn 2 Điều 16, Điều 27, Điều 29 và khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể:

+ Thứ nhất, theo đoạn 2 điều 16 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm hoặc trường hợp hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Khoản 1 Điều 27 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Những trường hợp không bị truy cứu

trách nhiệm hình sự do đã hết thời hiệu được quy định tại khoản 2 Điều 27 BLHS năm 2015 là những trường hợp mà lẽ ra người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự (vì có cơ sở của trách nhiệm hình sự) nhưng Nhà nước quy định là không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ thể hiện tính nhân đạo của pháp luật vì qua một thời hạn nhất định họ đã không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, không cần thiết phải áp dụng biện pháp cưỡng chế của luật hình sự.

+ Thứ hai, tại điều 29 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ghi nhận các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự và có thể được miễn trách nhiệm hình sự, bao gồm:

Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự

1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

b) Khi có quyết định đại xá.

2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét

xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;

c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.

3. Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu căn cứ miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại điều 29 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có thể nhận thấy so với BLHS năm 1999, BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã cụ thể hóa các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo hướng: Phân biệt các trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự và trường hợp cụ thể được miễn trách nhiệm hình sự; trong phần có thể được miễn trách nhiệm hình sự, BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn bổ sung một số trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự để đảm bảo với tình hình thực tiễn hiện nay

đó là trường hợp được ghi nhận tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 29 BLHS.

+ Thứ ba, theo khoản 2 điều 91 BLHS sửa đổi 2017, người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:

Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này (điểm a khoản 2 Điều 90);

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ trường hợp quy định tại Điều 123 (tội giết người); Điều 134, các khoản 4, 5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi

đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này (điểm b khoản 2 Điều 90);

Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án (điểm c khoản 2 Điều 90).

Nghiên cứu vấn đề miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa đủ 18 tuổi trong BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có thể nhận thấy có một số điểm mới so với quy định tại điều 69 BLHS năm 1999, cụ thể: BLHS năm 1999 không quy định miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng kèm theo các biện pháp giám sát, giáo dục họ, còn trong BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi chế định này theo hướng bổ sung mới quy định: Khi quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho người dưới 18 tuổi, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục (quy định tại Mục C, Chương XII) đối với họ, bao gồm: Khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc giáo dục tại xã, phường, thị

trấn (các điều từ 93 đến 95). Đối với biện pháp tư pháp chỉ áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại các trường giáo dưỡng.

- Hai là, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong phần các tội phạm cụ thể:

+ Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội gián điệp. Khoản 4 Điều 110 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2017 quy định: “Người đã nhận làm gián điệp, nhưng không được thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn trách nhiệm hình sự”.

Đây là dạng miễn trách nhiệm hình sự có tính chất bắt buộc đối với tất cả các cơ quan tư pháp hình sự khi có cơ sở cho thấy người tuy đã nhận làm gián điệp có đầy đủ các căn cứ pháp lý như “không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền” thì được miễn trách nhiệm hình sự.

+ Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội hối lộ

Đối với hành vi đưa hối lộ, mặc dù cũng là hành vi nguy hiểm và cũng bị trừng trị rất nghiêm khắc như đối với tội nhận hối lộ, tuy nhiên, đối với người không bị ép buộc phải đưa hối lộ nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì chính sách hình sự đối với họ là rất khoan hồng. Vì vậy, đoạn 2 khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự quy định: “...

Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng đưa hối lộ”.

Chủ động khai báo trước khi bị phát hiện là trường hợp việc đưa hối lộ chưa bị phát giác mà người đưa hối lộ đã tự mình viết đơn hoặc trực tiếp đến cơ quan, tổ chức khai báo toàn bộ sự việc đưa hối lộ mà mình thực hiện. Nếu việc đưa và nhận hối lộ đã bị phát hiện, thấy không còn cách nào che giấu được hành vi phạm tội của mình nữa mới tố giác, thì dù người đưa hối lộ có chủ động khai báo cũng không được loại trừ trách nhiệm hình sự. Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

+ Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội môi giới hối lộ

Khoản 6 Điều 365 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Người môi giới hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”.* Đối với hành vi làm môi giới hối lộ, người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Chủ động khai báo trước khi bị phát giác là trường hợp đã thực hiện hành vi

môi giới hối lộ; việc đưa và nhận hối lộ chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa bị phát giác mà người làm môi giới hối lộ đã tự mình viết đơn hoặc trực tiếp đến cơ quan, tổ chức khai báo toàn bộ sự việc phạm tội mà mình thực hiện, góp phần vào việc ngăn chặn, phát hiện hoặc điều tra tội phạm.

Chủ động khai báo trước khi hành vi bị phát hiện được coi như là trường hợp tự thú nên có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Có thể coi quy định tại khoản 6 Điều 365 Bộ luật hình sự là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi làm môi giới hối lộ, nên khi xác định trường hợp này phải đối chiếu với các quy định về miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29 Bộ luật hình sự.

+ Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội không tố giác tội phạm

Khoản 2 Điều 390 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Người không tố giác nếu đã hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt”.* Đây là dạng miễn trách nhiệm hình sự có tính chất tùy nghi đối với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có cơ sở cho thấy người tuy không tố giác tội phạm có đủ căn cứ do luật định như *“đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm”.*

Ngoài các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự được ghi nhận trong BLHS sửa đổi 2017, nghiên cứu tại khoản 2 Điều 155, điểm b khoản 1 Điều 230, khoản 1 Điều 248 và Điều 282 của BLTTHS năm 2015, thì những vụ án hình sự (về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS năm 2015) đã được khởi tố theo yêu cầu của bị hại hoặc của người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết; nếu người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm, thì vụ án phải được đình chỉ (trừ trường hợp người rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức). Trong trường hợp này, thực chất Nhà nước cũng không

truy cứu trách nhiệm hình sự với người đã phạm tội. ■

N.T.N

Tài liệu tham khảo

1. Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) Phần chung, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2010.

2. Đinh Văn Quế (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, tập 1 - phần chung*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND (2011), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nhà xuất bản CAND, Hà Nội.

4. Quốc hội, *Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, năm 2017.

(Nhận bài: 07/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NỘI LUẬT HÓA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

NGUYỄN ĐỨC HÙNG*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Một trong những nội dung mới nổi bật của các đạo luật này là đã nội luật hóa các quy định có liên quan của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, góp phần phù hợp với pháp luật quốc tế, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm của Việt Nam, thể hiện tinh thần, trách nhiệm của nhà nước Việt Nam trong thực hiện các cam kết quốc tế. Để làm rõ vấn đề này, tác giả nghiên cứu một số vấn đề về nội luật hóa điều ước quốc tế trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ khóa: Điều ước quốc tế; công ước; nội luật hóa.

SUMMARY

The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) came into forces from 01/01/2018. One of the remarkable matter of this Code is the domestic legalization of regulations relating international treaties and conventions in which Vietnam is a state member, in order to agree with international laws and to enhance the effectiveness of the international cooperation in crime prevention of Vietnam, showing the responsibility of Vietnam in implementing international pledges. In this article, the author presented his research on the domestic legalization of regulations in The Criminal Code 2015 (Amended in 2017).

Key words: International treaties and conventions; Convention; domestic legalization.

Cho đến nay, Việt Nam đang là thành viên của một số điều ước quốc tế, điển hình như: Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UBTOC) và Nghị định thư kèm theo (như Nghị định thư về

phòng ngừa, trấn áp, trừng trị tội buôn bán người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ, trẻ em), Bộ 40 khuyến nghị về rửa tiền của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF), Công ước Luật biển quốc tế 1982 (UNCLOS 1982),

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Công ước ASEAN về chống khủng bố... Qua nghiên cứu, nhận thấy rằng một số quy định của các điều ước quốc tế nêu trên đã được nội luật hóa trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung quy định về chuẩn bị phạm tội theo hướng bên cạnh các hành vi chuẩn bị phạm tội đã được quy định trước đây (như tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm), còn bổ sung thêm hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm để thực hiện một tội phạm cụ thể (Điều 14). Quy định này tạo cơ sở pháp lý để chủ động ngăn chặn sớm tội phạm xảy ra, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, đồng thời phù hợp với Công ước chống tội phạm xuyên quốc gia.

Bên cạnh đó, lần đầu tiên trong lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Đây là một nội dung mới, quan trọng, làm thay đổi cơ bản chính sách hình sự truyền thống, bên cạnh nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, luật hình sự Việt Nam đã đặt ra trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong một số tội theo quy định của Bộ luật (gồm 31 tội danh, trong đó, 22 tội thuộc Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự

quản lý kinh tế và 09 tội thuộc Chương XIX. Các tội phạm về môi trường). Với quy định này của BLHS 2015, chúng ta đã nội luật hóa các quy định có liên quan của Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước ASEAN về chống khủng bố và các Công ước về chống khủng bố khác mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời đảm bảo phù hợp với xu hướng lập pháp tiến bộ mà nhiều quốc gia trên thế giới đang theo đuổi¹.

- *Thứ hai*, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung cơ bản cấu thành của tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi (các điều 150,151) trên tinh thần Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc) và Tuyên bố Asean về chống buôn bán người, đặc biệt phụ nữ và trẻ em.

So với Điều 119 và Điều 120 BLHS năm 1999, Điều 150 và Điều 151 BLHS năm 2015 được sửa đổi quy định cụ thể hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm. Cụ thể là: Hành vi phạm tội mua bán người theo Điều 150 BLHS năm 2015: chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao

¹Theo thống kê, có 116 quốc gia trong đó có 6 nước ASEAN có quy định về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi tại hai điểm trên. Hành vi phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi theo Điều 151 BLHS năm 2015 là: chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo; chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi tại hai điểm nêu trên.

Đây là kết quả nội luật hóa các hành vi theo quy định của Nghị định thư, là bước tiến quan trọng đáp ứng được yêu cầu của Nghị định thư, tạo cơ sở pháp lý tốt hơn phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người và hợp tác quốc tế của các cơ quan chức năng Việt Nam trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, khi đối chiếu với quy định tại Khoản d Điều 3 của Nghị định thư thì có thể thấy BLHS năm 2015 chỉ nội luật hóa quy định về hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm mà không nội luật hóa quan điểm pháp lý về độ tuổi của người được coi là trẻ em. Theo Nghị định thư, trẻ em là người dưới 18 tuổi, còn quan điểm pháp lý của Việt Nam đến nay vẫn xác định trẻ em là người dưới 16 tuổi². Mặc dù là quốc gia đầu tiên của châu Á

và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em (CRC) nhưng đến nay, Việt Nam lại là nước còn lại duy nhất trong khối ASEAN, thứ 4 ở châu Á và thứ 11 trên thế giới chưa nâng độ tuổi pháp lý của trẻ em lên dưới 18 tuổi. Nguyên nhân của vấn đề này xuất phát từ quan điểm pháp lý của Nhà nước và truyền thống văn hóa của nhân dân ta.

- Thứ ba, BLHS 2015 bổ sung tội bắt cóc con tin (Điều 301) và tội cướp biển (Điều 302) trên tinh thần các quy định của Công ước chống bắt cóc con tin năm 1979 và Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982.

Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin (1979) vào năm 2014³. Chính vì thế, nội luật hóa các quy định của Công ước này trong pháp luật nước ta được xác định là một yêu cầu cần được các cơ quan lập pháp quan tâm, chú trọng. Trong BLHS 2015, bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung 02 tội danh trực tiếp quy định về hành vi khủng bố (Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và Tội khủng bố), Bộ luật còn tội phạm hóa một số hành vi khác mà pháp luật quốc tế xem là tội phạm khủng bố, trong đó có hành vi bắt cóc con tin (“Taking of hostages” hay “Hostages taking”). Như

² Điều 1, Luật trẻ em (Luật số: 102/2016/QH13), năm 2016.

³ Công ước này đã có hiệu lực với nước ta vào ngày 8/2/2014.

vậy, việc tội phạm hóa hành vi bắt cóc con tin vào BLHS 2015 đã góp phần nội luật hóa yêu cầu của Công ước 1979 về chống bắt cóc con tin.

Trong BLHS 2015, ngoài quy định tại Điều 301 về tội bắt cóc con tin, còn quy định tội cướp biển tại Điều 302. Quy định này không những khẳng định chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta trong việc xử lý nghiêm minh hành vi cướp biển, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà còn nhằm thực thi cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm trên biển mà Việt Nam là thành viên, như Công ước về an toàn sinh mạng người trên biển năm 1974.

- Thứ tư, bổ sung tội cưỡng bức lao động (Điều 297) trên tinh thần Công ước số 29 của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về lao động cưỡng bức (năm 1930).

Định nghĩa lao động cưỡng bức trong công ước của ILO là hoàn cảnh người lao động bị ép buộc hay lừa gạt làm những việc mà họ không thể rời bỏ những việc làm đó. Tổ chức Lao động Quốc tế đã đưa ra 11 chỉ số để nhận diện lao động cưỡng bức: lạm dụng tình trạng khó khăn của người lao động, lừa gạt, hạn chế đi lại, bị cô lập, bạo lực thân thể và tình dục, dọa nạt và đe dọa, giữ giấy tờ tùy thân, giữ tiền lương, lệ thuộc vì nợ, điều kiện sống và làm việc bị lạm dụng, làm thêm giờ quá quy định.

Ở Việt Nam, hành vi lao động cưỡng

bức cũng đã được nghiêm cấm trong các quy định pháp luật. Bộ Luật Lao động quy định “*cưỡng bức lao động là việc dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm buộc người khác lao động trái với ý muốn của họ*” và là hành vi bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, để bảo vệ người lao động tốt hơn, hướng tới bảo vệ quyền con người bằng những chế tài có tính răn đe và trừng phạt nghiêm khắc hơn, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi năm 2017) đã bổ sung những điều khoản về hành vi cưỡng bức lao động tại Điều 297. Đây cũng là một minh chứng cho là hành vi nội luật hóa các quy định có liên quan của Công ước về lao động cưỡng bức năm 1930 mà Việt Nam là một thành viên.

- Thứ năm, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung tội rửa tiền (Điều 324) nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) về phòng, chống rửa tiền mà nước ta phải tuân thủ với tư cách là thành viên.

Theo Bộ 40 khuyến nghị lực lượng đặc nhiệm tài chính về phòng chống rửa tiền (quy định về hình sự hóa): “*Các quốc gia cần hình sự hoá tội rửa tiền trên cơ sở Công ước Liên Hợp Quốc 1988 chống lại việc buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp các chất ma tuý và chất hướng thần (Công ước Viên) và Công ước Liên Hợp Quốc năm 2000 về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo);*

Các quốc gia cần áp dụng tội phạm rửa

tiền vào tất cả các tội nghiêm trọng với mục đích tập hợp thành một phạm vi rộng nhất các tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Các tội phạm nguồn này có thể mô tả bằng cách dẫn chiếu tới tất cả các tội danh, hay tới một ngưỡng có gắn liền với hoặc là một danh mục các tội danh nghiêm trọng hoặc tới hình phạt tù áp dụng với tội phạm nguồn đó (cách tiếp cận theo ngưỡng), hoặc theo danh sách các tội phạm nguồn, hoặc là kết hợp cả hai cách tiếp cận này”.

Khi đối chiếu với quy định của Công ước Liên Hợp Quốc năm 2000 về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, quy định về tội phạm rửa tiền tại Điều 251, tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 252 cũng có thể được áp dụng để trừng trị một số hành vi rửa tiền đã cơ bản đảm bảo tương thích với quy định của Công ước. Tuy nhiên, để chính xác hóa hơn nữa dấu hiệu nhận thức (người phạm tội biết rõ nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản) trong mặt chủ quan của tội phạm nhằm đảm bảo hành vi rửa tiền dù được người phạm tội thực hiện để hợp pháp hóa tiền và tài sản do mình phạm tội mà có hay do người khác phạm tội mà có đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự, BLHS 2015 đã được sửa đổi, bổ sung quy định xử lý cả hành vi rửa tiền để hợp pháp hóa tiền và tài sản do chính người phạm tội mà có (khoản 1 Điều 324).

- Thứ sáu, để nội luật hóa các qui định có liên quan của Công ước Liên hợp

quốc về chống tham nhũng (UNCAC) mà nước ta là thành viên, đáp ứng yêu cầu hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời, bảo đảm xử lý tội phạm trong thực tiễn, BLHS năm 2015 có nhiều sửa đổi, bổ sung so với BLHS năm 1999 (cụ thể là Chương XXIII). Quy định các tội phạm về chức vụ theo hướng: mở rộng khái niệm tội phạm về chức vụ bao gồm cả trong khi thi hành công vụ và nhiệm vụ (Điều 352), để bảo đảm xử lý tội phạm về chức vụ xảy ra trong khu vực tư (ngoài Nhà nước). Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà có hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ (các điều 353, 354); Người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước (Điều 364); Người nào môi giới hối lộ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước (Điều 365)... cũng sẽ bị xử lý theo các tội danh tương ứng quy định tại Chương này; đặc biệt, bổ sung quy định mới về của đưa, nhận, môi giới hối lộ bao gồm cả những lợi ích phi vật chất tại các điều luật nêu trên. Liên quan các tội tham ô, nhận hối lộ, nếu thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (các khoản 3, 4 của các điều 364, 365) sẽ không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 28).

Hiện nay, tham nhũng không còn là

vấn đề riêng của mỗi quốc gia nào mà trở thành vấn đề có tính toàn cầu. Tham nhũng đã và đang làm hao tổn nguồn lực quốc gia, làm xói mòn, giảm sút lòng tin của người dân đối với nhà nước qua đó phá hoại sự phát triển ổn định và bền vững của mỗi quốc gia. Lo ngại về tính nghiêm trọng của tham nhũng đối với sự ổn định, an ninh xã hội ở nước ta, sự bền vững và phát triển của các giá trị dân chủ, đạo đức, công lý của xã hội cũng như mối đe dọa về sự liên kết giữa tham nhũng với các loại tội phạm khác, đặc biệt là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Mặc dù rằng, việc thực hiện Công ước ở Việt Nam có thể gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định như: Các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước còn thiếu cụ thể, chưa đồng bộ, điều kiện vật chất, kỹ thuật và kinh nghiệm hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam còn hạn chế, nhận thức và việc thực thi Công ước trong cán bộ, công chức và trong nhân dân nhìn chung còn bất cập do công tác nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến về Công ước thời gian qua còn hạn chế nhưng việc Nhà nước bổ sung những quy định nêu trên trong BLHS 2015 là vô cùng cấp thiết, là một bước tiến quan trọng để khắc phục những khó khăn, vướng mắc vừa nêu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

- Thứ bảy, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; tội dùng nhục hình và tội

bức cung (các Điều 157, 373, 374) trên tinh thần Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục mà nước ta là thành viên⁴.

Công ước gồm 4 nội dung cơ bản: (1) chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; (2) điều tra các cáo buộc và nghi ngờ tra tấn; (3) chống việc không chịu hình phạt bằng cách lên án tra tấn và đưa kẻ phạm tội ra pháp luật; (4) trao nạn nhân bị tra tấn quyền chữa trị hiệu quả và phục hồi đầy đủ. Trên cơ sở quy định của Công ước, BLHS 2015 tiếp tục kế thừa các quy định của BLHS 1999 (các Điều 123, 298, 299) đồng thời tiếp tục khẳng định hình sự hóa các hành vi tra tấn theo tinh thần của Công ước, tuy nhiên đã nâng mức hình phạt so với quy định trước đó nhằm xử lý nghiêm khắc hơn các hành vi phạm tội này, qua đó nâng cao hiệu quả phòng, chống các hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền con người. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 123 BLHS 1999 (Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật) thì hình phạt áp dụng đối với người phạm tội là phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng

⁴ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28/11/2014, phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (UNCAT 1984).

đến hai năm; còn tại Khoản 1 Điều 157 BLHS 2015 thì hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Bên cạnh đó, quy định tại Điều 373 BLHS 2015 còn mở rộng phạm vi các trường hợp mà người phạm tội phải chịu hình phạt do thực hiện tội phạm dùng nhục hình so với quy định tại Điều 298 BLHS 1999. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 298 BLHS 1999 thì hình phạt được áp dụng đối với “*Người nào dùng nhục hình trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...*” trong khi đó Khoản 1 Điều 373 BLHS 2015 thì hình phạt được áp dụng đối với “*Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác*”.

Như vậy, qua nghiên cứu BLHS 2015, có thể thấy rằng đây là một đạo luật có nhiều quy định mới so với trước đây, trong đó với việc nội luật hóa nhiều điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, điều đó thể hiện:

Một là, tinh thần trách nhiệm của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế mà nước ta là thành viên trên cơ sở nguyên tắc “*các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác*” và nguyên tắc “*tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết quốc tế*” trong pháp luật quốc tế.

Hai là, sự tiếp cận của pháp luật hình sự nước ta với pháp luật hình sự của các quốc gia tiến bộ trên thế giới qua đó tạo điều kiện cho việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế song phương và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia khác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự và dẫn độ tội phạm, góp phần đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm mà cộng đồng quốc tế cùng có sự quan tâm.

Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu lực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm thì việc nội luật hóa các quy định có liên quan trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam vào pháp luật hình sự nước ta cần được tiếp tục nghiên cứu tiến hành, đồng thời các cơ quan chức năng như Ủy ban thường vụ quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và một số cơ quan khác cần nhanh chóng ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều BLHS 2015 cũng như triển khai áp dụng trong thực tiễn. Ngoài các quy định được đề cập nêu trên, trong BLHS 2015 còn có một số quy định khác được xây dựng trên tinh thần nội luật hóa các điều ước quốc tế mà trong phạm vi bài viết này chưa đề cập cụ thể. ■

N.Đ.H

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*.
2. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ*

sung một số điều Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Quốc hội (2017), Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của các bộ luật, luật có liên quan.

4. Quốc hội (2016), Luật Trẻ em.

5. Quốc hội (2012), Bộ luật lao động.

6. Liên hợp quốc (2003), Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC).

7. Liên hợp quốc (2000), Công ước Liên Hợp Quốc về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo - UBTOC).

8. Liên hợp quốc (2000), Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp, trừng trị tội buôn bán người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ, trẻ em bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc.

9. Cơ quan đặc nhiệm tài chính FATF (1990), Bộ 40 khuyến nghị về rửa tiền của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền.

10. Liên hợp quốc (1982), Công ước

Liên hợp quốc Luật biển quốc tế (UNCLOS 1982).

11. Tổ chức lao động quốc tế (1930), Công ước về lao động cưỡng bức (Công ước số 29).

12. Asean (2004), Tuyên bố Asean về chống buôn bán người, đặc biệt phụ nữ và trẻ em (Tuyên bố Viêng - chă 2004).

13. Asean (2007), Công ước ASEAN về chống khủng bố.

14. Liên hợp quốc (1988), Công ước Liên Hợp Quốc về chống buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần.

15. Liên hợp quốc (1979), Công ước chống bắt cóc con tin.

16. Liên hợp quốc (1974), Công ước về an toàn sinh mạng người trên biển.

17. Liên hợp quốc (1984), Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

18. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), “Giới thiệu Bộ luật Hình sự năm 2015 và nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật”.

(Nhận bài: 06/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

HOÀNG MINH ĐỨC*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Trong thực tế chúng ta gặp một số trường hợp, hành vi của một người xét về mặt hình thức có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng trong hành vi đó lại chứa đựng một số yếu tố nhất định làm mất đi tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) gọi đó là những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Bài viết tập trung phân tích, luận giải về tính cấp thiết của việc quy định cũng như nội dung, giá trị, ý nghĩa của các quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự; loại trừ trách nhiệm hình sự.

SUMMARY

In fact, there are some cases that one's act has full form of an offence but it contains some factors that eliminate the danger to the society. This is called case of exemption of Criminal responsibility in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017). In this article, the author presented and discussed the exigency of the legalisation as well as the content, value and meaning of the regulations of exemption of criminal responsibility in the Criminal Code 2015 (Amended in 2017).

Key words: Criminal responsibility; exemption from criminal responsibility.

Chúng ta biết rằng, công bằng, nhân đạo, dân chủ, pháp chế là giá trị chung của nền văn minh nhân loại, đồng thời, được coi là giá trị tự thân, là các quan điểm, tư tưởng pháp lý tiến bộ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Thể chế chính trị, luôn coi các quyền và tự do của con người là

những giá trị xã hội cao quý nhất. Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 nêu rõ: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân,*

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

vi Nhân dân; Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức...¹. Như vậy, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nhà nước mà ở đó pháp luật được tôn trọng và đề cao, đã chính thức thừa nhận và đảm bảo trên thực tế mọi quyền lợi và nghĩa vụ của con người, của công dân. Điều này đồng nghĩa rằng, mọi hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của con người, của công dân đều phải bị lên án kịp thời và xử lý phù hợp nhằm tạo lập trật tự pháp luật, duy trì sự ổn định của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân hoàn thiện và phát triển bản thân mình, được sáng tạo và cống hiến không hạn chế.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân, Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa sử dụng nhiều công cụ và bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó không thể không nhắc đến vai trò cực kỳ quan trọng của Luật Hình sự với tư cách là một ngành luật, một ngành khoa học, một đạo luật quy định những vấn đề có liên quan đến tội phạm và hình phạt nhằm tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng ngừa và đấu tranh

chống tội phạm góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Với ý nghĩa như vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu thông qua đó làm sáng tỏ bản chất của một số chế định trong Luật Hình sự góp phần nâng cao khả năng nhận thức pháp luật, tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành, đặc biệt là những điều, việc làm mà pháp luật không cấm (công dân được phép và có quyền làm trong tình huống nhất định) là việc làm hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong bối cảnh Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vừa được Quốc hội thông qua và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2018. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ sự cần thiết, những điểm mới của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

1. Sự cần thiết của việc quy định những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính lịch sử và tính giai cấp. Việc

¹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

quy định một hành vi nào đó là tội phạm hay không phải là tội phạm phụ thuộc vào ý chí của giai cấp thống trị xã hội, phụ thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện kinh tế trong từng giai đoạn nhất định. Ở Việt Nam, trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo, sâu sắc các khía cạnh khác nhau của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, các yếu tố thuộc về tâm lý, tinh thần, nền tảng ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý của nhân dân cùng với những yếu tố khác, tội phạm được hiểu là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự xác lập và bảo vệ mà theo quy định của BLHS phải bị xử lý hình sự. Nhận thức và quy định tội phạm nêu trên thể hiện rõ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; cụ thể hóa các nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội và hành vi phạm tội; tạo tiền đề cho việc xây dựng và hoàn thiện các chế định khác trong Luật hình sự. Đồng thời, là cơ sở thực tiễn cho việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật hình sự trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, phân biệt tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Việc xác định một người phạm tội không chỉ ảnh hưởng tới một cá nhân mà còn thể hiện chính sách, quan điểm

của Nhà nước về bảo vệ trật tự xã hội nói chung. Do đó, trong quy định của BLHS, bên cạnh những quy định tội phạm là những quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự đối với những hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội nhưng được thực hiện vì lợi ích của Nhà nước, tập thể hoặc của cá nhân. BLHS được ban hành năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đến nay thực tế đã có nhiều thay đổi, cùng với đó, đòi hỏi phải có chính sách hình sự phù hợp. Và một trong những vấn đề cần được đặt ra nghiên cứu hiện nay là hoàn thiện chế định loại trừ trách nhiệm hình sự².

Về thực tiễn, sau hơn 10 năm thi hành BLHS, thực tế đã phát sinh nhiều trường hợp mặc dù có tính nguy hiểm cho xã hội nhưng lại được thực hiện với mục đích vì lợi ích xã hội như rủi ro trong nghiên cứu khoa học; gây thiệt hại cho người bị bắt trong trường hợp bắt, giữ người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã; gây thiệt hại khi thi hành mệnh lệnh của cấp trên... Các trường hợp này, theo quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này vô hình chung

² Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (2015), *Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội, Tr.30-36.

TS. Trịnh Tiến Việt (2013), *Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những yêu cầu đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Tập 29.

đã tạo ra một số hạn chế như: Chưa thực sự khuyến khích được những hành vi thực hiện vì mục đích cộng đồng nhưng có rủi ro hoặc gây ra thiệt hại, do đó, đã gián tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; việc bảo vệ lợi ích của cá nhân thực hiện hành vi gây thiệt hại nhưng động cơ vì lợi ích chung hoặc chấp hành mệnh lệnh của cấp trên chưa thỏa đáng trong trường hợp này. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền thì việc bảo vệ, đề cao quyền con người, quyền công dân cần được xem xét, tăng cường hơn nữa; xét về thực tiễn phòng, chống tội phạm, thì tính nguy hiểm cho xã hội của các hành vi này và hậu quả xảy ra là rủi ro và ngoài khả năng kiểm soát của người thực hiện hành vi. Do đó, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi gây thiệt hại trên thực tế là tương đối nặng, chưa phù hợp với bản chất của hành vi. Việc xử lý hình sự đối với các hành vi này chưa thật phù hợp với quan điểm nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Xuất phát từ những bất cập trên, việc nghiên cứu bổ sung thêm các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong BLHS là cần thiết nhằm các mục tiêu sau: Phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền cơ bản của công dân; thể hiện chính sách nhân đạo

của Đảng và Nhà nước trong điều kiện mới; góp phần thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thi hành công vụ.

2. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

Trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được quy định tại Chương IV, từ Điều 20 đến Điều 26 với một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, về tên gọi

Trước đây, trên một số sách báo pháp lý, chuyên khảo Luật Hình sự, các nhà khoa học, chuyên gia pháp lý đã tiếp cận đến một hoặc một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự ở các mức độ và khía cạnh khác nhau, bước đầu đã tập trung kiến giải làm rõ những đặc điểm đặc trưng của các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong các công trình khoa học này, các nhà khoa học, chuyên gia pháp lý nêu ra những thuật ngữ khác nhau đối với những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, chẳng hạn: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung), Trường Đại học luật Hà Nội năm 2005, gọi là: *Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi*; Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung), Trường Đại học Cảnh sát nhân

dân năm 2005, gọi là: *Những trường hợp không phải là tội phạm*; Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của GS. TS Võ Khánh Vinh năm 2014, gọi là: *Các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*; Chuyên khảo: Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự của tác giả Đinh Văn Quế, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2009; Chuyên khảo: *Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)* của tác giả Phạm Văn Beo năm 2009, gọi là: *Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi*. Mặc dù tên gọi khác nhau, tuy nhiên về bản chất thì cơ bản giống nhau, vì đều đề cập đến những trường hợp không phải là tội phạm. Do đó, để thống nhất về tên gọi, tại chương IV BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về: *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*.

Thứ hai, về hình thức pháp lý

BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có những quy định loại trừ trách nhiệm hình sự đối với những hành vi có dấu hiệu tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể hoặc một số hành vi tuy có tính nguy hiểm cho xã hội nhưng không có yếu tố lỗi của chủ thể hoặc chủ thể không có năng lực trách nhiệm hình sự. Cụ thể là tại Khoản 4 Điều 8 quy định những hành vi không phải là tội phạm; Điều 11 quy định sự kiện bất ngờ; Khoản 1 Điều 13 quy định tình trạng không có

năng lực trách nhiệm hình sự; Khoản 1 Điều 15 quy định Phòng vệ chính đáng; Khoản 1 Điều 16 quy định tình thế cấp thiết. Như vậy, các quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nằm rải rác ở các điều luật khác nhau và các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự lại được quy định tại chương III: Tội phạm, không có một chương riêng quy định về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự. Khắc phục những bất cập nêu trên, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định những trường hợp loại trừ trong một chương riêng (chương IV) độc lập với chương 3 (Tội phạm), liệt kê đầy đủ các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, gồm:

Sự kiện bất ngờ (Điều 20);

Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 21);

Phòng vệ chính đáng (Điều 22);

Tình thế cấp thiết (Điều 23);

Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24);

Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25);

Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26).

Thứ ba, về kỹ thuật lập pháp

Trên cơ sở rà soát, chỉnh sửa một cách toàn diện các quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về những trường hợp loại trừ trách nhiệm

hình sự, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thiết kế lại về mặt nội dung lẫn văn phong đảm bảo tính chính xác, thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng của các quy định về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Cụ thể:

Điều 20 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về sự kiện bất ngờ đã lược bỏ bớt cụm từ “... do sự kiện bất ngờ, tức là...”;

Điều 21 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự đã thiết kế lại theo hướng: “*Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự*”, tức là lược bỏ bớt cụm từ: “*Đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh*” tại Khoản 1 Điều 13 BLHS năm 1999 và “*Người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã lâm vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này trước khi bị kết án, thì cũng được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự*” tại Khoản 2 Điều 13 BLHS năm 1999. Bởi vì, thực tế những nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 49 chương VII: Các biện pháp tư pháp của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho nên việc quy định một lần nữa tại Điều 21 là không cần thiết.

Điều 22, 23 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết đã có những sửa đổi cơ bản về từ ngữ, văn phong đảm bảo sự chuẩn xác về mặt thuật ngữ pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng các điều luật này trong thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Đặc biệt, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định bổ sung thêm 03 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự đó là: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24), Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25), Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26) góp phần đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, phù hợp với xu thế chung của các nước trên thế giới. Việc nghiên cứu bổ sung thêm các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự sẽ tạo điều kiện khuyến khích sự sáng tạo của con người, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm sự yên tâm cũng như sự thận trọng của chủ thể trong các hoạt động có rủi ro, cũng như khuyến khích sự tham gia của quần chúng nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đồng thời, việc bổ sung trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự là thực thi mệnh lệnh của cấp trên sẽ góp phần tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính của Nhà

nước ta. Như vậy, có thể thấy ưu điểm trong việc nghiên cứu bổ sung chế định loại trừ trách nhiệm hình sự là việc tạo ra hành lang pháp lý cho các hoạt động nghiên cứu, thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật. Qua đó, sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội, không chỉ về kinh tế mà tạo ra một xã hội trật tự, tuân thủ pháp luật.

Với việc bổ sung thêm 03 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì những hành vi gây thiệt hại khi thực thi mệnh lệnh của cấp trên; rủi ro trong sản xuất hoặc thí nghiệm hoặc khi bắt giữ người phạm tội sẽ không bị coi là tội phạm. Điều này thể hiện quan điểm nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, nếu xét dưới góc độ của người thực hiện hành vi gây thiệt hại thì không chỉ bảo đảm được quyền, lợi ích của họ mà còn tạo được sự an tâm của các chủ thể khi thực hiện hành vi vì lợi ích chung hoặc thực thi công vụ.

Thứ tư, về nội dung pháp lý

Thông qua việc nghiên cứu về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chúng tôi cho rằng:

Một là, về cơ bản, so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bản chất, nội dung, cơ sở, điều kiện áp dụng của các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự không có sự thay đổi quá nhiều, tuy nhiên được thiết kế lại theo

hướng chặt chẽ về hình thức và chính xác về nội dung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự thống nhất trong thực tiễn, góp phần tạo dựng uy tín, củng cố niềm tin của nhân dân vào chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hai là, về trường hợp gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội, Khoản 1 Điều 24 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm*”. Có thể khẳng định, cơ sở, điều kiện, quyền hạn bắt giữ người phạm tội là một chế định của pháp luật tố tụng hình sự, nhưng việc thực hiện những hành vi để bắt giữ người phạm tội mà gây thiệt hại cho người bị bắt giữ lại là vấn đề thuộc về lĩnh vực hình sự. Sử dụng vũ lực đối với người thực hiện hành vi phạm tội cần bắt giữ mà không vượt quá mức cần thiết thì được loại trừ trách nhiệm hình sự, được Nhà nước xem là hành vi tích cực, khuyến khích các thành viên, cá nhân trong xã hội thực hiện khi gặp hoàn cảnh mà luật dự liệu. Như vậy, điều kiện để được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này bao gồm: Người bị bắt giữ là người đã thực hiện hành vi phạm tội; Người bắt giữ có hành vi sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người

bị bắt giữ; Hành vi sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt giữ của người bắt giữ phải cần thiết.

Vấn đề gây thiệt hại trong bắt giữ người phạm tội được điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự và ở mức độ khái quát trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tại các Điều 110 (Giữ người trong trường hợp khẩn cấp), Điều 111 (Bắt người phạm tội quả tang), Điều 112 (Bắt người đang bị truy nã), Điều 113 (Bắt bị can, bị cáo để tạm giam). Sử dụng vũ lực để bắt giữ người phạm tội là biện pháp cần thiết bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, việc sử dụng vũ lực phải được người sử dụng nhận thức là hợp pháp và hợp lý, tức là không vượt quá mức cần thiết. Trong trường hợp này, người phạm tội cố tình bỏ trốn hoặc có hành vi khác nhằm thoát khỏi sự bắt giữ thì có thể bị áp dụng vũ lực, bị đau đớn hoặc bị tổn thương về sức khỏe ở mức độ này hay mức độ khác. Thiệt hại mà người bắt giữ gây ra cho người phạm tội bị bắt giữ không đòi hỏi phải ngang bằng với thiệt hại mà người phạm tội đó đã gây ra. Như vậy, tính hợp pháp của hành vi gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội bao hàm các điều

kiện cần thiết, không còn cách nào khác và không vượt quá giới hạn cần thiết của việc bắt giữ³.

Bên cạnh đó, để tránh tình trạng lạm dụng quy định này mà những người bắt giữ người phạm tội đã sử dụng vũ lực quá mức cần thiết gây tổn hại sức khỏe, thể chất của người bị bắt giữ cũng như các quyền, lợi ích hợp pháp khác của họ, Khoản 2 Điều 24 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Quy định này được xây dựng dựa trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về quyền được bảo vệ về sức khỏe, về thân thể kể cả khi người đó là người bị bắt giữ: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm*”. Đồng thời, quy định cũng thể hiện tính ưu việt của hoạt động nội luật hóa Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (tên gọi tiếng Anh: *United Nations Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment*) năm 1984 mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

³ GS. TS Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, Tr. 290 - 292.

TS. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr.303 - 306.

Qua đó, pháp luật hình sự Việt Nam khẳng định mọi người đều được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, được bảo vệ giá trị con người, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng và công minh của pháp luật hình sự.

Đối với trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết cho người bị bắt giữ, thì người gây thiệt hại tuy phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng pháp luật hình sự Việt Nam vẫn xác định đó là một trong những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 51 và trong một số tội phạm liên quan đến việc bắt giữ người phạm tội, thì mức độ trách nhiệm hình sự cũng được quy định theo hướng giảm nhẹ đặc biệt, cụ thể: Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội quy định tại Điều 126 và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quy định này thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước đối với các trường hợp phạm tội cụ thể, đảm bảo cơ chế pháp lý để mọi người dân có ý thức tôn trọng và bảo vệ pháp luật.

Ba là, về trường hợp rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ

khoa học, kỹ thuật và công nghệ, Điều 25 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm...*”. Như vậy, điều kiện để được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này bao gồm: Người gây thiệt hại tham gia hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ theo đúng pháp luật và quy định của cơ quan, tổ chức; thiệt hại phải xảy ra trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; người gây thiệt hại đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa.

Thực tế cho thấy, được coi là rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ nếu những rủi ro này xảy ra khi tiến hành các hoạt động nhằm mục đích phục vụ lợi ích xã hội và mục đích đó không thể đạt được nếu không có sự mạo hiểm xác đáng và người thực hiện sự mạo hiểm xác đáng đó đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra cho các lợi ích hợp pháp được pháp luật hình sự bảo vệ. Việc quy định trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

này có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, tiến bộ không ngừng của nền khoa học, kỹ thuật nước nhà, khơi dậy tinh thần và ngọn lửa đam mê nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới của các nhà khoa học, các chuyên gia và của mọi người dân trong xã hội.

Bên cạnh đó, không được thừa nhận là rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (hay nói cách khác là không được thừa nhận sự mạo hiểm có căn cứ xác đáng) nếu người nào đó trước khi tiến hành hoạt động nghề nghiệp, sản xuất hoặc nghiên cứu khoa học đã nhìn thấy trước nguy cơ đe dọa tính mạng con người, đe dọa gây ra thảm họa môi trường hoặc tai họa cho xã hội và không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định này góp phần khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ, góp phần giảm thiểu đến mức thấp nhất những nguy cơ xảy ra thiệt hại của các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng nói trên.

Bốn là, về trường hợp thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên, Điều 26 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người

thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự”. Như vậy, việc thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên gây thiệt hại cho xã hội không phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên phải là người làm trong lực lượng vũ trang nhân dân; thi hành mệnh lệnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người chỉ huy hoặc cấp trên ra mệnh lệnh nhưng vẫn bị yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó⁴.

Thực tiễn cho thấy, trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước nói chung, trong tổ chức và hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng, quan hệ phục tùng - mệnh lệnh có tính đặc thù, xuất phát

⁴Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (2016), *Những điểm mới trong Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Kỷ yếu Tòa đàm khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr117 - 129.

từ tính chất và yêu cầu kỷ luật tuyệt đối, thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên là yêu cầu bắt buộc đối với cấp dưới để thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Mặc dù vậy, những người cấp dưới thuộc biên chế của lực lượng vũ trang nhân dân đều là những người am hiểu về lĩnh vực công tác của mình, có khả năng nhận thức được đầy đủ tính chất của mệnh lệnh mà cấp trên ban hành là đúng hay không đúng. Vì vậy, việc thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên không phải bao giờ cũng loại trừ trách nhiệm hình sự của người thi hành mệnh lệnh. Nói cách khác, nếu người thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên không biết hoặc không có nghĩa vụ phải biết rõ mệnh lệnh là bất hợp pháp thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngược lại, trách nhiệm hình sự có thể được đặt ra đối với người thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên có tính chất trái pháp luật và nguy hiểm đáng kể gây thiệt hại cho xã hội, nếu người thi hành mệnh lệnh nhận thức được và buộc phải nhận thức được tính trái pháp luật của mệnh lệnh mà không thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người chỉ huy hoặc cấp trên đã ra mệnh lệnh.

Đặc biệt, quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên

không được áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 421 (Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược), Khoản 2 Điều 422 (Tội chống loài người) và Khoản 2 Điều 423 (Tội phạm chiến tranh) chương XXVI (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tóm lại, việc ban hành BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, tiếp thu những giá trị của nền văn minh nhân loại và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tham khảo kinh nghiệm lập pháp của một số nước trên thế giới. Đồng thời, tiếp tục nội luật hóa những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn vào hệ thống pháp luật quốc gia, dựa trên kết quả của quá trình nghiên cứu đánh giá thực tiễn thi hành BLHS những năm vừa qua. Đặc biệt, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có những sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về mặt hình thức, nội dung pháp lý cũng như kỹ thuật lập pháp về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, bước đầu góp phần từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ■

H.M.Đ

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

2. Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (2015), *Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.

3. TS. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. TS. Trần Văn Biên - TS. Đinh Thế Hùng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. PGS. TS Nguyễn Thị Phương Hoa - TS. Phan Anh Tuấn (2017), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành

phố Hồ Chí Minh.

6. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (2016), *Những điểm mới trong Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Kỷ yếu Tọa đàm khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. TS. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

8. TS. Trịnh Tiến Việt (2013), *Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những yêu cầu đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Tập 29.

9. GS. TS Võ Khánh Vinh (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. GS. TS Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Nhận bài: 08/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CÁC BIỆN PHÁP THA, MIỄN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

NGUYỄN NHẤT VŨ*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Dựa trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) được xây dựng đã thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự. Cụ thể là trong BLHS năm 2015, có rất nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung có liên quan đến các biện pháp tha, miễn theo chiều hướng xử lý mang tính nhân đạo đối với chủ thể thực hiện tội phạm. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu những điểm mới về các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015.

Từ khóa: Biện pháp tha, miễn; trách nhiệm hình sự; hình phạt.

SUMMARY

Basing on the spirit of the Consitution 2013, the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) was constructed with the recognition of respect and protection of human rights by penal regulations. One example is that in the Criminal Code 2015 there are many changes and amendments relating to parole and exemption of criminal responsibility in the trend of humanity to the offenders. In this article, the author presented his study on new points of the parole and exemption of criminal responsibility in the Criminal Code 2015.

Key words: Parole and exemption of criminal responsibility; sentences.

1. Nhận thức chung về các biện pháp tha, miễn trong luật Hình sự Việt Nam

Khi nghiên cứu về các biện pháp tha, miễn trong luật Hình sự Việt Nam, về mặt pháp lý, chế định chung này không được BLHS năm 2015 quy định một cách cụ thể; cũng như về mặt khoa học,

có ít công trình, đề tài nghiên cứu về vấn đề này nên chưa có sự chuẩn hoá về khái niệm “biện pháp tha, miễn trong luật hình sự”, nhưng qua nghiên cứu quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

và bản chất pháp lý của các quy định trong BLHS năm 2015 cho phép đưa ra định nghĩa khoa học của khái niệm biện pháp tha, miễn như sau: *Biện pháp tha, miễn trong luật hình sự là quy phạm (hoặc chế định) mang tính chất nhân đạo, phản ánh sự khoan hồng của Nhà nước đối với những người phạm tội và được cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng chỉ trong một số trường hợp nhất định khi có đầy đủ các căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định¹.*

Trong BLHS năm 2015 các biện pháp tha, miễn được quy định tại 04 chương với 19 điều, cụ thể: Chương V “Thời hiệu truy cứu TNHS, miễn TNHS” với 3 điều (từ Điều 27 đến Điều 29), Chương VIII “Quyết định hình phạt” với 02 điều (Điều 54 và Điều 59) Chương IX “Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt (CHHP), giảm thời hạn CHHP” với 9 điều (từ Điều 60 đến Điều 68) và Chương X “Xóa án tích” với 5 điều (từ Điều 69 đến Điều 73). Ngoài ra, còn có một số biện pháp tha, miễn mang tính đặc thù đối với 2 chủ thể của tội phạm đặc biệt là pháp nhân thương mại phạm tội và người dưới 18 tuổi phạm tội. Qua phân tích cụ thể các quy định về biện pháp tha, miễn sẽ bao gồm có 12 chế định

như sau: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS); Thời hiệu thi hành bản án; Miễn TNHS; Miễn hình phạt; Miễn CHHP; Giảm mức hình phạt đã tuyên; Giảm thời hạn CHHP trong trường hợp đặc biệt; Án treo; Tha tù trước thời hạn có điều kiện; Hoãn CHHP tù; Tạm đình chỉ CHHP tù; Xóa án tích.

Qua việc nghiên cứu những quy định về các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015, chúng ta có thể nhận thấy những biện pháp tha, miễn có một số đặc điểm như sau:

Một là, các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015 là những chế định mang tính chất nhân đạo xã hội chủ nghĩa, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước trong phương hướng, đường lối xử lý hình sự đối với người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội;

Hai là, các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015 không phải là những biện pháp cưỡng chế hình sự như hình phạt và các biện pháp tư pháp trong BLHS mà chỉ nhằm khuyến khích, giáo dục, cải tạo người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội tích cực, tự giác cải tạo bản thân, sửa chữa lỗi lầm, nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng;

Ba là, các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015 là những chế định đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, được quy định chặt chẽ qua những quy định về điều kiện và đối tượng được áp dụng;

¹ GS, TSKH Lê Cẩm, *Khái niệm, các đặc điểm (dấu hiệu), phân loại và bản chất pháp lý của các biện pháp tha miễn trong luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3/2001.

Bốn là, biện pháp tha, miễn được quy định trong BLHS năm 2015 phải do những cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền đánh giá, xem xét áp dụng chỉ trong một số trường hợp nhất định.

2. Những điểm mới về các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015

Những điểm mới của BLHS năm 2015 đã thể hiện một số thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước ta. Sự thay đổi này nhằm tương thích với pháp luật quốc tế, đồng thời phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội cũng như thể hiện được ý chí, nguyện vọng của toàn dân. Một trong những chính sách đó chính là việc một số quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đã thể hiện tinh thần của Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cụ thể một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp là sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt

ng nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế². Những chính sách trên của Đảng đều mang tính nhân đạo trong phương hướng, biện pháp xử lý đối với người phạm tội. Chính vì vậy những thay đổi trong BLHS năm 2015 về những chế định liên quan đến các biện pháp tha, miễn đã thể hiện rõ tinh thần này.

Qua việc nghiên cứu những quy định về các biện pháp tha, miễn trong BLHS năm 2015, chúng ta có thể nhận thấy những điểm mới như sau:

a. Những chế định liên quan đến các biện pháp tha, miễn áp dụng trong trường hợp thông thường

- Chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và chế định thời hiệu thi hành bản án

Theo quy định tại Điều 27 BLHS năm 2015 thì thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS và theo quy định tại Điều 60 BLHS năm 2015 thì thời hiệu thi hành

²Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên. Như vậy, đây là những biện pháp tha, miễn được áp dụng do hết thời hiệu để truy cứu TNHS hoặc hết thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội hoặc bị kết án (sau một thời hạn nhất định do luật định đã qua, đồng thời khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện được ghi nhận trong BLHS thì người phạm tội không thể bị Nhà nước truy cứu TNHS hoặc phải chấp hành bản án).

Tuy nhiên, Điều 28 BLHS năm 2015 lại quy định về những tội phạm không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS và Điều 61 BLHS năm 2015 quy định về những tội phạm không áp dụng thời hiệu thi hành bản án. Theo đó, ngoài việc kế thừa quy định như trong BLHS năm 1999, những chế định mang tính nhân đạo này của pháp luật hình sự không được áp dụng đối với 2 nhóm tội phạm đặc biệt nguy hiểm là Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Chương XIII) và Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Chương XXVI). Bên cạnh đó, Điều 28 và Điều 61 BLHS năm 2015 còn được bổ sung quy định mới đối với 2 tội danh gồm tội tham ô tài sản (Điều 353) và tội nhận hối lộ (Điều 354) thuộc các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng cũng không được áp dụng những

chế định nhân đạo này. Như vậy, quy phạm mới bổ sung về việc không được áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đã phần nào thể hiện quyết tâm của Nhà nước trong việc kiên quyết trừng trị nghiêm khắc người phạm tội với mục đích loại trừ được những hành vi tham nhũng ở Việt Nam hiện nay nhằm củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước và năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật. Đồng thời còn thể hiện sự thống nhất giữa Việt Nam và các nước trên thế giới trong phương hướng đấu tranh, xử lý kiên quyết đối với những tội phạm phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

- Chế định miễn TNHS

Chế định miễn TNHS được quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015, gồm 3 khoản với 4 điểm mới như sau:

Một trong hai căn cứ được miễn TNHS (dạng bắt buộc) liên quan đến hành vi phạm tội được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 là quy định mới “Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”. Đồng thời, thay đổi căn cứ được miễn TNHS “Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa” từ dạng bắt buộc sang dạng tùy nghi.

Trong khi đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung một trong những căn cứ có thể được miễn TNHS (dạng tùy nghi) đối với người phạm tội quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 bằng cụm từ "... và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận".

Ngoài ra, khoản 3 là quy định mới của Điều 29, được bổ sung như một căn cứ để có thể được miễn TNHS (dạng tùy nghi) nếu người phạm tội đáp ứng đầy đủ các điều kiện.

- Chế định miễn hình phạt

So với quy định trong BLHS năm 1999, quy định tại Điều 54 và Điều 59 BLHS năm 2015 về chế định miễn hình phạt đã được sửa đổi, quy định cụ thể hơn những trường hợp được miễn hình phạt. Theo đó, nếu người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 hoặc người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn TNHS thì có thể được miễn hình phạt.

- Chế định miễn chấp hành hình phạt

Về cơ bản, các quy định tại Điều 62 BLHS năm 2015 về miễn CHHP điều này tương tự như quy định tại BLHS năm 1999. Tuy nhiên, khi phân tích quy phạm của chế định này cho thấy một số điểm mới như sau:

Khoản 2 ngoài việc bổ sung một căn cứ miễn CHHP (dạng tùy nghi) đối với

người bị kết án đó là "Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa". Đồng thời còn quy định giới hạn người bị kết án tù có thời hạn đến 03 năm tù chứ không quy định chung chung là "tù có thời hạn" như quy định tại khoản 1 Điều 57 BLHS năm 1999. Ngoài ra, cũng đã quy định rõ ràng hơn về trường hợp xét miễn CHHP đối với người sau khi bị kết án đã "lập công" thay vì "lập công lớn" như quy định trước đây nhằm tránh khó khăn trong việc xác định lập công mức độ nào thì được coi là lớn.

Bổ sung khoản 7, quy định mới về việc "Người được miễn CHHP vẫn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án".

- Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Những nội dung liên quan đến chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được quy định tại Điều 63 BLHS năm 2015 vẫn được kế thừa, giữ nguyên so với trong BLHS năm 1999. Tuy nhiên, chế định này cũng có một số điểm mới sau đây:

Thay thế cụm từ rất dài "cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương được giao trách nhiệm trực tiếp giám sát, giáo dục" bằng cụm từ "cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền". Quy định này sẽ bao quát nhiều chủ thể áp dụng biện pháp tha, miễn này, tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng;

Bổ sung khoản 4 quy định điều kiện cụ thể giảm lần đầu cho người bị kết án đã được giảm một phần hình phạt mà lại phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý;

Bổ sung khoản 6 quy định các điều kiện để được xét giảm lần đầu cho người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình về tội tham ô hoặc tội nhận hối lộ hoặc đối với người đủ 75 tuổi trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 Điều 40 của BLHS năm 2015.

- Chế độ án treo

Chế độ án treo được quy định tại Điều 65 BLHS năm 2015 gồm những điểm mới như sau:

Bổ sung một số quy định thuộc dạng viện dẫn như tòa án phải buộc người bị án treo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự (khoản 1 và khoản 5);

Bổ sung thêm quy định “Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này” (khoản 3);

Bổ sung quy định “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải CHHP tù của bản án đã cho hưởng án treo” (khoản 5).

- Chế độ tha tù trước thời hạn có điều kiện

Một trong những điểm mới cơ bản của BLHS năm 2015 là lần đầu tiên BLHS năm 2015 đã quy định về chế độ tha tù trước thời hạn có điều kiện (Điều 66) nhằm tạo điều kiện cho người đang CHHP tù có cơ hội được trở về với cộng đồng sớm hơn nhưng phải chịu sự giám sát của chính quyền cơ sở khi về sinh sống tại cộng đồng, điều này góp phần đảm bảo an ninh trật tự, hạn chế khả năng tái phạm của họ. Mặc dù là một chế độ hoàn toàn mới được quy định trong BLHS năm 2015 nhưng tha tù trước thời hạn có điều kiện cũng là một trong những giải pháp để rút ngắn thời gian phải CHHP tù trong trại giam. Qua việc phân tích các quy phạm của chế độ này cho thấy một số điểm mới cơ bản như sau:

Khoản 1 quy định cụ thể về những điều kiện bắt buộc người đang CHHP tù phải đáp ứng đầy đủ thì mới được giảm án tha tù trước thời hạn. Ngoài ra, khoản 1 thể hiện rõ nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự khi còn quy định giảm nhẹ hơn điều kiện về thời gian đã CHHP tù đối với một số đối tượng chính sách nhất định thuộc diện ưu tiên, cụ thể như: người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Khoản 2 quy định những trường

hợp cụ thể mà người bị kết án không được hưởng chế định nhân đạo này đó là: người bị kết án về một trong Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Chương XIII), Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Chương XXVI), Tội khủng bố (Điều 299); người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong Các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV) do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội sản xuất trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy và tội chiếm đoạt chất ma túy; Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 BLHS năm 2015.

Khoản 3 quy định về thời gian thử thách và thủ tục tha tù trước thời hạn có điều kiện và nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Khoản 4 quy định các chế tài được áp dụng đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm pháp luật trong thời gian thử thách.

Khoản 5 quy định các điều kiện mà người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được rút ngắn thời gian thử thách.

- Chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Những quy định tại Điều 67 và Điều 68 BLHS năm 2015 về những biện pháp

tha, miễn này được giữ nguyên nội dung so với Điều 61 và Điều 62 BLHS năm 1999, đều được áp dụng đối với người bị xử phạt tù gặp những điều kiện khó khăn đặc biệt về sức khỏe, về kinh tế, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ nên được hoãn CHHP tù.

- Chế định xóa án tích

Chế định xóa án tích được quy định tại Chương X BLHS năm 2015, từ Điều 69 đến Điều 73 gồm có những điểm mới như sau:

Khoản 2 Điều 69 bổ sung quy định mới về đối tượng không bị coi là có án tích là: Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt.

Đối với những trường hợp đương nhiên được xóa án tích, BLHS năm 2015 vẫn giữ nguyên những điều kiện được quy định trong BLHS năm 1999, đồng thời bổ sung thêm một số quy định mới cũng như quy định cụ thể hơn về điều kiện mới đối với người bị kết án là: hết thời gian thử thách án treo (nếu bị xử phạt án treo), đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Đồng thời, BLHS năm 2015 còn quy định các thời hạn không được phạm tội mới trong thời gian thử thách đối với từng loại và mức hình phạt đã áp dụng. Ngoài ra, BLHS năm 2015 cũng bổ sung thêm quy định đối với người

bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 70 thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung. Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 70 bổ sung quy định mới về trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Đối với những trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án, BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể, phân hóa TNHS cho từng trường hợp. Các quy định tại điều này là sửa đổi, bổ sung các quy phạm về việc xóa án tích với các điều kiện chặt chẽ hơn so với các điều kiện đương nhiên xóa án tích, thu hẹp phạm vi áp dụng biện pháp tha, miễn này.

Khoản 3 Điều 73 bổ sung thêm quy định về cách tính thời hạn để xóa án đối với người phạm nhiều tội.

b. Những chế định liên quan đến các biện pháp tha, miễn áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội và người dưới 18 tuổi phạm tội

- Đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Những chế định liên quan đến pháp nhân thương mại đều là những quy định mới trong BLHS năm 2015. Đây là điểm tiến bộ trong tư duy lập pháp, không

chỉ bắt buộc người phạm tội mới phải chịu TNHS mà kể cả pháp nhân thương mại cũng không được loại trừ TNHS khi đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây ra hậu quả đáng kể. Theo khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại chỉ bắt buộc phải chịu TNHS nếu có đủ 04 điều sau: khi tội phạm được thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân và tội phạm đó chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Điều 76 BLHS năm 2015 cũng quy định thêm phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại. Theo đó, phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội được thu hẹp đáng kể khi phải chịu TNHS nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 và phạm một trong 33 tội được quy định tại Điều 76. Qua đó cho thấy tinh thần nhân đạo, chính sách khoan hồng của Nhà nước ta trong đường lối xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 88 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Như vậy, BLHS năm 2015 không quy định trường hợp đương nhiên được miễn TNHS (dạng bắt buộc) mà chỉ quy định về những điều kiện để

xem xét miễn TNHS (dạng tùy nghi) đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Bên cạnh đó, Điều 89 BLHS năm 2015 cũng quy định pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

- Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Nhà nước ta luôn có những chính sách nhân đạo, khoan hồng trong phương hướng xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, luôn xác định chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội chứ không nhằm mục đích trừng trị. Những quy định luôn mở rộng phạm vi áp dụng theo xu hướng có lợi hơn so với người phạm tội từ đủ 18 tuổi trở lên như mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp miễn TNHS. Đồng thời hạn chế áp dụng các biện pháp cưỡng chế có tính răn đe, trừng trị cao như: Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Do đó, trong BLHS năm 2015 luôn có những quy định về các biện pháp tha, miễn theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng và hạn chế các điều kiện không áp dụng, chủ

yếu dựa trên ý thức cải tạo, chấp hành tốt thì người dưới 18 tuổi phạm tội đều có thể được áp dụng các biện pháp tha, miễn. Những quy định áp dụng các biện pháp tha, miễn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như giảm mức hình phạt đã tuyên, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích về cơ bản đảm bảo một số điều kiện như đối với người từ đủ 18 tuổi phạm tội tuy nhiên phạm vi áp dụng được mở rộng đồng thời thu hẹp một số điều kiện ràng buộc như: người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 2 Điều 91); người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm (khoản 1 Điều 105); giới hạn thu hẹp các điều kiện áp dụng biện pháp tha tù trước hạn so với trường hợp thông thường (Điều 106); mở rộng phạm vi không bị coi là có án tích đối với người chưa thành niên phạm tội (khoản 1 Điều 107), hạn chế việc truy cứu TNHS (khoản 3 Điều 91)... ■

N.N.V

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
2. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017).

3. Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Trịnh Tiến Việt (2000), *Chế định thời hiệu thi hành bản án hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 12/2000.

5. GS, TSKH Lê Cẩm (2001), *Khái niệm, các đặc điểm (dấu hiệu), phân loại và bản chất pháp lý của các biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3/2001.

6. GS, TSKH Lê Cẩm (2001), *Về các*

dạng miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 BLHS năm 1999, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1/2001.

7. GS, TSKH Lê Cẩm (2001), *Về sáu dạng trách nhiệm hình sự khác (ngoài Điều 25) trong BLHS năm 1999*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 2/2001.

8. Đỗ Văn Chính (2007), *Án treo và thực tiễn áp dụng*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 7 năm 2007.

9. Trịnh Quốc Toàn (2008), *Một số biện pháp miễn - giảm hình phạt trong Bộ Luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Kinh tế - Luật, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 24/2008.

(Nhận bài: 09/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ

HUỲNH TRUNG HẬU*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chính thức có hiệu lực vào ngày 01/01/2018 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) không chỉ về mặt kỹ thuật lập pháp mà còn cả về chính sách hình sự. Vấn đề này được thể hiện rõ trong nội dung từng chương, từng điều luật cụ thể. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu, phân tích và trao đổi những điểm mới cơ bản được quy định tại Chương VIII (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế) của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ khóa: Tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; Bộ luật hình sự.

SUMMARY

The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) which came into forces from 01/01/2018 has many some changes and amendments compared to the Criminal Code 1999 (Amended in 2009) not only the legislative technique but also the penal policy. This issue was clear to recognise in every specific chapter and article. In this journal article, the author presented his study, analysis and discussion of the new points in Chapter VIII (Economic Offences) of the Criminal Code 2015 (Amended in 2017).

Key words: Economic offences; Criminal law.

Chương XVIII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng thể hiện trong các văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến

năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020, đặc biệt là chủ trương: “Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

hướng xã hội chủ nghĩa”, “*Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế*”. Việc sửa đổi, bổ sung chương XVIII nhằm xây dựng BLHS phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước sau Hiến pháp năm 2013, phát huy hơn nữa vai trò của BLHS với tư cách là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

So với Chương XVI của BLHS năm 1999, thì Chương XVIII của BLHS năm 2015 được cơ cấu lại khoa học và hợp lý hơn. Theo đó, chương này được chia thành 03 mục, mỗi mục là một nhóm tội phạm; cụ thể¹: Mục 1 “*Các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại*” gồm 12 điều luật (từ Điều 188 đến Điều 199), quy định 18 tội danh (trong đó có 06 điều luật quy định 01 tội

danh, 06 điều luật quy định ghép 02 tội danh). Mục 2 “*Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm*” gồm 17 điều luật (từ Điều 200 đến Điều 216), quy định 25 tội danh (trong đó có 14 điều luật quy định 01 tội danh, 01 điều luật quy định ghép 03 tội danh, 02 điều luật quy định ghép 04 tội danh). Mục 3 “*Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*” gồm 19 điều luật (từ Điều 217 đến Điều 234), quy định 19 tội danh. Việc phân chia thành các mục theo từng lĩnh vực đã thể hiện tính hợp lý, khoa học về kỹ thuật lập pháp, tạo thuận lợi trong áp dụng pháp luật hình sự. Đồng thời, số lượng các điều luật trong chương này tăng từ 35 điều luật lên 48 điều luật, tăng 13 điều luật so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Việc sửa đổi, bổ sung Chương XVIII BLHS năm 2015 tập trung vào các nội dung cơ bản, đó là: (i) bổ sung chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự; (ii) bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội phạm; (iii) tách một số tội phạm ghép thành những tội danh độc lập đối với một số tội phạm; (iv) phi hình sự hóa đối với một số tội phạm; (v) thay thế tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng bằng những tội phạm cụ thể; (vi) hình sự hóa một số hành vi phạm tội trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán và (vii) cụ thể hóa một số tình tiết

¹ TS Nguyễn Sơn, *Chuyên đề “Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2017, trang 25.

định tính, định lượng làm căn cứ định tội hoặc định khung hình phạt. Thể hiện như sau:

Thứ nhất, bổ sung chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm.

BLHS năm 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Đây là quy định mới tiến bộ, phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của việc bảo vệ và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế quy định buộc pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 22 điều luật (quy định 30 tội danh)², gồm: Tội buôn lậu (Điều 188); Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189); Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190); Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng,

vật nuôi (Điều 195); Tội đầu cơ (Điều 196); Tội trốn thuế (Điều 200); Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 203); Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209); Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210); Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211); Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216); Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217); Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226); Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 227); Tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (Điều 232) và Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234). Quy định này là sự cụ thể hóa và nhất quán với quy định tại Điều 76 (Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại). Cũng như hầu hết các tội danh khác có quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại của Bộ luật hình sự năm 2015, việc quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đối với các tội trong chương này là vô cùng cần thiết và phù hợp, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế thị

² TS Nguyễn Sơn, *Chuyên đề “Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2017, trang 26.

trường, xu hướng hội nhập, yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và xử lý tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Thứ hai, bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Cụ thể có 35/48 điều luật quy định hình phạt tiền là hình phạt chính. Trong đó, hình phạt tiền được quy định là hình phạt chính ở một số tội mà trước đây chưa quy định (Điều 205, 231, 192); và trong một số tội phạm mới (Điều 206, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 217a, 218). Chỉ có 13 điều không quy định hình phạt tiền là hình phạt chính (Điều 193, 194, 207, 208, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 229, 230, 233)³. Việc quy định này xuất phát từ cơ sở thực tiễn đó là do chủ thể phạm tội về kinh tế nhằm mục đích về kinh tế nên có thể dùng hình phạt tiền thay thế cho hình phạt tù vẫn đạt được mục đích xử lý tội phạm, thực hiện chủ trương giảm hình phạt tù. Quy định theo hướng này cũng là sự thể chế hóa quan điểm mở rộng áp dụng hình phạt tiền trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng sửa đổi mức phạt tiền cụ thể trong các khung hình

phạt theo hướng tăng nặng. Cụ thể là: có 14 điều luật quy định tăng mức phạt tiền là hình phạt chính (Điều 188, 189, 190, 191, 195, 196, 198, 199, 202, 210, 211, 227, 228, 231). Chỉ có 5 điều luật được giữ nguyên mức phạt tiền (Điều 197, 203, 204, 209, 226). Việc thay đổi này xuất phát từ thực tiễn tình hình kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Mức lương tối thiểu vào thời điểm thông qua BLHS năm 2015 đã tăng gấp rưỡi so với thời điểm thông qua BLHS năm 1999, phản ánh mức sống ngày càng tăng cao của người dân... Mặt khác, việc tăng mức tiền phạt còn nhằm mục đích nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm đối với loại tội phạm này bởi lẽ nó đánh mạnh vào kinh tế, tài chính của người phạm tội.

Thứ ba, tách một số tội phạm thành những tội danh độc lập.

BLHS năm 1999 quy định một số tội phạm ghép thuộc chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Với quy định này thì những hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm khác nhau nhưng lại có chính sách xử lý hình sự như nhau. Chính vì vậy sẽ dẫn đến việc không phân hóa được trách nhiệm hình sự và tạo ra sự không công bằng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Khắc phục những bất cập này, BLHS năm 2015 đã tách những tội phạm ghép thành các tội danh độc lập với chính sách xử lý khác nhau, đảm bảo phù hợp với tính chất, mức độ

³ TS Nguyễn Sơn, *Chuyên đề “Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2017, trang 27.

nguy hiểm của hành vi phạm tội, cụ thể: Tách tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm tại Điều 155 BLHS năm 1999 thành 2 tội danh độc lập là: Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) và Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191); Tách tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh tại Điều 157 BLHS năm 1999 thành 2 tội danh độc lập là: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193) và Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194).

Thứ tư, phi tội phạm hóa (toàn phần hoặc một phần) đối với 04 tội trong BLHS năm 1999.

Với sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu, rộng của nền kinh tế, trước những đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì một số quy định của BLHS về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế hiện nay không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế đất nước. Do vậy, BLHS năm 2015 đã phi hình sự hóa đối với 02 tội phạm được quy định tại BLHS năm 1999, đó là tội kinh doanh trái phép (Điều 159); Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167); Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178).

Việc phi hình sự hóa hành vi báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167) xuất phát từ yêu cầu phát huy được tính năng động của các cơ quan, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra. Bên cạnh đó, việc loại bỏ các tội danh này trong BLHS năm 2015 góp phần đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, phù hợp của chính sách hình sự trong việc xử lý người phạm tội, đảm bảo sự chuẩn xác, thống nhất trong chính sách xử lý hình sự. Góp phần tích cực vào việc bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân như đã được khẳng định tại Hiến pháp 2013. Đây chính là một trong những đòi hỏi để thực hiện chiến lược cải cách tư pháp mà Nghị quyết 49/NQ-TW đã đề ra.

Phi hình sự hóa tội kinh doanh trái phép (Điều 159) xuất phát từ thực tế hiện nay, những lĩnh vực cấm kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư năm 2014 thu hẹp lại, theo đó Nhà nước chỉ cấm kinh doanh một số lĩnh vực cụ thể và những lĩnh vực này đã được quy định tại một số điều luật cụ thể của BLHS các tội phạm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; ma túy; vũ khí; buôn bán người... Bên cạnh đó, với những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện mà vi phạm đã bị xử phạt hành chính là đủ sức răn đe. Riêng một số lĩnh vực khác thì BLHS đã có quy định cụ thể như tội vận chuyển

hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, hoặc một số tội phạm trong lĩnh vực đất đai, bảo hiểm, buôn bán vũ khí, phóng xạ... Do đó, việc duy trì tội kinh doanh trái phép trong BLHS là không còn phù hợp và cần thiết trong thực tế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay. Mặc dù, trong BLHS năm 2015 đã bãi bỏ tội danh này nhưng lại quy định Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông (tại Điều 292 BLHS năm 2015). Luật số 12/2017/QH14 bỏ Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông quy định tại Điều 292 của BLHS năm 2015 để bảo đảm sự thống nhất, bình đẳng trong chính sách xử lý đối với các hành vi kinh doanh trái phép. Đồng thời, do cần thiết xử lý một số hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội danh này đang diễn biến phức tạp, dư luận quan tâm và yêu cầu phải xử lý hình sự, Luật số 12/2017/QH14 đã chỉnh lý theo hướng: Đối với hành vi *“kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép”* được bổ sung vào Điều 206 (Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng); hành vi vi phạm quy định về kinh doanh đa cấp được bổ sung điều luật mới tại Điều 217a (Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp). Trường hợp có đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo thì có thể xử lý về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) hoặc Tội sử

dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290). Việc bổ sung Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp tại điều 217a là nhằm xử lý nghiêm các vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh theo phương thức đa cấp đang diễn biến hết sức phức tạp trong thời gian qua, gây thiệt hại cho nhiều người, nhất là người dân ở vùng nông thôn, gây bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

Thứ năm, thay thế Tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng tại Điều 165 BLHS năm 1999 bằng một số tội cụ thể trong BLHS năm 2015.

Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại Điều 165 BLHS năm 1999. Qua thực tiễn thi hành, quy định này đã phát huy tính tích cực, hiệu quả trong đấu tranh, xử lý các tội phạm kinh tế. Tuy nhiên, đây là một tội danh chung, có phạm vi rộng nhưng lại không cụ thể, rõ ràng, như một cái túi để có thể vận dụng xử lý bất cứ hành vi vi phạm nào. Điều này không đảm bảo tính minh bạch, dễ dẫn đến tình trạng lạm dụng. Trước yêu cầu cụ thể hóa Hiến pháp, bảo đảm minh bạch, an toàn của môi trường kinh doanh, để tránh áp dụng tùy tiện, thì việc thay thế tội danh này bằng các tội danh cụ thể trong từng

lĩnh vực quản lý kinh tế là cần thiết. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 đã bổ sung 9 tội danh mới trong các lĩnh vực kinh tế, bao quát các lĩnh vực thường xảy ra vi phạm để thay thế cho Tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Cụ thể như: Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217); Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218); Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219); Tội vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220); Tội vi phạm quy định của Nhà nước về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221); Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222); Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223); Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224); Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 230)⁴.

Thứ sáu, bổ sung một số tội phạm mới trong các lĩnh vực, cụ thể:

Bổ sung 01 tội danh trong lĩnh vực

⁴ TS Nguyễn Sơn, Chuyên đề “Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2017, trang 28.

chứng khoán: Tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán cũng là những tội phạm mới được bổ sung vào BLHS năm 1999 trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, gồm có 03 tội danh (Tội công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán - Điều 181a; Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán - Điều 181b; Tội thao túng giá chứng khoán - Điều 181c). BLHS năm 2015 đã bổ sung 01 tội danh mới - Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212) nhằm đảm bảo BLHS bao quát được hết những hành vi nguy hiểm cho xã hội trong lĩnh vực chứng khoán, bởi vì việc làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán đã xảy ra khá phổ biến trong thời gian qua nhưng chế tài hành chính không đủ sức răn đe, trong khi đó thị trường chứng khoán là thị trường tương đối nhạy cảm, có ảnh hưởng lớn tới sự ổn định, phát triển của nền kinh tế đất nước.

Bổ sung 4 tội danh trong lĩnh vực bảo hiểm: Thực trạng vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội trong những năm gần đây có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người lao động. Một vấn đề nổi cộm là vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là tình trạng chậm đóng, nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động ngày càng gia tăng với số tiền lớn xảy ra ở hầu hết các tỉnh,

thành trên cả nước, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của hàng trăm nghìn người lao động, dẫn đến việc họ không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế kịp thời. Bên cạnh đó, tình trạng lợi dụng kẽ hở của pháp luật trong kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cũng xuất hiện ngày càng phổ biến. Thực tiễn cho thấy, trong một số trường hợp, cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng một số quy định của BLHS năm 1999 để xử lý đối với hành vi gian lận bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và hành vi trục lợi trong kinh doanh bảo hiểm hội. Tuy nhiên, việc vận dụng này chưa được thống nhất và đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Trong khi đó, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và kinh doanh bảo hiểm là lĩnh vực có những đặc thù, hơn nữa, quyền được bảo đảm an sinh xã hội là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 khẳng định (Điều 34). Do vậy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung 04 tội danh liên quan đến lĩnh vực này, đó là Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 214); Tội gian lận bảo hiểm y tế (Điều 215) và Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216).

Thứ bảy, cụ thể hóa một số tình tiết định tính, định lượng làm căn cứ định

tội hoặc định khung hình phạt một số tội phạm.

Để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của các dấu hiệu định tính, định lượng, làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc dấu hiệu định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, các điều luật của mục này đã cụ thể hóa tương đối đầy đủ, rõ ràng các dấu hiệu định tính, định lượng. Đó là:

- Dấu hiệu “*thu lợi bất chính lớn*”, “*thu lợi bất chính rất lớn*”, “*thu lợi bất chính đặc biệt lớn*” quy định tại các điều luật trong BLHS năm 1999 cũng như các tội mới được bổ sung đã được BLHS năm 2015 cụ thể hóa tại tất cả các điều luật liên quan bằng số tiền thu lợi bất chính cụ thể. Nội dung này được quy định trong nhiều điều luật như: Điều 188, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 198, 210, 202, 203, 209, 201, 211, 212, 217, 218, 225, 226, 227...

- Dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” được quy định trong BLHS năm 1999 cũng như các tội mới được bổ sung đã được BLHS năm 2015 cụ thể hóa tại tất cả các điều luật liên quan bằng những mức định lượng thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản. Nội dung này được quy định trong nhiều điều luật như: Điều 192, 193, 194, 195, 196, 199, 203, 206, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 224, 225, 226, 227, 230, 231...

- Dấu hiệu “số lượng lớn”, “số lượng rất lớn”, “số lượng đặc biệt lớn” được BLHS năm 1999 quy định tại các điều luật thuộc nhóm tội phạm này đã được BLHS năm 2015 cụ thể hóa bằng số lượng cụ thể. Nội dung này được quy định trong nhiều điều luật như: Điều 190, 199, 195, 196, 202, 203...

- Dấu hiệu “*phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng*”, “*trong trường hợp rất nghiêm trọng*” và “*trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng*” làm căn cứ định khung hình phạt đã được cụ thể hóa bằng trị giá tiền thật hoặc tương ứng với tiền thật (trong trường hợp tiền giả hoặc tương ứng với công cụ chuyển nhượng giá hoặc những giấy tờ có giá giả khác). Nội dung này được quy định trong nhiều điều luật như: Điều 202, 207, 208...

Ngoài ra, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn sửa đổi, bổ sung cấu thành cơ bản của một số tội phạm như: bổ sung thêm phạm vi khách thể cần được bảo vệ của tội vi phạm quy định trong hoạt động của tổ chức tín dụng (Điều 179 BLHS năm 1999), theo đó, BLHS năm 2015 không chỉ xử lý hình sự đối với những hành vi vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng như BLHS năm 1999 mà còn xử lý những hành vi vi phạm quy định trong hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng thuộc phạm vi bị xử lý hình sự; sửa đổi cấu thành cơ bản của một số tội phạm trong lĩnh

vực nhằm đảm bảo chính xác hơn, đầy đủ hơn các hành vi cần được xử lý hình sự cũng như loại bỏ bớt những hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội. Ví dụ: Điều 207 BLHS năm 2015 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả) đã loại bỏ khách thể cần được bảo vệ là “ngân phiếu giả, công trái giả” như quy định tại Điều 180 BLHS năm 1999; Điều 211 BLHS năm 2015 (tội thao túng thị trường chứng khoán) đã bổ sung thêm 04 loại hành vi trong cấu thành cơ bản để đảm bảo sự đầy đủ, chính xác và bao quát hết những hành vi nguy hiểm trong lĩnh vực chứng khoán. Đồng thời, hủy bỏ hay bổ sung một số điểm trong một số điều luật. Chẳng hạn: không quy định nội dung điểm c khoản 1 Điều 153; điểm c khoản 1 Điều 154 BLHS năm 1999 trong Tội buôn lậu và Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Hủy bỏ điểm g, điểm l khoản 2 Điều 153 BLHS năm 1999 những bổ sung tinh tiết định khung tăng nặng đối với các tội này nếu như: “*vật phạm pháp là bảo vật quốc gia*” (điểm đ khoản 2 Điều 188; điểm c khoản 2 điều 189...). Bên cạnh đó, cụ thể hóa các thuật ngữ trong các quy định của BLHS, cụ thể như: quy định rõ hơn về hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép qua biên giới là buôn bán, vận chuyển “*trái phép qua biên giới hoặc khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái với quy định của pháp luật*” (khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 189); hay “*phạm*

tội nhiều lần” được quy định rõ ràng hơn là “*phạm tội 2 lần trở lên*” (điểm h khoản 2 Điều 188; điểm e khoản 2 Điều 190...).

Tóm lại, trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ khái quát những điểm mới cơ bản về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc nghiên cứu chuyên sâu vào từng vấn đề cụ thể tương ứng với những điểm mới trong từng điều luật cụ thể đòi hỏi phải có thời gian và cần có sự đóng góp của nhiều nhà khoa học các chuyên gia pháp lý. ■

H.T.H

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN

Việt Nam, *Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2010.

2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2017.

3. PGS, TS. Nguyễn Thị Phương Hoa - TS. Phan Anh Tuấn (Đồng chủ biên), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM, 2017.

4. TS Nguyễn Sơn, *Chuyên đề “Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2017.

(Nhận bài: 07/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ CÁC TỘI PHẠM MA TÚY

PHAN CÔNG CHUYỂN*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Kể từ ngày 01/01/2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực thi hành. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 có nhiều điểm mới, riêng đối với tội phạm về ma túy có một số điểm mới cơ bản. Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin trình bày những điểm mới đó.

Từ khóa: Bộ luật hình sự; ma túy; tội phạm về ma túy; điểm mới.

SUMMARY

The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) which came into forces from 01/01/2018 has many new points compared to the Criminal Code 1999, especially there are some basic changes in drug-related offences. In this article, the author presented new points of these offences.

Key words: Criminal law; drug; drug-related offences; new point.

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, gồm 426 điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 có nhiều điểm mới, riêng đối với các tội phạm về ma túy được quy định ở Chương XX “Các tội phạm về ma túy” có một số điểm mới cơ bản như về cơ cấu điều luật, tên điều luật; về giảm hình phạt tử hình đối với một số tội phạm về ma túy; sửa đổi một số tình tiết định khung, cụ thể hóa dấu hiệu định tội; về xác định hàm lượng chất ma túy, tiền chất để làm căn cứ định tội, định khung; thay đổi đơn vị tính; bổ

sung một số chất ma túy phổ biến trong dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung.

1. VỀ CƠ CẤU ĐIỀU LUẬT VÀ TÊN ĐIỀU LUẬT

Trong BLHS năm 1999, các tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy, chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại Điều 194. *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*¹, đây là tội ghép gồm có 04 tội: tàng trữ trái phép chất ma túy; vận chuyển trái phép chất ma túy; mua bán

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

trái phép chất ma túy và chiếm đoạt chất ma túy. Việc quy định như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đấu tranh với tội phạm, vì có những trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi liên hệ chặt chẽ với nhau, hành vi này là tiền đề hoặc là hệ quả tất yếu của hành vi kia², trong trường hợp như vậy, Tòa án có thể kết án người phạm tội về một tội danh bao gồm tất cả hành vi mà đã thực hiện. Tuy nhiên, xét về hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phạm thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và hành vi chiếm đoạt chất ma túy không nguy hiểm bằng hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong khi đó Điều 194 (BLHS năm 1999) lại quy định về định lượng, mức hình phạt đối với các hành vi này giống nhau nên thực tế gặp nhiều khó khăn trong định tội danh và hình phạt. Việc quy định tất cả các tội tàng trữ trái phép chất ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy và chiếm đoạt chất ma túy trong cùng một điều luật dẫn đến thiếu phân hóa trách nhiệm đối với những hành vi phạm tội có tính nguy hiểm khác nhau.

Vì vậy, “nhằm có chính sách xử lý riêng phù hợp với tính chất, mức độ của hành

vi phạm tội, bảo vệ tốt hơn quyền của con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”³, góp phần định tội danh và áp dụng mức hình phạt một cách công bằng phù hợp giữa các hành vi phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, BLHS năm 2015 đã tách Điều 194 BLHS năm 1999 thành 04 tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249); Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251); Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252)⁴.

Tương tự như trên, trong BLHS năm 1999, Điều 200 quy định “Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy”⁵, theo đó, Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy và Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy được quy định chung trong cùng một điều luật với khung hình phạt như nhau. Điều này dẫn đến thiếu sự phân hóa trách nhiệm hình sự, bởi vì so với hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy nguy hiểm hơn nhiều. Vì vậy, BLHS năm 2015 đã tách thành 02 điều luật riêng: Điều 257 (Tội cưỡng bức người khác sử

¹ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

² Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2007), Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999, Hà Nội.

³ Bộ Tư pháp, Báo cáo thẩm định Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) số 33/BTP ngày 10/02/2015, Tiểu mục 8.1, Phần III.

⁴ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

⁵ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

dụng trái phép chất ma túy) và Điều 258 (Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy), nâng tổng số điều luật trong chương XX BLHS năm 2015 lên 13 Điều⁶.

Ngoài ra, ở Điều 192 BLHS năm 1999 quy định “Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy”⁷ thì BLHS năm 2015 đã sửa đổi tên điều luật thành Điều 247 “Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy”.

2. Giảm hình phạt tử hình đối với các tội phạm về ma túy

Việc hạn chế hình phạt tử hình ở nước ta hiện nay là sự thể hiện tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền sống của con người, đồng thời tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về giảm hình phạt tử hình trong các Nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Theo đó, Nghị quyết số 49/NQ-TW đã khẳng định chủ trương “Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”⁸. Do vậy, để góp phần giảm án tử hình trên thực tế,

BLHS năm 2015 đã tách tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thành 04 tội danh độc lập, đồng thời chỉ giữ lại hình phạt tử hình đối với tội mua bán trái phép chất ma túy và tội vận chuyển trái phép chất ma túy. Còn đối với các tội danh khác thì mức hình phạt cao nhất là tù chung thân⁹.

3. Sửa đổi một số tình tiết định khung, cụ thể hóa dấu hiệu định tội

Nhằm khắc phục những hạn chế trong quy định của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 đã sửa đổi dấu hiệu định tội của Điều 247 “Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy”, theo đó, đã liệt kê thêm các hành vi vi phạm ở khoản 1¹⁰.

Đồng thời Điều luật đã bổ sung thêm khoản 4 “*Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*” mà ở Điều 192 BLHS 1999 chưa có. Khoản 2 của Điều luật bổ sung thêm Điểm b “*Với số lượng 3.000 cây trở lên*”¹¹.

Cụ thể hóa các từ chỉ số lượng như “nhiều lần” thành “02 lần trở lên”, ví dụ tại Điểm b, Khoản 2 các Điều 248, Điều

⁶ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

⁷ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

⁸ Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

⁹ Xem các điều 249, 250, 251, 252 BLHS năm 2015.

¹⁰ Ví dụ: Khoản 1, Điều 247 BLHS năm 2015 quy định: “a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống; b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây”.

¹¹ Xem Điều 247 BLHS năm 2015.

253, 254, 255, 256, 257, sửa “*phạm tội nhiều lần*” thành “*phạm tội 02 lần trở lên*”.

Các điều luật ở Chương XX của BLHS 2015 ở khoản 1 không chỉ quy định các mức chế tài như BLHS năm 1999 mà còn liệt kê cụ thể các hành vi, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người áp dụng luật.

BLHS năm 2015 đã sử dụng phương pháp mô tả nhiều hơn, cụ thể hóa dấu hiệu cấu thành tội phạm. Chẳng hạn, đã làm rõ hơn dấu hiệu pháp lý về mặt chủ quan của tội phạm ở Điều 250 “Tội vận chuyển trái phép chất ma túy” như: “vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy”¹². Vấn đề tương tự cũng đã thể hiện ở Điều 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), Điều 253 (Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 254 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy), Điều 257 (Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy), Điều 258 (Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy), Điều 259 (Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần)¹³.

4. Về việc xác định hàm lượng chất

¹² Xem Điều 250 BLHS năm 2015.

¹³ Xem các Điều 249, 252, 253, 254, 257, 258, 259 BLHS năm 2015.

ma túy, tiền chất để làm căn cứ định tội, định khung

BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung đáng lưu ý về định lượng, đơn vị tính cũng như hình phạt. Theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng mức tối thiểu đến mức tối đa định lượng các chất ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự trong từng điều luật, đó là các Điều 249, Điều 250, Điều 252 quy định cụ thể về định lượng, xác định mức tối thiểu đến mức tối đa các chất ma túy để cấu thành tội phạm.

Quy định cụ thể việc định lượng các tiền chất, các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy tại các Điều 253 và Điều 254. Theo đó, đã bổ sung cách xác định khối lượng hoặc thể tích tiền chất liên quan khi đối tượng của hành vi bao gồm các loại tiền chất khác nhau ở dạng rắn và dạng lỏng.

5. Thay đổi đơn vị tính

Về định lượng các chất ma túy, BLHS năm 2015 thay đổi đơn vị tính từ “*trọng lượng*” thành “*khối lượng*”, các vụ án ma túy từ trước đến nay khi thu giữ được vật chứng đều được xác định bằng gam, kilogam... hoặc không thu giữ được tang vật mà dựa trên lời khai của các đối tượng để xác định ma túy bằng đơn vị bánh, cây, chỉ... đây là những đơn vị tính khối lượng chứ không phải trọng lượng. Vì vậy, BLHS năm 2015 đã thay đổi đơn vị tính từ “*trọng lượng*” thành “*khối lượng*” trong các điều luật để đảm bảo tính chính xác của đơn vị tính.

6. Bổ sung một số chất ma túy phổ biến trong dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung

BLHS năm 1999 không liệt kê tất cả các chất ma túy nằm trong danh mục kiểm soát do Chính phủ ban hành, mà chỉ đề cập một số chất ma túy phổ biến như heroin, cocain, những chất còn lại dùng thuật ngữ chung là “các chất ma túy khác ở thể rắn”, “các chất ma túy khác ở thể lỏng”¹⁴. Thực tiễn đấu tranh chống tội phạm về ma túy cho thấy đã xuất hiện một số chất ma túy phổ biến, do vậy BLHS năm 2015 đã quy định bổ sung thêm một số chất ma túy trong dấu hiệu định tội và định khung của các điều luật cụ thể như chất ma túy Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11¹⁵. ■

P.C.C

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2013), Nghị định số 82/2013/NĐ-CP Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất, Hà Nội.

2. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

¹⁴ Xem các điều thuộc Chương XVIII BLHS năm 1999.

¹⁵ Xem các điều luật 248, 249, 250, 251, 252 BLHS năm 2015.

3. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2007), Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999, Hà Nội.

5. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2015), Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999, Hà Nội.

6. Bộ Tư pháp, Báo cáo thẩm định Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) số 33/BTP ngày 10/02/2015, Mục 8.1, Phần III.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp, Hà Nội.

8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật Hình sự, Hà Nội.

(Nhận bài: 09/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) VỀ CÁC TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG

MAI THỊ LỘC*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành từ 1/1/2018, so với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều điểm mới, riêng đối với các tội phạm về môi trường quy định tại Chương XIX, Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có một số điểm mới cơ bản như trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; quy định mức định lượng vi phạm; bổ sung tội danh mới trong chương các tội phạm về môi trường; nâng mức phạt tiền. Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin trình bày những điểm mới đó.

Từ khóa: Bộ luật Hình sự; điểm mới; môi trường; tội phạm về môi trường.

SUMMARY

The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) which came into forces from 01/01/2018 has many new points compared to the Criminal Code 1999. In chapter XI, the Criminal Code 2015 (Amended in 2017) regulated some new significant points such as criminal responsibility of corporate legal entity; the exact quantity of crime; adding new articles in this chapter, raising the fine payment. In this article, the author presented new points of the chapter of environmental offences.

Key words: Criminal law; new point; environment; environmental offences.

Tội phạm về môi trường được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường. Tuy nhiên, qua tổng kết công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về môi trường cho thấy các quy định về tội phạm môi trường còn nhiều vướng mắc,

bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về môi trường như: Hầu hết các điều luật quy định tội phạm về môi trường chỉ quy định chung về “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”, chưa có

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

một văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành, hướng dẫn phân biệt mức độ vi phạm và mức định lượng vi phạm gây khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật trong xử lý các hành vi phạm tội. Ngoài ra, chủ thể vi phạm các tội phạm, theo quy định tại Điều 2 của BLHS năm 1999, chỉ truy cứu trách nhiệm đối với cá nhân người phạm tội mà không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, trong khi thực tiễn cho thấy các pháp nhân thương mại mới là chủ thể chủ yếu gây ra các vụ việc ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng. Việc không quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với các tội phạm về môi trường cùng với những hạn chế của các chế tài hành chính, dân sự đã làm giảm đáng kể hiệu quả của công tác phòng, chống tội phạm về môi trường.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ra đời, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, trong đó có Chương XIX, quy định các tội phạm về môi trường đã cơ bản khắc phục được những bất cập của quy định về tội phạm môi trường trong BLHS năm 1999, góp phần tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường. So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung mới quan trọng ở Chương XIX như trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; quy định mức định lượng vi phạm; giữ 11 tội danh

cũ và bổ sung các tội danh này cho phù hợp với tình hình thực tế; bổ sung 01 tội danh mới và nâng mức phạt tiền. Chương XIX - BLHS năm 2015 gồm có 12 điều và có những điểm mới với nội dung cơ bản như sau:

1. Về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Lần đầu tiên trong lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự nước ta, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã ban hành những quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại¹. Quy định đó đã cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng và Hiến pháp năm 2013, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của BLHS trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Việc bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại xuất phát từ thực tế trong thời gian qua, nhiều pháp nhân

¹ Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên - Xem Điều 75 Bộ luật Dân sự năm 2015.

thương mại đã thực hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng nhưng do BLHS năm 1999 chưa quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nên việc xử lý trách nhiệm của các pháp nhân này gặp nhiều khó khăn và thiếu hiệu quả.

Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về 33 tội danh được quy định trong BLHS năm 2015² (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trong đó, tội phạm về môi trường có 09 tội danh bao gồm các điều luật: Điều 235 (tội gây ô nhiễm môi trường); Điều 237 (tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường); Điều 238 (tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông); Điều 239 (tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam); Điều 242 (tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản); Điều 243 (tội huỷ hoại rừng); Điều 244 (tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm); Điều 245 (tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên); Điều 246 (tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại).

Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm hình phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất

định; cấm huy động vốn³. Đối với các tội phạm về môi trường, các hình phạt như phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được quy định tại 09 tội danh; hình phạt cấm huy động vốn được quy định tại 05 tội danh⁴. Bên cạnh đó, pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp⁵. Tuy nhiên, với tội phạm về môi trường các biện pháp tư pháp như trên không được

⁴ Xem các Điều 242, 243, 244, 245, 246 BLHS năm 2015.

⁵ Xem các Điều 47, 48, 82 BLHS năm 2015 (bao gồm: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường).

² Xem Điều 76 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015.

³ Xem các Điều 77, 78, 79, 80, 81 BLHS năm 2015.

áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

2. Về quy định mức định lượng vi phạm

BLHS năm 1999 tại các Điều 182 (Tội gây ô nhiễm môi trường), Điều 182a (Tội vi phạm các quy định về quản lý chất thải nguy hại), Điều 191a (Tội nhập khẩu phát tán các loài ngoại lai xâm hại) không quy định cụ thể mức định lượng vi phạm mà quy định chung chung, vì vậy quá trình xử lý gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo tính khả thi.

Ví dụ: Khoản 1 Điều 182 BLHS năm 1999 quy định “*Người nào thải vào không khí, nguồn nước, đất các chất gây ô nhiễm môi trường, phát tán bức xạ, phóng xạ vượt quá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải ở mức độ nghiêm trọng hoặc làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác*”. Chính việc quy định thiếu tính cụ thể như vậy nên rất khó khăn trong xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, BLHS năm 2015 đã sửa đổi một số tội phạm về môi trường theo hướng cụ thể hoá bằng các con số để dễ dàng đối chiếu, chứng minh trong định tội. Chẳng hạn, ở Điều 235, 236 xác định rõ các chỉ số tối thiểu so với quy chuẩn kỹ thuật. Khi đó, chỉ cần xác định được mức độ xả thải, phát bức xạ... để đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật thì có thể định tội; hoặc Điều 242, 243, 245, 246 cụ thể hoá hậu quả thông qua “giá trị tang vật vi phạm”; hoặc “định lượng tang

vật vi phạm” bằng các giá trị cụ thể như Điều 239, 243, 244.

Ví dụ: Khoản 1, Điều 235 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về “Tội gây ô nhiễm môi trường” đã cụ thể hóa các hành vi vi phạm và định lượng mức vi phạm cụ thể như:

Với hành vi thải chất thải nguy hại vào môi trường BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật, hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác*”⁶.

Với hành vi xả nước thải vào môi trường BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Xả thải ra môi trường từ 500 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần, hoặc từ 300 mét khối (m³) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m³) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên*”;

Với hành vi thải khí thải vào môi

⁶ Khoản 1 Điều 235 BLHS năm 2015.

trường BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Thải ra môi trường từ 150.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m³) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m³) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên*”;

Với hành vi thải chất thải phóng xạ vào môi trường BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 50 milisivơ (mSv) trên năm đến dưới 200 milisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,0025 milisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,01 milisivơ (mSv) trên giờ..*”.

3. Bổ sung tội danh mới trong chương các tội phạm về môi trường

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung mới “Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông” (Điều 238) nhằm xử lý các hành vi như: Xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê

điều, công trình phòng, chống thiên tai; Làm hư hỏng công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Khoan, đào thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép; Sử dụng chất nổ, gây nổ, gây cháy trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trừ trường hợp có giấy phép hoặc trường hợp khẩn cấp do luật định; Vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền.

Trước đây các hành vi này chỉ bị xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão với mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống về lụt, bão là 50 triệu đồng, mức phạt tiền tối đa đối

⁷ Khoản 1 Điều 235 BLHS năm 2015.

với mỗi hành vi vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều là 100 triệu đồng⁸. Do đó, các quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực này không đủ tính răn đe, phòng ngừa. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung tội danh này với hình phạt tù có thời hạn là đến 1 năm ở khung cơ bản. Trong trường hợp phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm. Hình phạt tiền quy định đối với tội này lên đến 100 triệu đồng ở Khoản 1⁹.

4. Nâng mức phạt tiền

Lợi nhuận từ hành vi gây ô nhiễm môi trường là khá lớn, có thể giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, giảm chi phí đầu tư và vận hành trạm xử lý nước thải, qua đó có được nguồn thu cao từ những chi phí này. Nếu hình phạt không đủ mạnh để răn đe, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm sẵn sàng tái phạm nhiều lần. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thay đổi cách xác định hình phạt, theo đó mức phạt

tiền cao hơn rất nhiều so với quy định của BLHS năm 1999, mức phạt tiền cao nhất của BLHS 1999 là 100 triệu đồng¹⁰. Đối với cá nhân phạm tội, hình phạt chính có thể bị áp dụng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ, hoặc phạt tù với mức cao nhất là 15 năm tù; ngoài ra còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Đối với pháp nhân thương mại, hình phạt chính chỉ áp dụng hình thức phạt tiền với mức thấp nhất là 50 triệu đồng¹¹, cao nhất là 20 tỷ đồng¹². Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh trong một số lĩnh vực, cấm hoạt động trong một thời hạn, cấm huy động vốn... Như vậy, các điều luật đã có sự điều chỉnh theo hướng nâng cao mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm, mức phạt tiền được quy định ở mức rất cao, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Quy định về tội phạm môi trường có nhiều điểm mới, nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn cho quá trình áp dụng nếu không có những hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo từ ngày BLHS có

⁸ Được thay thế bởi Nghị định số 104/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều với mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai là 50 triệu đồng, mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều là 100 triệu đồng.

⁹ Xem Điều 238 BLHS năm 2015.

¹⁰ Xem Khoản 3, Điều 186. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người, BLHS năm 1999.

¹¹ Mục đ, Khoản 5, Điều 243: Tội hủy hoại rừng, BLHS năm 2015.

¹² Mục c, Khoản 5, Điều 235. Tội gây ô nhiễm môi trường, BLHS năm 2015.

hiệu lực thi hành và áp dụng vào thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường. ■

M.T.L

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*

3. Chính phủ (2013), *Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ*

công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão.

4. Chính phủ (2017), *Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.*

5. Chính phủ (2016), *Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp, Hà Nội.*

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật Hình sự, Hà Nội.*

8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Bộ luật Hình sự, Hà Nội.*

(Nhận bài: 07/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018)

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ TỘI LẠM DỤNG TÍN NHIỆM CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

NGUYỄN NGỌC MINH THÔNG*

TÓM TẮT NỘI DUNG

Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam là một trong những tội phạm xâm phạm sở hữu. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung tình tiết mới đáng chú ý vào tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là “đến hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả”; đáp ứng yêu cầu xử lý các trường hợp có điều kiện trả nợ nhưng vẫn cố tình chây ì không trả để chiếm đoạt tài sản của người khác. Để làm rõ hơn về tội danh này, nội dung bài viết phân tích những điểm mới về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ khóa: Bộ luật Hình sự; điểm mới; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

SUMMARY

Crime of abuse of trust to appropriate property in Vietnam Criminal Law is one of offences against rights of property. The Criminal Code 2015 (Amended in 2017) added to this crime one important detail which said “refuses to repay or return the property when the repayment or return of property is due despite he/she is capable of doing so”; this regulation has met the demand to punish crime in some cases that the offender deliberately refuses to repay or return the property despite he/she is capable of doing so in order to appropriate property. In this article, the author analysed new points of crime of abuse of trust to appropriate property in Criminal Code 2015 (Amended in 2017).

Key words: Criminal Code; new points; abuse of trust to appropriate property.

Theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng của nhóm Việt Ngữ thì “lạm dụng”¹ là sử dụng quá mức hoặc quá giới hạn đã được quy định, “tín

nhiệm”² là tin cậy trong một nhiệm vụ cụ thể nào đó. Như vậy lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có thể hiểu là việc đối tượng nào đó sử dụng quá mức sự được

¹ Từ điển Tiếng Việt, Nxb từ điển Bách khoa, Tr 25.

² Từ điển Tiếng Việt, Nxb sự thật, Tr 35.

* Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

người tin cậy mình để chiếm đoạt tài sản.

Theo giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là trường hợp chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ tài sản đã được giao ngay thẳng do có sự tín nhiệm của chủ tài sản giao cho để thực hiện một việc nào đó³.

Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam là một trong những tội phạm xâm phạm sở hữu. Theo quy định ở Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tội phạm này người phạm tội không dùng bất cứ thủ đoạn nào để lấy tài sản từ trong tay của chủ sở hữu. Chỉ sau khi nhận được tài sản một cách ngay thẳng từ chủ sở hữu thông qua các giao kết hợp pháp, người phạm tội mới có hành vi chiếm đoạt. Bằng các biểu hiện khác nhau, họ thể hiện sự chiếm đoạt của mình có thể là bỏ trốn, đến hạn trả lại tài sản mặc dù có khả năng, điều kiện mà cố tình không trả, dùng thủ đoạn gian dối hoặc sử dụng tài sản vào mục đích hợp pháp dẫn đến không có khả năng để trả lại tài sản. Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định chi tiết các dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm này một các cụ thể, đầy đủ, chính xác hơn.

Dưới góc độ khoa học luật hình sự thì

³Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của (hệ Cao đẳng), Tr 30.

lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định đã vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác có giá trị từ 4 triệu đồng trở lên thông qua hình thức hợp đồng rồi bỏ trốn hoặc đến thời hạn trả lại tài sản dù có khả năng, điều kiện trả lại tài sản mà cố tình không trả hoặc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản hoặc dùng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập cũng như phù hợp với tình hình thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội và thực sự là một bước tiến trong lịch sử lập pháp của nước ta. Đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có sự sửa đổi bổ sung như sau:

Thứ nhất, để cụ thể hóa điều luật, tránh hiểu sai, hiểu không thống nhất về quy định “*đã gây hậu quả nghiêm trọng*” “*đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản*”, Bộ luật Hình sự mới đã bỏ cụm từ “*đã gây hậu quả nghiêm trọng*” và quy định cụ thể rõ ràng đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc

⁴Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi bổ sung 2017).

đã bị kết án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc một số tội danh cụ thể⁴. Các tội danh được liệt kê cụ thể tránh hiểu chung chung không rõ ràng như Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Thứ hai, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định bổ sung trường hợp “*tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*”. Đây cũng là quy định cần thiết, phù hợp, thể hiện rõ việc bảo vệ người bị hại. Nếu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại thì đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà không cần phải xem xét đến yếu tố định lượng tài sản trị giá bao nhiêu hay trước đó đã bị kết án về tội phạm nào hay chưa.

Thứ ba, thay đổi về các dấu hiệu định khung hình phạt. Điểm e khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sử dụng các tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” làm tình tiết định khung hình phạt của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Nhưng cũng như ở các tội khác, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không quy định các tình tiết này làm tình tiết định khung hình phạt, đây cũng chính là

một điểm mới mang tính tiến bộ của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bởi lẽ: Đây là những “*hậu quả gián tiếp*” do hành vi phạm tội gây ra, mà việc định tội, định khung hình phạt đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải căn cứ vào hậu quả trực tiếp của hành vi nguy hiểm cho xã hội, chứ không phải là hậu quả gián tiếp (hậu quả mang tính chất suy diễn và nằm ngoài khả năng dự đoán của người phạm tội). Hơn nữa, những “*hậu quả nghiêm trọng*” hay “*rất nghiêm trọng*”, “*đặc biệt nghiêm trọng*” như trên mang tính không cụ thể, nếu quy định vào trong luật như Bộ luật Hình sự năm 1999, thì sẽ dẫn đến việc phải có văn bản hướng dẫn dưới luật thì mới thi hành được luật, mà luật hình sự thì phải cụ thể và rõ ràng, để hiểu để mọi người đều có thể hiểu và thi hành, tránh phát sinh nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật; như vậy, quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 cụ thể hơn và mang tính tiên liệu thực tiễn cao hơn Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bên cạnh đó, điểm b khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định thêm tình tiết “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” làm tình tiết định khung hình phạt, quy định này là hợp lý và cần thiết để răn đe, trừng trị đối với những người mà tính “*bất tín*” đã trở thành bản tính. Hiện nay tình trạng vay nợ nhưng đến hạn không chịu trả diễn ra tràn lan trên

khắp cả nước, nhiều đối tượng sử dụng thủ đoạn này liên tục nhiều lần, thực hiện trong thời gian dài và coi đây như công cụ kiếm sống của mình. Trong các tội danh thuộc chương các tội xâm phạm sở hữu cũng quy định đây là tình tiết định khung hình phạt. Do vậy để phù hợp với tình hình thực tế cũng như cân đối phù hợp với các tội danh khác, các nhà làm luật đã đưa tình tiết “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” làm tình tiết định khung hình phạt.

Thứ tư, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thể hiện cao tính nhân đạo khi quy định giảm nhẹ hơn các khung hình phạt trong từng điều khoản của tội phạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định khung hình phạt chỉ còn từ 5 năm đến 12 năm trong khi đó Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm. Tương tự khoản 4 Điều 174 mức hình phạt cũng nhẹ hơn, bỏ hình phạt chung thân.

Khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định hình phạt bổ sung khi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là

phạt tiền, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt trên. Đến Bộ luật Hình sự 2015 thì hình phạt bổ sung quy định chỉ áp dụng 1 trong hai hình phạt bổ sung theo quy định chứ không được áp dụng cả hai hình phạt bổ sung trong một số trường hợp như Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định. ■

N.N.M.T

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân.
2. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Hồng Đức.
3. Nguyễn Ngọc Điệp (2017), *Bình luận khoa học phần các tội phạm Bộ luật Hình sự năm 2015*, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nxb Thế giới.
4. Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*.
6. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*.

(*Nhận bài: 06/01/2018; hoàn thành biên tập: 15/01/2018; duyệt đăng: 25/01/2018*)

✦ **SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018 KHỐI SINH VIÊN**

Ngày 25/1/2018, Trường Đại học CSND tổ chức Hội nghị sơ kết học kỳ I năm học 2017 - 2018 khối sinh viên. Đồng chí Đại tá, PGS, TS. Vương Văn Hùng - Phó Hiệu trưởng Nhà trường chủ trì Hội nghị.

Học kỳ I vừa qua, khối sinh viên đã đạt được nhiều thành tích vượt trội. Phong trào thi đua học tập tốt thu hút đông đảo sinh viên tham gia, có 312 sinh viên tham gia nghiên cứu 105 đề tài nghiên cứu khoa học, 120 sinh viên tham gia viết 120 chuyên đề khoa học. Kết quả điểm thi đạt loại khá, giỏi tăng 11,54% so với năm trước. Phong trào thi đua rèn luyện tốt được duy trì thường xuyên, 100% các đơn vị lớp học đăng ký xây dựng “*Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành điều lệnh CAND*”. Sinh viên đã tích cực tham gia nhiều hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn; các hoạt động chung sức vì cộng đồng, bảo vệ môi trường, hoàn thành 107 công trình, phần việc thanh niên. Kết thúc học kỳ I, Nhà trường đã tổ chức kết nạp Đảng cho 485 quần chúng ưu tú; công nhận đảng viên chính thức cho 98 đảng viên dự bị và công nhận cảm

tình đảng cho 1.460 đoàn viên ưu tú.

Tại Hội nghị, đại biểu còn được nghe nhiều ý kiến tham luận về vai trò của Ban chấp hành lớp trong công tác quản lý lớp học; vấn đề tự học, tự nghiên cứu... ý kiến tham luận của đại diện sinh viên Campuchia đang học tập tại Trường. ■

✦ **ĐOÀN KỊCH NÓI CAND BIỂU DIỄN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND**

Tối ngày 24/1/2018, tại Trường Đại học CSND, Đoàn kịch nói Công an nhân dân đã có buổi biểu diễn ca nhạc kịch phục vụ cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên Nhà trường.

Đêm diễn có các tiết mục đơn ca, song ca và 2 vở kịch ngắn chọn lọc “*Giàu giả, nghèo thật*” và “*Tin mừng nơi đảo xa*” đã mang đến nhiều cung bậc cảm xúc cho khán giả. Những vở kịch ngắn được gửi tới khán giả lần này được tiếp cận dưới nhiều màu sắc và góc độ khác nhau nhưng đều hướng đến tình yêu thương gia đình, tình yêu biển đảo quê hương, là sức trẻ, là lý tưởng sống, là ước mơ, là những tình cảm bình dị vốn có trong mỗi con người, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp chân - thiện - mỹ trong cuộc sống. ■

Ban Biên tập